

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Kèm theo Quyết định số 122 /QĐ-CDCT, ngày 04/04/2022 của Hiệu trưởng
Trường cao đẳng Công thương Hà Nội)*

Tên ngành, nghề: Chăm sóc sắc đẹp

Tên tiếng Anh: Beauty care

Mã ngành, nghề: 6810404

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính qui

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên.

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực chuyên nghiệp trong lĩnh vực chăm sóc sắc đẹp, có tay nghề giỏi với trình độ chuyên môn cao với kỹ năng toàn diện. Có khả năng sáng tạo thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế và có khả năng tự tìm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn. Người học có trình độ lý luận, phẩm chất chính trị, có đạo đức, tư cách tốt, yêu ngành, yêu nghề.

1.1.1. Chính trị, đạo đức

- Hiểu biết một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng;

- Yêu nước, yêu Chủ nghĩa xã hội, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và lợi ích của đất nước; Yêu nghề và có lương tâm, đạo đức nghề nghiệp;

- Ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác;

- Tuân thủ các quy định của pháp luật, chịu trách nhiệm cá nhân với nhiệm vụ được giao;

- Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc; Có khả năng làm việc độc lập, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc.

1.1.2. Thể chất, quốc phòng

- Đủ sức khỏe theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế; Biết giữ gìn vệ sinh cá nhân và vệ sinh môi trường, có thói quen rèn luyện thân thể, đạt tiêu chuẩn sức khỏe theo quy định;

- Có những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết theo chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh; Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

1.1.3. Tin học - ngoại ngữ

- Nghe, nói, đọc, viết ngoại ngữ cơ bản theo chuẩn bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc Việt Nam; đọc hiểu được tài liệu chuyên ngành/ nghề Chăm sóc sắc đẹp bằng Tiếng Anh;

- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản được quy định tại Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ban hành 11/3/2014 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; sử dụng được phần mềm tin học văn phòng, mạng Internet để soạn thảo văn bản và tìm kiếm thông tin, tài liệu phục vụ cho công việc chuyên môn của nghề.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

- Mô tả được vị trí, vai trò của nghề Chăm sóc sắc đẹp và đặc trưng của hoạt động Chăm sóc sắc đẹp;

- Trình bày được tác động của nghề Chăm sóc sắc đẹp đối với kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường;

- Mô tả được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các dịch vụ trong lĩnh vực chăm sóc sắc đẹp, mối quan hệ giữa các dịch vụ làm đẹp trong các spa, salon;

- Trình bày được các quy trình nghiệp vụ cơ bản của Chăm sóc sắc đẹp: Kỹ thuật chăm sóc da, chăm sóc móng, trang điểm thẩm mỹ, chăm sóc khách hàng, chăm sóc chuyên sâu về da, quy trình massage bấm huyệt, quản lý cơ sở làm đẹp và các dịch vụ khác;

- Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ, mỹ phẩm chủ yếu của các kỹ thuật trong cơ sở chăm sóc sắc đẹp và giải thích công dụng của chúng;

- Trình bày được các nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn, giải thích được lý do phải tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn trong Cơ sở làm đẹp để nhận diện được các nguy cơ và biện pháp phòng ngừa;

- Tiếp nhận, hiểu rõ các yêu cầu phản hồi của khách hàng về dịch vụ;

- Giám sát và đánh giá được kết quả công việc tại các bộ phận của cơ sở làm đẹp;

- Xác định được các công việc cơ bản trong quản lý nhân sự, quản lý cơ sở vật chất, quản lý tài chính, quản lý tiếp thị và kinh doanh, quản lý chất lượng dịch vụ... trong kinh doanh cơ sở làm đẹp;

- Trình bày được các tiêu chuẩn 5S tại nơi làm việc;

- Mô tả quy trình vận hành kết nối mạng tại cơ sở làm việc;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

1.2.2. Về kỹ năng

- Thực hiện thành thạo quy trình phục vụ khách hàng;

- Thực hiện thành thạo quy trình chăm sóc da: chăm sóc da mặt, da toàn thân, chuyên sâu về da;

- Thực hiện thành thạo quy trình chăm sóc móng, thiết kế tạo hình móng;

- Thực hiện thành thạo quy trình trang điểm thẩm mỹ theo đúng tiêu chuẩn;
- Thực hiện thành thạo quy trình Massage bấm huyệt;
- Thực hiện thành thạo quy trình nối mi;
- Sử dụng an toàn các loại trang thiết bị, mỹ phẩm của cơ sở làm đẹp;
- Xây dựng được các kế hoạch về tiếp thị dịch vụ;
- Xây dựng kế hoạch nhân sự; phân công công việc; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ;
- Xây dựng kế hoạch mua sắm trang thiết bị - dụng cụ, hội thảo hoặc sự kiện,... ;
- Thực hiện công việc hàng ngày và quản lý thời gian làm việc hiệu quả;
- Giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả công việc đảm bảo đúng quy trình và tiêu chuẩn tại các bộ phận dịch vụ của cơ sở làm đẹp;
- Đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn kèm cặp kỹ năng nghề cho đồng nghiệp, nhân viên;

- Giải quyết được các yêu cầu và tình huống trong quá trình phục vụ khách;

1.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng, bảo quản tài sản chung;
- Làm việc độc lập và hợp tác tích cực với đồng nghiệp;
- Có đạo đức nghề nghiệp, chăm sóc khách hàng với thái độ lịch sự, thân thiện.
- Tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn, phòng chống cháy nổ;
- Tự giác học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm: Tiếp đón, chăm sóc khách hàng; Tư vấn chăm sóc sắc đẹp; Chăm sóc da mặt; Chăm sóc da toàn thân; Chăm sóc chuyên sâu về da; Chăm sóc móng; Thiết kế, tạo hình móng nghệ thuật; Trang điểm; Trang điểm hóa trang; Nối mi; Massage bấm huyệt; Thiết lập, vận hành cơ sở làm đẹp.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 28
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 99 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2220 giờ. Trong đó: Khối lượng lý thuyết: 652 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1506 giờ.

3. Nội dung chương trình

Mã MH/ MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, thảo luận, bài tập	Thi, kiểm tra
I	Các môn học chung	29	435	157	255	23

MH 01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH 02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH 03	Giáo dục thể chất	4	60	5	51	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - an ninh	5	75	36	35	4
MH 05	Tin học	5	75	15	58	2
MH 06	Tiếng Anh 1	4	60	21	36	3
MH 07	Tiếng Anh 2	4	60	21	36	3
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	70	2220	652	1506	62
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	16	300	167	117	16
MH 08	Kỹ năng mềm	3	60	27	30	3
MH 09	Giới thiệu thẩm mỹ	2	30	28	0	2
MH 10	Dịch tễ học	3	60	27	30	3
MH 11	Giải phẫu sinh lý	3	60	27	30	3
MH 12	Y tế công cộng	2	30	28	0	2
MH 13	Tiếng Anh chuyên ngành	3	60	30	27	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	54	1920	485	1389	46
MH 14	Sức khỏe và thẩm mỹ	2	45	20	23	2
MĐ 15	Thiết bị chăm sóc da	2	60	28	30	2
MĐ 16	Chăm sóc da cơ bản	3	90	30	57	3
MĐ 17	Chăm sóc da ứng dụng	3	90	20	67	3
MĐ 18	Chăm sóc da nâng cao	4	120	45	71	4
MĐ 19	Móng nghệ thuật cơ bản	3	90	30	57	3
MĐ 20	Móng nghệ thuật nâng cao	3	90	30	57	3
MĐ 21	Thực hành nghề nghiệp 1	4	180	30	146	4
MĐ 22	Massage Body	3	90	30	57	3
MĐ 23	Massage bấm huyệt trị liệu	4	120	30	86	4
MĐ 24	Make up cơ bản	4	120	45	71	4
MĐ 25	Make up nâng cao	4	120	45	71	4
MĐ 26	Thực hành nghề nghiệp 2	4	180	30	146	4
MĐ 27	Set up cơ sở làm đẹp	3	45	42	0	3
MĐ 28	Thực tập tốt nghiệp	8	480	30	450	
Tổng cộng		99	2655	809	1761	85

4. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Quá trình tổ chức đào tạo thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế

hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 11/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

4.1. Các môn học chung

- Môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh: Thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

- Môn học Giáo dục chính trị: Thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

- Môn học Pháp luật: Thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

- Môn học Tin học: Thực hiện theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

- Môn học Giáo dục thể chất: Thực hiện theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

- Môn học Tiếng Anh: Thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Môn học này được tách thành môn Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2. Mỗi môn có khối lượng 4 tín chỉ.

4.2. Xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

Ngoài đi thực tế ngành, thực tập tốt nghiệp; mỗi năm học tổ chức từ 1 đến 2 tuần cho sinh viên đi hoạt động ngoại khóa: đi thăm quan các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chăm sóc sắc đẹp

Thời gian hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa cụ thể như sau:

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	- Phổ biến các qui chế đào tạo nghề, nội qui của trường và lớp học - Phân lớp, làm quen với giáo viên chủ nhiệm
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ,	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng	

Số TT	Hoạt động ngoại khoá	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
	thể thao, dã ngoại, vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	sinh hoạt tập thể; Qua các phương tiện thông tin đại chúng. Ngoài ra, Đoàn thanh niên có thể tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt	ngày hoặc ngoài giờ học hàng ngày Vào các ngày lễ lớn trong năm: - Lễ khai giảng năm học mới - Ngày thành lập Đảng, Đoàn - Ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20/11, thành lập Ngành, các ngày lễ lớn trong năm	- Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc nhóm - Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường
3	Tham quan thực tế	Tập trung, nhóm	Mỗi học kỳ một lần; hoặc trong quá trình thực tập	- Nhận thức đầy đủ về nghề - Tìm kiếm cơ hội việc làm
4	Đọc và tra cứu sách, tài liệu tại thư viện	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	- Nghiên cứu, bổ sung các kiến thức chuyên môn - Tìm kiếm thông tin nghề nghiệp trên mạng Internet

4.3. Tổ chức thi kết thúc môn học, mô đun

- Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức hai kỳ thi: một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc môn học; kỳ thi phụ được tổ chức cho người học chưa dự thi kết thúc môn học hoặc có môn học có điểm chưa đạt yêu cầu ở kỳ thi chính. Ngoài ra, Nhà trường có thể tổ chức thi kết thúc môn học vào thời điểm khác cho người học đủ điều kiện dự thi;

- Hình thức thi kết thúc môn học có thể là thi trắc nghiệm, viết, vấn đáp, thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập bài tập lớn, tiểu luận, bảo vệ kết quả thực tập theo chuyên đề hoặc kết hợp giữa một hoặc nhiều các hình thức trên;

- Thời gian làm bài thi kết thúc môn học đối với mỗi bài thi viết là 60 đến 120 phút, thời gian làm bài thi đối với các hình thức thi khác hoặc thời gian làm bài thi của môn học có tính đặc thù của ngành, nghề đào tạo do Hiệu trưởng quyết định;

- Lịch thi của kỳ thi chính phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 02 tuần, lịch thi của kỳ thi phụ phải được thông báo trước kỳ thi ít nhất 01 tuần; trong kỳ thi, từng

môn học được tổ chức thi riêng biệt, không bố trí thi ghép một số môn học trong cùng một buổi thi của một người học;

- Thời gian dành cho ôn thi mỗi môn học tỷ lệ thuận với số giờ của môn học đó và bảo đảm ít nhất là 1/2 ngày ôn thi cho 15 giờ học lý thuyết trên lớp, 30 giờ học Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập thực tập; tất cả các môn học phải bố trí giáo viên hướng dẫn ôn thi, đề cương ôn thi phải được công bố cho người học ngay khi bắt đầu tổ chức ôn thi;

- Danh sách người học đủ điều kiện dự thi, không đủ điều kiện dự thi có nêu rõ lý do phải được công bố công khai trước ngày thi môn học ít nhất 05 ngày làm việc; danh sách phòng thi, địa điểm thi phải được công khai trước ngày thi kết thúc môn học từ 1 - 2 ngày làm việc;

- Đối với hình thức thi viết, mỗi phòng thi phải bố trí ít nhất hai giáo viên coi thi và không bố trí quá 35 người học dự thi; người học dự thi phải được bố trí theo số báo danh; đối với hình thức thi khác, Hiệu trưởng quyết định việc bố trí phòng thi hoặc địa điểm thi và các nội dung liên quan khác;

- Bảo đảm tất cả những người tham gia kỳ thi phải được phổ biến ít nhất về quyền hạn, nhiệm vụ, nghĩa vụ của mình trong kỳ thi; tất cả các phiên họp liên quan đến kỳ thi, việc lựa chọn bốc thăm đề thi, bàn giao đề thi, bài thi, điểm thi phải được ghi lại bằng biên bản;

- Hình thức thi, thời gian làm bài, điều kiện thi kết thúc môn học học phần phải được quy định trong chương trình chi tiết của môn học.

4.4. Thi tốt nghiệp hoặc xét công nhận tốt nghiệp

- Đối với đào tạo theo niên chế:

- + Người học phải học hết chương trình đào tạo và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp;

- + Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: môn thi Lý thuyết chuyên môn và môn thi Thực hành;

- + Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp theo quy định.

- Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ:

- + Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo;

- + Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp;

- + Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp theo quy định.

4.5. Các chú ý khác

Hướng dẫn phân bổ thời gian và nội dung phần thực hành nghề tại cơ sở:

- Thực hành nghề Chăm sóc sắc đẹp tại cơ sở nhằm mục tiêu hoàn thiện kiến thức, áp dụng các hiểu biết và kỹ năng đã được học tập tại trường vào môi trường nghề nghiệp thực tế;

- Nội dung thực hành nghề Chăm sóc sắc đẹp tại cơ sở là bao gồm những nội dung người học đã được học tại trường (tùy từng đợt thực hành) đặc biệt là các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp để áp dụng vào công việc thực tế;

- Có thể phân bổ nội dung thực hành nghề Chăm sóc sắc đẹp tại cơ sở theo ba hướng sau:

+ Người học thực hành tại các cơ sở Chăm sóc sắc đẹp, các spa, thẩm mỹ viện có công việc phù hợp với nghề nghiệp. Trong trường hợp này cần có giáo viên, hoặc người hướng dẫn (có thể là người có kinh nghiệm trình độ đang làm việc tại các cơ sở) hướng dẫn người học;

+ Thực hành các nghiệp vụ Chăm sóc sắc đẹp (có giáo viên hướng dẫn) tại các xưởng của nhà trường hoặc các cơ sở do nhà trường liên kết, thỏa thuận;

+ Kết hợp cả hai hình thức nói trên.

- Việc lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành tùy điều kiện từng trường có thể lựa chọn hình thức thực hành tại cơ sở cũng như chia thành các đợt thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên./.

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Ngô Kim Khôi

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Giáo dục chính trị

Mã số môn học: MH 01

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (lý thuyết: 41 giờ; thảo luận: 29 giờ; kiểm tra: 05 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	2	2		

2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin	13	9	4	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	13	9	4	
4	Kiểm tra	2			2
5	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	
6	Bài 4: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	5	3	2	
7	Bài 5: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	5	5	
8	Bài 6: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	6	3	3	
9	Kiểm tra	2			2
10	Bài 7: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7	3	4	
11	Bài 8: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	6	3	3	
12	Bài 9: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	3	1	2	
13	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	75	41	29	05

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1: KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội;
- Bước đầu vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin

Bài 2: KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;
- Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguồn gốc

2.1.3. Quá trình hình thành

2.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

2.2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

2.2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

2.2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

2.2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3: NHỮNG THÀNH TỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;

- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4: ĐẶC TRƯNG VÀ PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;

- Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

2.1.2. Do nhân dân làm chủ

2.1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp

- 2.1.4. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc
- 2.1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện
- 2.1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển
- 2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo
- 2.1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới
- 2.2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam
 - 2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường
 - 2.2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
 - 2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội
 - 2.2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội
 - 2.2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế
 - 2.2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất
 - 2.2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân
 - 2.2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Bài 5:

PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;
- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung

- 2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay
 - 2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay
 - 2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội
 - 2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 6: TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay;
- Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế

2.2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

2.3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

2.3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

Bài 7: XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác và xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Bài 8: PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TRONG XÂY DỰNG, BẢO VỆ TỔ QUỐC

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;
- Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung

2.1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Bài 9: TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;
- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phần đầu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;
- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung của môn học đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

VII. Một số hướng dẫn khác

Khuyến khích các trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020" tổ chức thi điểm giảng dạy trực tuyến môn học. Đối với các trường khác, chỉ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Pháp luật

Mã số môn học: MH 02

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 18 giờ; Thảo luận, bài tập: 10 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;
- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)	
----	-----------------	-----------------	--

		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	
3	Bài 3: Pháp luật dân sự	5	3	2	
4	Bài 4: Pháp luật lao động	7	5	2	
5	Bài 5: Pháp luật hành chính	4	3	1	
6	Bài 6: Pháp luật hình sự	5	3	2	
7	Bài 7: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
8	Bài 8: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	1	1	0	
9	Kiểm tra	2			2
	Cộng	30	18	10	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

1. Mục tiêu

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2.1.1. Quy phạm pháp luật

2.2.1.2. Chế định pháp luật

2.2.1.3. Ngành luật

2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Bài 2: HIẾN PHÁP

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung

2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.1.1. Khái niệm hiến pháp

2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3: PHÁP LUẬT DÂN SỰ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật dân sự.
- Nhận biết được quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự

2.3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự

2.3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản

2.3.2. Hợp đồng

Bài 4: PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.
- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động

2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

- 2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động
- 2.3.3. Hợp đồng lao động
- 2.3.4. Tiền lương
- 2.3.5. Bảo hiểm xã hội
- 2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi
- 2.3.7. Kỷ luật lao động
- 2.3.8. Tranh chấp lao động
- 2.3.9. Công đoàn

Bài 5: PHÁP LUẬT HÀNH CHÍNH

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật hành chính;
- Nhận biết được các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính
- 2.2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính
 - 2.2.1. Vi phạm hành chính
 - 2.2.2. Xử lý vi phạm hành chính

Bài 6: PHÁP LUẬT HÌNH SỰ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản của Luật hình sự.
- Nhận biết được các loại tội phạm và các hình phạt.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự
- 2.2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự
 - 2.2.1. Tội phạm
 - 2.2.2. Hình phạt

Bài 7: PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;
- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm tham nhũng

- 2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng
- 2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng
- 2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng
- 2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 8: PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;
- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung

- 2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng
- 2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.
4. Các điều kiện khác:

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Giáo dục thể chất của môn học

Mã số môn học: MH 03

Thời gian thực hiện: 60 giờ (lý thuyết: 05 giờ; thực hành: 51 giờ; kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất

1. Vị trí

Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	BÀI MỞ ĐẦU	1	1		
II	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG				
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	13	1	12	
2	Bài 2: Điền kinh	14	1	13	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	2			2

III	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)	30	2	26	2
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	30	2	26	2
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	30	2	26	2
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	30	2	26	2
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	30	2	26	2
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	30	2	26	2
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	30	2	26	2
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	30	2	26	2
	Cộng	60	5	51	4

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản của một số bài thể dục cơ bản;
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của các bài thể dục được học.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3. Thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.1. Tác dụng của thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: ĐIỀN KINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa hoặc nhảy cao;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

2.3. Nhảy cao hoặc nhảy xa

Tùy theo điều kiện cụ thể, Hiệu trưởng nhà trường quyết định chọn dạy một trong hai nội dung điền kinh dưới đây: Nhảy cao hoặc nhảy xa.

2.3.1. Nhảy cao

2.3.1.1. Tác dụng của nhảy cao

2.3.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy cao

2.3.2. Nhảy xa

2.3.2.1. Tác dụng của nhảy xa

2.3.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy xa

Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN

(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Chuyên đề 1: MÔN BƠI LỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bơi lội.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

2.2.2. Động tác chân và tay

2.2.3. Phối hợp tay - chân

2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

2.2.5. Kỹ thuật xuất phát

2.2.6. Kỹ thuật quay vòng

2.2.7. Kỹ thuật về đích

2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: MÔN CẦU LÔNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.2.7. Kỹ thuật đập cầu

2.2.8. Chiến thuật thi đấu

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: MÔN BÓNG CHUYỀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)

2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt

2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt

2.2.6. Kỹ thuật chắn bóng

2.2.7. Kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: MÔN BÓNG RỔ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực

2.2.4. Kỹ thuật bắt bóng bằng một tay

2.2.5. Kỹ thuật bắt bóng bằng hai tay

2.2.6. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai

2.2.7. Kỹ thuật ném rổ bằng hai tay trước ngực

2.2.8. Kỹ thuật hai bước ném rổ

2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: MÔN BÓNG ĐÁ

1. Mục tiêu

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng đá

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Kỹ thuật di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật giữ/ không chế bóng

2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân

2.2.5. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân

2.2.6. Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân

2.2.7. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên

2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6: MÔN BÓNG BÀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;

- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng bàn.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay

2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay

2.2.4. Kỹ thuật bạt bóng thuận và trái tay

2.2.5. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay

2.2.6. Kỹ thuật tấn công và phòng thủ (thuận và trái tay)

2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7: MÔN THỂ DỤC THỂ THAO KHÁC

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

+ Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

+ Nhảy cao: Nệm nhảy cao, trụ, xà nhảy cao và các thiết bị khác;

+ Nhảy xa: Hồ nhảy xa, thước đo và các thiết bị khác.

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH.

Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh

Mã số môn học: MH 04

Thời gian thực hiện: 75 giờ (lý thuyết: 36 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 35 giờ; kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyển thương.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;
- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;

- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;
- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyên thương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;
- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;
- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;
- Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2		
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	

6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1			1
8	Bài 7: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng	5	3	2	
9	Bài 8: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	5	3	2	
10	Bài 9: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	5	3	2	
11	Bài 10: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh	5	3	2	
12	Kiểm tra	1			1
13	Bài 11: Đội ngũ đơn vị	4	1	3	
14	Bài 12: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	19	5	14	
15	Bài 13: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	
16	Kiểm tra	2			2
	CỘNG	75	36	35	4

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: NHẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;

- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học

2.2. Các nội dung chính

2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học

2.4. Điều kiện thực hiện môn học

2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2: PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;
- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hòa bình"

2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ

2.2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch đối với Việt Nam

2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam

2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch chống phá Việt Nam

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thể lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

2.5. Thảo luận

Bài 3: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

2.3. Thảo luận

Bài 4: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia

2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.5. Thảo luận

Bài 5: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;
- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam

2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam

2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước

2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước

2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

2.4. Thảo luận

Bài 6: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm 2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm

2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội

2.3. Thảo luận

Bài 7: ĐƯỜNG LỐI QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ AN NINH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA, TƯ TƯỞNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.1.1. Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam

2.1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với việc tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa, tư tưởng trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước

2.2.3. Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

2.4. Thảo luận

Bài 8: CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Tính chất đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực

2.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh

2.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt

2.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh

2.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn

2.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới

2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân

2.3.1. Tổ chức thế trận chiến tranh nhân dân

2.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 9: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới

2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới

2.2.1. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng

2.2.2. Chính quy

2.2.3. Tinh nhuệ

2.2.4. Từng bước hiện đại

2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân

2.4. Thảo luận

Bài 10: KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG, Củng cố quốc phòng và an ninh

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;
- Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam

2.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay

2.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ

2.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

2.2.4. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

2.2.5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại

2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay

2.4. Thảo luận

Bài 11: ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung

2.1. Đội hình tiểu đội

2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang

2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc

2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc

2.2. Đội hình trung đội

2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang

2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang

2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang

2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc

2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc

2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc

2.3. Đổi hướng đội hình

2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ

2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi

2.4. Thực hành

Bài 12: GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh

2.1.1. Súng trường CKC

2.1.2. Súng tiểu liên AK

2.1.3. Súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm

2.1.4. Súng diệt tăng B41

2.1.5. Lựu đạn cần 97 Việt Nam, lựu đạn F-1

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh

2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.2.3. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn cần 97 Việt Nam và Lựu đạn F-1

2.3. Thực hành

Bài 13: KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung

2.1. Cầm máu tạm thời

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời

2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu

2.1.4. Các biện pháp cầm máu tạm thời

2.2. Cố định tạm thời xương gãy

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy

2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

2.3. Hô hấp nhân tạo

2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở

2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu

2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở

2.4. Kỹ thuật chuyển thương

2.4.1. Mang vác bằng tay

2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng

2.5. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm học tập

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;

- Cấu tạo, sử dụng một số loại lựu đạn;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC, súng trung liên RPD, súng diệt tăng B41;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Cấu tạo và động tác sử dụng lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC, RPD, B41 cắt bỏ;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97 cắt bỏ;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97 luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07;
- Lựu đạn tập nổ nhiều lần sử dụng CO2 lỏng (LĐT-15).

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn, túi đựng lựu đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;
- + Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Thắt lưng;
- + Giày da;

- + Tất sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biển tên;
- + Ca vát.
- Trang phục người học giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thắt lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tin học

Mã số môn học: MH 05

Thời gian thực hiện: 75 giờ, (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; kiểm tra: 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

1. Về kiến thức

Trình bày và giải thích được được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;

- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;

- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;

- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;

- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;

- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;

- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;

- Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	5	3	2	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	6	2	4	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	17	2	15	
4	Kiểm tra	1			1
5	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	29	4	25	
6	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	11	2	9	
7	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	5	2	3	
8	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	75	15	58	2

2. Nội dung chi tiết

Chương I. HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;

- Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

2.4. Mạng cơ bản

2.4.1. Những khái niệm cơ bản

2.4.2. Internet, Intranet, Extranet

2.4.3. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.3.1. Truyền dữ liệu trên mạng

2.4.3.2. Tốc độ truyền

2.4.3.3. Các số đo (bps, Kbps, Mbps, Gbps...)

2.4.4. Phương tiện truyền thông

2.4.4.1. Giới thiệu về phương tiện truyền thông

2.4.4.2. Bảng thông

2.4.4.3. Phân biệt các phương tiện truyền dẫn có dây

2.4.5. Download, Upload

2.5. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông

2.5.1. Một số ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trong kinh doanh

2.5.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông

2.6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông

2.6.1. An toàn lao động

2.6.2. Bảo vệ môi trường

2.7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính

2.7.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu

2.7.2. Phần mềm độc hại (malware)

2.8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin

2.8.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ

2.8.2. Bảo vệ dữ liệu

Chương II. SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;

- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng

2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng

2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin

2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin

2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin

2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục

2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục

2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

2.3. Sử dụng Control Panel

2.3.1. Khởi động Control Panel

2.3.2. Region and Language

2.3.3. Devices and Printers

2.3.4. Programs and Features

2.4. Một số phần mềm tiện ích

2.4.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin

2.4.2. Phần mềm diệt virus

2.5. Sử dụng tiếng Việt

2.5.1. Các bộ mã tiếng Việt

2.5.2. Cách thức nhập tiếng Việt

2.5.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

2.6. Chuyển đổi định dạng tập tin

2.7. Đa phương tiện

2.8. Sử dụng máy in

2.8.1. Lựa chọn máy in

2.8.2. In

Chương III. XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;
- Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

2.1.1. Khái niệm văn bản.

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản.

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

2.2.2.3. Lưu tập tin

2.2.2.4. Đóng tập tin

2.2.3. Định dạng văn bản

2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)

2.2.3.2. Định dạng đoạn văn

2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)

2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering

2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)

2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)

2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)

2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản

2.2.3.4.1. Bảng (Table)

2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)

2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)

2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt

2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes

2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)

2.2.3.6. Tham chiếu (Reference)

2.2.3.7. Hoàn tất văn bản

2.2.3.7.1. Căn lề toàn bộ văn bản

2.2.3.7.2. Thêm, bỏ ngắt trang

2.2.3.7.3. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)

2.2.4. In văn bản

2.2.5. Phân phối văn bản

2.2.6. Soạn thông báo, thư mời

2.2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu

Chương IV. SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;

- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

2.2.1. Khái niệm bảng tính

2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel

2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm

2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel

2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính

2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính

2.2.2.2. Lưu bảng tính

2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

2.3.1. Các kiểu dữ liệu

2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

2.3.3.1. Xóa dữ liệu

2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xóa dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.2.1.4. Ẩn/hiện, cố định (freeze)/ thôi cố định (unfreeze) tiêu đề dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Định dạng ô, dãy ô

2.5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.5.2. Định dạng văn bản

2.5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

2.6. Biểu thức và hàm

2.6.1. Biểu thức số học

2.6.1.1. Khái niệm biểu thức số học

2.6.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản

2.6.1.3. Các lỗi thường gặp

2.6.2. Hàm

2.6.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm

2.6.2.2. Toán tử so sánh =, <, >

2.6.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND, INT, MOD, RANK)

2.6.2.4. Hàm điều kiện IF

2.6.2.5. Các hàm logic (AND, OR)

2.6.2.6. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR, NOW)

2.6.2.7. Các hàm chuỗi (LEFT, RIGHT, MID, LEN, UPPER, PROPER, LOWER, VALUE)

2.6.2.8. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)

2.6.2.9. Các hàm có điều kiện (COUNTIF, SUMIF)

2.7. Biểu đồ

2.7.1. Tạo biểu đồ

2.7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ

2.8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.8.1. Trình bày trang tính để in

2.8.2. Kiểm tra và in

2.8.3. Phân phối trang tính

Chương V. SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.1.7. Chèn Audio, Video

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI. SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;

- Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

- 2.1.1. Tổng quan về Internet
- 2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)
- 2.1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

- 2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web
 - 2.2.1.1. Thao tác duyệt web cơ bản
 - 2.2.1.2. Thiết đặt (setting)
 - 2.2.1.3. Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác
 - 2.2.1.4. Đánh dấu
- 2.2.2. Sử dụng Web
 - 2.2.2.1. Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công
 - 2.2.2.2. Tìm kiếm, bộ tìm kiếm (máy tìm kiếm)
 - 2.2.2.3. Lưu nội dung
 - 2.2.2.4. In
- 2.2.3. Thư điện tử (Email)
 - 2.2.3.1. Khái niệm thư điện tử
 - 2.2.3.2. Viết và gửi thư điện tử
 - 2.2.3.3. Nhận và trả lời thư điện tử
 - 2.2.3.4. Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử

2.3. Một số dạng truyền thông số thông dụng

- 2.3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời
- 2.3.2. Cộng đồng trực tuyến
- 2.3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử

2.4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

- 2.4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin
- 2.4.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng
- 2.4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet
- 2.4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1 . Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.
- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).
- Bàn ghế giảng viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.
- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa; Các thiết bị mạng cơ bản: Bridge, Repeater, Hub, Switch, Router và Gateway.
- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giảng viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTĐ. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:
 - + Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;
 - + Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Người học đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Tên môn học: Tiếng Anh 1

Mã môn học: MH 06

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ, (Lý thuyết: 21 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 36 giờ; Kiểm tra và ôn tập: 3 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tiếng Anh 1 là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Môn học này được tách ra từ môn Tiếng Anh theo thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh 1 bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản từ bài 1 đến bài 6 trong chương trình đào tạo của môn Tiếng Anh theo thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn, thì quá khứ đơn, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ.

2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

b) Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt.

c) Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ.

d) Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và các kỳ nghỉ.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra & Ôn tập
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	9	3	6	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	9	3	6	

3	Bài 3: Địa điểm (Places)	9	3	6	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	9	3	6	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	9	3	6	
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	9	3	6	
8	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	2	1		1
	Tổng cộng	60	21	36	3

2. Nội dung chi tiết như sau:

Bài 1. GIA ĐÌNH VÀ BẠN BÈ (FAMILY AND FRIENDS)

1. Mục tiêu

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Gia đình;

2.1.2. Nghề nghiệp;

2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Động từ “to be”;

2.2.2. Tính từ sở hữu;

2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;

2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;

2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;

2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2. THỜI GIAN RẼNH RỖI (LEISURE TIME)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các môn thể thao;

2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;

2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;

2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;

2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;

2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3. ĐỊA ĐIỂM (PLACES)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;

- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

- Hỏi đường và chỉ đường;

- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;

- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;

2.1.2. Các tính từ thông dụng;

2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;

2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4. CÁC LOẠI THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (FOOD AND DRINK)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;

- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

- Hỏi về số lượng;

- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;

- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với *much* hoặc *many*;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Bài 5. CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT (SPECIAL OCCASIONS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;

- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;

2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;

2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại đơn;

2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;

2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6. KỲ NGHỈ (VACATION)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
- 2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;
- 2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;
- 2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt.

- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt.

- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐT BXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐT BXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy

người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thao tác theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Chương trình môn học tiếng Anh trình độ cao đẳng có thể chia thành 02 (hai) phần để giảng dạy, mỗi phần 60 giờ.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 120 giờ trên lớp, giáo viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 180 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

4. Tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.

8. Jack C. Richards, *Tactics for Listening* (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Tên môn học: Tiếng Anh 2

Mã môn học: MH 07

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ, (Lý thuyết: 21 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 36 giờ; Kiểm tra và ôn tập: 3 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tiếng Anh 2 là phần tiếp theo của môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Môn học gồm 60 giờ và được thực hiện sau khi đã học xong môn Tiếng Anh 1

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh 2 bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản từ bài 7 đến bài 12 trong chương trình đào tạo của môn Tiếng Anh theo thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ cao đẳng, người học đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

1. Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghe: Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên

quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đặc biệt trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm; hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hằng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

b) Kỹ năng nói: Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hằng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; đặt được câu hỏi về số lượng; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

c) Kỹ năng đọc: Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

d) Kỹ năng viết: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra & Ôn tập
1	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	9	3	6	
2	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)	9	3	6	
3	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	2		2
4	Bài 9: Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)	9	3	6	
5	Bài 10: Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)	9	3	6	
6	Bài 11: Công nghệ (Technology)	9	3	6	
7	Bài 12: Mua sắm (Shopping)	9	3	6	
	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	2	1		1
	Tổng cộng	60	21	36	3

2. Nội dung chi tiết như sau:

Bài 7. CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY (ACTIVITIES)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- Nói về các hoạt động hàng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động hàng ngày

2.1.2. Tính từ chỉ tính cách

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn

2.2.2. To infinitive and Gerund

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng

2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A letter

2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ)

Bài 8. SỞ THÍCH (HOBBIES AND INTERESTS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: *play, go* và *do*;

- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Sở thích;

2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn

2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn

2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?

2.5.2. Bài tập True/False/Not given

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ)

Bài 9. CÁC KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI (FUTURE PLANS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trên lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm;

- Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;

- Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;

- Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Lễ hội

2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc Will và going to

2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations

2.5.2. Bài tập True/False/Not given

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).

Bài 10. NGOẠI HÌNH VÀ TÍNH CÁCH (APPEARANCE AND PERSONALITY)

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;
- Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;
- Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình

2.1.2. Tính từ mô tả tính cách

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. So sánh hơn (Comparative)

2.2.2. So sánh nhất (Superlative)

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng

2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My travel page

2.5.2. Bài tập True/False/Not given

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả về một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).

Bài 11. CÔNG NGHỆ (TECHNOLOGY)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ và ứng dụng;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;
- Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các thiết bị công nghệ

2.1.2. Công nghệ

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành

2.2.2. Cấu trúc How long...?

2.2.3. Giới từ For và since

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình

2.3.2. Bài tập True/False

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media

2.5.2. Bài tập True/False/Not given

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ)

Bài 12. MUA SẮM (SHOPPING)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm;
- Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;
- Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm;
- Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các từ vựng liên quan đến mua sắm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành

2.2.2. Thì quá khứ đơn

2.2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My Shopping Day

2.5.2. Bài tập True/False/Not given

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm theo yêu cầu.

- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ.

Phương pháp đánh giá sẽ dựa theo đặc thù ngành, nghề đào tạo và điều kiện của từng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, có thể kết hợp kiểm tra nghe, nói và tự luận.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 2 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A2 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Chương trình môn học tiếng Anh trình độ cao đẳng có thể chia thành 02 (hai) phần để giảng dạy, mỗi phần 60 giờ.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 120 giờ trên lớp, giáo viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 180 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

4. Tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.

8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-CDCT, ngày...../..../2021 của Hiệu trưởng)

Tên môn học: KỸ NĂNG MỀM

Mã môn học: MH 08

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 03 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí:

Môn học kỹ năng mềm là môn học bắt buộc trong chương trình dạy trình độ cao đẳng được tổ chức học sau các môn chung, các môn cơ sở ngành như luật kinh tế, kinh tế vi mô và học song song với các môn cơ sở ngành.

2. Tính chất:

Môn học kỹ năng mềm được xây dựng cho học sinh, sinh viên hệ Trung cấp, Cao đẳng các ngành /nghề. Môn học nhằm cung cấp các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng quản lý cảm xúc.

II. Mục tiêu của môn học

1. Về kiến thức

Trình bày được kiến thức cơ bản về kỹ năng làm việc nhóm và các nguyên tắc, kỹ năng giao tiếp, ứng xử trong một số trường hợp thông thường. Trình bày được các kỹ năng cơ bản của diễn giả khi thuyết trình;

Mô tả được kiến thức về stress, căng thẳng tâm lý, áp lực học tập, công việc và biết các phương pháp giải tỏa các áp lực trong học tập, cân bằng cảm xúc, tâm lý cá nhân khi gặp vấn đề, tình huống không mong muốn;

Mô tả được các bước chuẩn bị hồ sơ tìm việc, viết CV, hồ sơ năng lực cá nhân, các kiến thức cơ bản về phỏng vấn tuyển dụng, môi trường làm việc, văn hóa công sở; Phân biệt, vận dụng được các phong cách, kiểu tư duy trong học tập và làm việc.

2. Về kỹ năng

Xây dựng được kế hoạch tự rèn luyện kỹ năng giao tiếp và lựa chọn được phương pháp rèn luyện ngôn từ, cách diễn đạt, thái độ ứng xử và quản lý được hành vi cá nhân phù hợp khi tham gia các hoạt động giao tiếp trong các trường hợp thông thường;

Giải tỏa được các áp lực, căng thẳng trong học tập, trong công việc; biết phương pháp để điều chỉnh cân bằng cảm xúc, suy nghĩ và hành vi cá nhân khi gặp các vấn đề, tình huống không mong muốn trong học tập và cuộc sống;

Tự chuẩn bị được hồ sơ năng lực cá nhân, hồ sơ tìm việc, viết CV; định hướng được vị trí việc làm, nghề nghiệp mong muốn, có phương pháp tìm hiểu về môi trường, điều kiện làm việc, có thể tự rèn luyện một số kỹ năng phỏng vấn tuyển dụng cơ bản; Học hỏi được kinh nghiệm làm việc thực tế từ những người thành đạt, chuyên gia giàu kinh nghiệm từ nhiều lĩnh vực khác nhau, các công ty, doanh nghiệp, người sử dụng lao động;

Xây dựng được hình ảnh, phong cách cá nhân phù hợp với môi trường làm việc;
Thực hiện các bài thuyết trình tự tin, hiệu quả.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tích cực, hợp tác, trách nhiệm khi tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động nhóm; có thái độ ứng xử và hành vi giao tiếp đúng mực, văn minh, phù hợp với hoàn cảnh, đối tượng, mục đích giao tiếp cụ thể;

Có suy nghĩ tích cực, lạc quan, chủ động chia sẻ, điều chỉnh cảm xúc, hành vi cá nhân khi gặp các vấn đề căng thẳng, áp lực không mong muốn trong học tập, các quan hệ xã hội và cuộc sống.

Rèn luyện được thái độ nghiêm túc, có khả năng đọc hiểu và tư duy trong các môn học lập trình.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số T T	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1. Bài mở đầu Khái quát chung về kỹ năng mềm	3	2	1	
2	Chương 2. Kỹ năng giao tiếp - Lắng nghe tích cực 2.1. Kỹ năng giao tiếp 2.2. Kỹ năng lắng nghe tích cực 2.3. Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp	9	4	5	
3	Chương 3. Kỹ năng quản lý cảm xúc 3.1. Khái niệm chung về cảm xúc 3.2. Kỹ năng nhận thức cảm xúc 3.3. Các biện pháp để quản lý cảm xúc	12	4	8	

4	Chương 4. Kỹ năng quản lý thời gian 4.1. Khái niệm thời gian và quản lý thời gian 4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thời gian 4.3. Tại sao phải hình thành "kỹ năng quản lý thời gian"? 4.4. Các phương pháp quản lý thời gian hiệu quả	6	4	1	1
5	Chương 5. Kỹ năng ra quyết định - Kỹ năng giải quyết vấn đề 5.1. Kỹ năng ra quyết định 5.1.1. Khái niệm 5.1.2. Phân loại 5.1.3. Mô hình ra quyết định 5.1.4. Các phương pháp ra quyết định 5.2. Kỹ năng giải quyết vấn đề 5.2.1. Thế nào được gọi là "vấn đề"? 5.2.2. Quy trình giải quyết vấn đề 5.2.3. Các phương pháp phân tích và giải quyết vấn đề	12	4	7	1
6	Chương 6. Kỹ năng thuyết trình 6.1. Chuẩn bị chủ đề thuyết trình 6.2. Tiến hành thuyết trình	6	4	2	
7	Chương 7. Kỹ năng làm việc nhóm. 7.1. Khái niệm 7.2. Phân loại 7.3. Các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm 7.4. Tổ chức nhóm - Vai trò của người lãnh đạo 7.5. Các nguyên tắc làm việc nhóm 7.6. Quá trình làm việc nhóm 7.7. Giải quyết vấn đề trong nhóm 7.8. Cách để xây dựng và phát triển nhóm của mình	12	5	6	1
	Cộng	60	27	30	3

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Bài mở đầu

Thời gian 3 giờ

1. Mục tiêu:

Mô tả được khái niệm kỹ năng mềm; sự cần thiết của kỹ năng mềm;

2. Nội dung chương:

1.1. Khái niệm kỹ năng mềm

1.2. Sự cần thiết của kỹ năng mềm

1.3. Phân loại kỹ năng mềm

Chương 2. Kỹ năng giao tiếp - Lắng nghe tích cực

Thời gian 9 giờ

1. Mục tiêu:

Cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe

2. Nội dung chương:

2.1. Kỹ năng giao tiếp

2.1.1. Khái niệm về kỹ năng giao tiếp

2.1.2. Một số kỹ năng cơ bản trong giao tiếp

2.2. Kỹ năng lắng nghe tích cực

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Phân biệt "Nghe" - "Lắng nghe"

2.2.3. Vai trò của lắng nghe

2.2.4. Các kiểu lắng nghe và cấp độ lắng nghe

2.2.5. Làm thế nào để lắng nghe hiệu quả?

2.3. Kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp

2.3.1. Giao tiếp ngôn ngữ

2.3.1.1. Ngôn ngữ nói

2.3.1.2. Ngôn ngữ viết

2.3.2. Giao tiếp phi ngôn ngữ

Chương 3. Kỹ năng quản lý cảm xúc

Thời gian 12 giờ

1. Mục tiêu:

Trình bày được kiến thức cơ bản về cảm xúc như khái niệm chung về cảm xúc, các kỹ năng nhận thức cảm xúc và các biện pháp cần thiết để thực hành quản lý cảm xúc.

2. Nội dung chương:

3.1. Khái niệm chung về cảm xúc

3.1.1. Khái niệm về cảm xúc và cảm xúc trí tuệ

3.1.2. Phân loại cảm xúc

3.1.3. Vai trò và chức năng của các loại cảm xúc

3.1.4. Tác hại của việc thiếu kiểm soát cảm xúc

3.2. Kỹ năng nhận thức cảm xúc

3.2.1. Nhận thức cảm xúc của bản thân

3.2.2. Thông cảm và hiểu rõ cảm xúc của người khác

3.2.3. Tự điều chỉnh cảm xúc của bản thân

3.3. Các biện pháp để quản lý cảm xúc

3.3.1. Quản lý cảm xúc bằng cách thay đổi suy nghĩ

3.3.2. Quản lý cảm xúc bằng cách thay đổi hoàn cảnh

3.3.3. Quản lý cảm xúc bằng công cụ NEO

Chương 4. Kỹ năng quản lý thời gian

Thời gian 06 giờ

1. Mục tiêu:

Trình bày được khái niệm chung về thời gian, định nghĩa thời gian, đặc điểm thời gian, giá trị thời gian, các biện pháp quản lý thời gian.

2. Nội dung chương:

4.1. Khái niệm thời gian và quản lý thời gian

4.1.1. Định nghĩa thời gian

4.1.2. Đặc điểm của thời gian

4.1.3. Quản lý thời gian

4.1.4 Giá trị của thời gian và ý nghĩa của quản lý thời gian

4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thời gian

4.2.1. Quy trình quản lý thời gian

4.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thời gian

4.2.3. Bí quyết quản lý thời gian

4.2.4. Lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch quản lý thời gian

4.3. Tại sao phải hình thành "kỹ năng quản lý thời gian"?

4.4. Các phương pháp quản lý thời gian hiệu quả

Chương 5. Kỹ năng ra quyết định - Kỹ năng giải quyết vấn đề

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tầm quan trọng của kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề;
- Vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các vấn đề giả định, bài tập tình huống và thực tế cuộc sống.

2. Nội dung chương:

5.1. Kỹ năng ra quyết định

5.1.1. Khái niệm

5.1.2. Phân loại

5.1.3. Mô hình ra quyết định

5.1.4. Các phương pháp ra quyết định

5.2. Kỹ năng giải quyết vấn đề

5.2.1. Thế nào được gọi là "vấn đề"?

5.2.2. Quy trình giải quyết vấn đề

5.2.3. Các phương pháp phân tích và giải quyết vấn đề

Chương 6. Kỹ năng thuyết trình
giờ

Thời gian 06

1. Mục tiêu:

- Mô tả được nội dung các công việc phải thực hiện khi chuẩn bị thuyết trình và tiến hành thuyết trình;
- Trình bày được các kỹ năng cơ bản của diễn giả khi thuyết trình.
- Xác định được chủ đề và mục tiêu của bài thuyết trình;
- Khai thác, tìm kiếm được các tư liệu cần thiết phục vụ cho bài thuyết trình;
- Phác thảo được đề cương và hoàn thiện được nội dung bài thuyết trình;
- Thực hiện các bài thuyết trình tự tin, hiệu quả.

2. Nội dung chương:

6.1. Chuẩn bị thuyết trình

6.1.1. Xác định chủ đề, mục tiêu của bài thuyết trình

6.1.2. Thu thập thông tin, tư liệu cho bài thuyết trình

6.1.3. Thiết kế nội dung bài thuyết trình

6.2. Tiến hành thuyết trình

6.2.1. Các bước tiến hành thuyết trình

6.2.2. Kỹ năng cơ bản trong thuyết trình

6.2.3. Thực hiện bài thuyết trình

Chương 7. Kỹ năng làm việc nhóm

Thời gian 12 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm làm việc nhóm, các nguyên tắc làm việc nhóm;
- Phát triển các kỹ năng làm việc nhóm, vận dụng vào thực tế học tập, công việc.

2. Nội dung chương:

7.1. Khái niệm

7.2. Phân loại

7.3. Các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm

7.4. Tổ chức nhóm - Vai trò của người lãnh đạo

7.5. Các nguyên tắc làm việc nhóm

7.6. Quá trình làm việc nhóm

7.7. Giải quyết vấn đề trong nhóm

7.8. Cách để xây dựng và phát triển nhóm của mình

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Được đánh giá qua bài kiểm tra viết, trắc nghiệm của sinh viên
- Kỹ năng: Đánh giá kỹ năng hiểu biết của sinh viên trong bài thảo luận, bài tập.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Cẩn thận, tự giác trong học tập

2. Phương pháp đánh giá:

* *Kiểm tra thường xuyên, định kỳ:*

- Điểm kiểm tra thường xuyên (*hệ số 1*), điểm kiểm tra định kỳ (*hệ số 2*).
- Hình thức kiểm tra: do giáo viên dạy môn học quyết định

* *Thi kết thúc môn học:*

- Hình thức thi: Tự luận/ trắc nghiệm/ thực hành. Thời gian 60-90 phút
- Điều kiện được thi kết thúc môn học:

+ Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô-đun được quy định trong chương trình môn học, mô-đun;

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

* *Điểm môn học, mô-đun:* bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6;

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Giáo viên sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, tăng cường thảo luận, đối thoại kết hợp nhiều phương pháp hiện đại.
- Đối với người học: Sinh viên phải ghi chép, nghe giảng, thảo luận nhóm, làm bài tập

3. Những nội dung cần chú ý: không

4. Tài liệu tham khảo

- [1]. Carroll E.Lzard. dịch bởi Nguyễn Hữu Chương – Nguyễn Khắc Hiếu – Nguyễn Dương Khur (1992), Những cảm xúc của người, NXB Giáo dục
- [2]. PGS.TS Đặng Thành Hội (2010), Bài giảng Kỹ năng làm việc nhóm, Trường Đại học Nông Lâm TP Hồ Chí Minh,
- [3]. Lê Thị Bùng – Nguyễn Thị Vân Hương (2005), Những điều kỳ diệu về tâm lý con người, NXB Đại học Sư phạm.
- [4]. Ngô Công Hoàn (chủ biên) – Trương Thị Khánh Hà (2012), Tâm lý học khác biệt, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5]. Phan Trọng Ngọ (chủ biên) – Nguyễn Đức Hương (2003), Các lý thuyết phát triển tâm lý người, NXB Đại học Sư phạm.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Giới thiệu về thẩm mỹ

Mã môn học: MH 09

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: : Là môn học trong chương trình đào trình độ Trung cấp, Cao đẳng nghề chăm sóc sắc đẹp; được bố trí học sau các môn học chung, học song song với các môn học/mô đun cơ sở và học trước các môn học/mô đun chuyên nghề

- Tính chất: Là môn học lý thuyết là chủ yếu

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

- + Trình bày được lịch sử phát triển của ngành làm đẹp và ý nghĩa của nó;
- + Mô tả được tổng quan về thẩm mỹ, makeup, tóc, móng..
- + Trình bày được lịch sử và cơ bản về phương pháp chăm sóc da;
- + Nhận biết được đặc điểm và phân loại các phương pháp tẩy lông;
- + Nhận diện được lịch sử và các kiểu tóc (style) qua từng giai đoạn, thời kì phát triển lịch sử.
- + Mô tả được kiến thức cơ bản về makeup.

- Về kỹ năng:

- + Sử dụng được công cụ trong make up;
- + Tạo được style theo các khuôn và phối hợp cùng màu sắc, kiểu tóc, trang phục;
- + Làm đẹp được móng tay; đảm bảo thẩm mỹ và an toàn;
- + Chăm sóc được chân theo nguyên lý phản xạ chân;

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
- + Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/ Kiểm tra

1.	Chương 1: Giới thiệu làm quen với thẩm mỹ	3	3		
2.	Chương 2: Thẩm mỹ (làm đẹp da)	6	6		
3.	Chương 3: Làm đẹp tóc	6	5		1
4.	Chương 4: makeup	6	6		
5.	Chương 5: Chăm sóc móng	3	3		
6.	Chương 6: Chăm sóc chân	6	5		1
	Tổng cộng	30	28		2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Giới thiệu làm quen với thẩm mỹ

Thời gian : 03 giờ

1. Mục tiêu:

- Mô tả được lịch sử phát triển của ngành làm đẹp;
- Trình bày ý nghĩa của ngành làm đẹp với sự phát triển của xã hội;
- Trình bày được mục đích của làm đẹp, cách làm đẹp giữa các khu vực trên thể giới;
- Tuân thủ các quy định của người làm đẹp.

2. Nội dung:

2.1. Khái quát về lịch sử ngành làm đẹp

2.2. Ý nghĩa của ngành làm đẹp với phát triển xã hội

2.2.1. Tại sao phải làm đẹp?

2.2.2. Làm đẹp đóng góp phát triển kinh tế của xã hội

2.2.3. Vai trò của làm đẹp trong duy trì và phát triển văn hóa xã hội

2.3. Nhận thức của người làm đẹp

2.3.1. Vai trò của người làm đẹp

2.3.2. Thái độ của người làm đẹp

2.4. Lịch sử phát triển nghề làm đẹp tại Việt Nam

2.4.1. Tổng quan về phát triển nghề làm đẹp thời nay

2.4.2. Nhận thức của người làm đẹp thời nay

Chương 2: Thẩm mỹ (làm đẹp da)

Thời gian: 06 giờ.

1. Mục tiêu:

- Trình bày được mục đích và nguyên lý chăm sóc da;
- Mô tả được phương pháp chăm sóc da;
- Phân loại và mô tả được các phương pháp tẩy lông.

2. Nội dung:

2.1. Khái quát về làm đẹp da

2.2. Phương pháp chăm sóc da

2.2.1. Các phương pháp chăm sóc da

2.2.2. Phân loại các khu vực chăm sóc da

2.3. Lịch sử chăm sóc da

2.3.1. Lịch sử chăm sóc da Phương Tây

2.3.2. Lịch sử chăm sóc da Hàn Quốc

2.4. Tẩy lông

2.4.1. Tẩy lông tạm thời

2.4.2. Tẩy lông vĩnh viễn

Chương 3: Làm đẹp tóc

Thời gian : 06 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được lịch sử phát triển của tóc qua các thời kì lịch sử;
- Nhận diện được đặc điểm và các kiểu tóc(style) qua các thời kì lịch sử;
- So sánh và đánh giá được sự biến đổi của các kiểu tóc qua từng thời kì lịch sử;
- Đưa ra định hướng và xu thế phát triển của tóc thời kì hiện nay.

2. Nội dung:

2.1. Lịch sử làm đẹp thời cổ đại

2.2. Kiểu(style) tóc thời cận hiện đại

2.3. Lịch sử làm đẹp của Hàn Quốc cổ đại

2.4. Phong cách tóc của Hàn Quốc thời cận hiện đại

Chương 4: Makeup

Thời gian : 06 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm và nguồn gốc của makeup;
- Mô tả được chức năng và mục đích của makeup; lịch sử phát triển của makeup;
- Phân loại được các kiểu makeup;
- Biết cách chọn lựa phối màu trong makeup phù hợp với trang phục và kiểu tóc.

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa make up

2.2. Chức năng của Makeup

2.3. Nguồn gốc- mục đích- phân loại makeup

2.3.1. Nguồn gốc của từ “makeup”

2.3.2. Mục đích

- 2.3.3. Phân loại makeup
- 2.4. Lịch sử của makeup
 - 2.4.1. Lịch sử trang điểm của Hàn Quốc
 - 2.4.2. Lịch sử trang điểm Phương Tây
- 2.5. Chọn lựa sự phối màu cho cá nhân

Chương 5: Chăm sóc móng

Thời gian : 03 giờ

- 1. Mục tiêu:
 - Trình bày được nguồn gốc và lịch sử của chăm sóc móng;
 - Mô tả được đặc điểm và các kiểu hình dạng của móng;
 - Trình bày được cấu tạo và đặc tính của các bộ phận của móng.
- 2. Nội dung:
 - 2.1. Nguồn gốc và lịch sử
 - 2.2. Hình dạng của móng tay
 - 2.3. Đặc tính và cấu tạo của móng tay
 - 2.3.1. Đặc điểm của móng tay
 - 2.3.2. Cấu tạo của móng tay

Chương 6: Chăm sóc chân

Thời gian : 06 giờ

- 1. Mục tiêu:
 - Trình bày được lịch sử chăm sóc chân; những kiến thức cơ bản về chân;
 - Mô tả được nguyên lý của phản xạ chân;
 - Chăm sóc được chân đúng phương pháp, đảm bảo an toàn và vệ sinh cho khách hàng;
 - Nhận biết được những sự cố có thể xảy ra khi chăm sóc chân.
- 2. Nội dung:
 - 2.1. Lịch sử chăm sóc chân
 - 2.2. Nguyên lý của phản xạ chân
 - 2.3. Phương pháp chăm sóc chân
 - 2.4. Bàn chân khỏe mạnh và lý tưởng

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

- 1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết
- 2. Trang thiết bị máy móc:
 - Phòng thực hành về tóc, da, móng, trang điểm và trang thiết bị liên quan;
 - Máy tính, máy chiếu, máy in;

- Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
- Các bài tập thực hành;
- Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

* Học liệu:

- Video và các bản vẽ, tranh mô tả.
- Giáo trình

* Dụng cụ:

- Cóp trang điểm, cọ làm móng,. Kéo cắt

* Nguyên vật liệu:

- Mỹ phẩm

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- + Các phương pháp phối hợp trong trang điểm.
- + Chăm sóc móng.
- + Chăm sóc chân

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên.
- + Giải quyết vấn đề về an toàn lao động trong những điều kiện thay đổi.
- + Hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện các công việc liên quan đến an toàn lao động và chịu trách nhiệm.

2. Phương pháp:

* Kiểm tra thường xuyên, định kỳ:

- Điểm kiểm tra thường xuyên (*hệ số 1*), điểm kiểm tra định kỳ (*hệ số 2*).
- Hình thức kiểm tra: do giáo viên dạy môn học quyết định

* Thi kết thúc môn học:

- Điều kiện được thi kết thúc môn học:

- + Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô-đun được quy định trong chương trình môn học, mô-đun;

- + Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

- Hình thức thi: Tự luận / trắc nghiệm / thực hành

- * *Điểm môn học, mô-đun*: bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

+ Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ Cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp và làm tài liệu tham khảo cho các trung tâm làm đẹp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Giáo viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

+ Nên áp dụng phương pháp đàm thoại để học viên ghi nhớ kỹ hơn.

- Đối với người học:

+ Học sinh chuẩn bị, nghiên cứu nội dung tự học trước ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Lịch sử hình thành và phát triển nghề Chăm sóc sắc đẹp

- Tìm hiểu về Trang điểm, Chăm sóc tay, chân

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ sách của trường YIT Hàn Quốc

[2]. Giáo trình của Dermalogica của Mỹ

[3]. Giáo trình của Shisido Nhật Bản

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Dịch tễ học

Mã môn học: MH 10

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 giờ ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí:

Là môn học cơ sở ngành, được thực hiện sau các môn học chung

2. Tính chất:

Là môn học lý thuyết là chủ yếu, cung cấp các kiến thức về mối quan hệ tương hỗ giữa con người và vi sinh vật cũng như những bệnh lây truyền qua da và các hệ cơ quan khác trong cơ thể. Từ đó có những cách phòng tránh cho bản thân và cộng đồng.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức:

- Mô tả được mối quan hệ tương hỗ giữa con người và vi sinh vật;
- Trình bày được các biện pháp phòng ngừa và quản lý các bệnh truyền nhiễm;
- Ghi nhớ được các bệnh lây nhiễm và tầm quan trọng của cơ quan hô hấp; các bệnh lây nhiễm và tầm quan trọng của cơ quan tiêu hóa; bệnh lây qua đường tình dục và bệnh lây nhiễm về da qua đường tiếp xúc; các loại bệnh ngoài da và bệnh ký sinh trùng lây qua da; bệnh lây qua động vật và động vật chân đốt.

2. Về kỹ năng:

- Áp dụng được các biện pháp phòng ngừa và quản lý các bệnh truyền nhiễm.
- Phòng ngừa được các bệnh lây nhiễm qua cơ quan hô hấp; bệnh lây qua đường tình dục và lây nhiễm về da qua đường tiếp xúc; các loại bệnh ngoài da và bệnh ký sinh trùng lây qua da.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;
- Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

II. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm , thảo luận, bài tập	Thi/ Kiểm tra
1.	Chương 1. Phòng ngừa và quản lý bệnh truyền nhiễm	6	3	3	
2.	Chương 2. Mối quan hệ tương hỗ giữa con người và vi sinh vật	6	3	3	
3.	Chương 3. Bệnh tật truyền nhiễm quan trọng tới bộ máy hô hấp.	9	3	5	1
4.	Chương 4. Bệnh tật truyền nhiễm quan trọng tới bộ máy tiêu hóa.	9	4	5	
5.	Chương 5. Bệnh tật truyền nhiễm qua da qua đường tiếp xúc và truyền nhiễm qua đường tình dục.	9	4	4	1
6.	Chương 6. Bệnh về da	6	4	2	
7.	Chương 7. Bệnh ký sinh trùng truyền nhiễm qua da	6	3	3	
8	Chương 8. Bệnh lây qua động vật và động vật chân đốt.	9	3	5	1
	Tổng cộng	60	27	30	3

* Ghi chú: Thời gian kiểm tra lý thuyết được tính vào giờ lý thuyết, kiểm tra thực hành được tính vào giờ thực hành.

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Phòng ngừa và quản lý bệnh truyền nhiễm

Thời gian : 06 giờ

1. Mục tiêu:

- Giải thích được quá trình phát bệnh và biện pháp phòng ngừa bệnh truyền nhiễm;
- Giải thích được chủng loại và phương pháp miễn dịch bệnh truyền nhiễm.

2. Nội dung:

2.1. Tổng quan

2.2. Dịch tễ học

2.2.1. Thuật ngữ liên quan đến miễn dịch học.

2.2.2. Nơi mang mầm bệnh.

2.2.3. Bệnh lây nhiễm chung qua người

2.2.4. Người mang mầm bệnh.

2.3. Quản lý bệnh truyền nhiễm

2.3.1. Quản lý bệnh truyền nhiễm từ bên ngoài

2.3.2. Quản lý nơi có mầm bệnh

2.3.3. Quản lý lây nhiễm mầm bệnh

2.3.4. Ngăn ngừa qua trình lây nhiễm

2.3.5. Quản lý bệnh truyền nhiễm theo quy định

2.4. Tăng cường miễn dịch của thân chủ

Chương 2: Mối quan hệ tương hỗ giữa con người và vi sinh vật

Thời gian: 06 giờ

1. Mục tiêu:

- Mô tả được mối quan hệ giữa các loại bệnh tật của con người và vi sinh vật gây bệnh;
- Trình bày được các cơ chế phòng ngừa của thân chủ với vi sinh vật gây bệnh;
- Ghi nhớ được con đường lây truyền của bệnh.

2. Nội dung:

2.1. Tính ký sinh của vi sinh vật

2.1.1. Khái quát

2.1.2. Vòng đời của thể ký sinh

2.2. Tính gây bệnh của vi sinh vật

2.2.1. Nhân tố quyết định độc tính của vi sinh vật

2.2.2. Tính gây bệnh của vi sinh vật

2.3. Ngăn ngừa ký sinh trùng đối với vi sinh vật gây nhiễm bệnh

2.4. Quá trình hình thành viêm nhiễm

2.4.1. Phân loại viêm nhiễm

2.4.2. Phương pháp lây truyền bệnh

2.4.3. Đường lây truyền của bệnh tật.

Chương 3: Bệnh lây nhiễm quan trọng qua hệ hô hấp

Thời gian : 09 giờ

1. Mục tiêu:

- Mô tả được đặc trưng của bệnh truyền nhiễm qua hệ hô hấp;

- Trình bày được phương pháp điều trị vi khuẩn truyền nhiễm qua cơ quan hô hấp và phương pháp dự phòng.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái quát
- 2.2. Bệnh cúm
- 2.3. Bệnh bạch hầu
- 2.4. Bệnh ho gà
- 2.5. Bệnh lao
- 2.6. Sởi
- 2.7. Sởi Đức hay rubella
- 2.8. Quai bị

Chương 4: Bệnh truyền nhiễm ở hệ tiêu hóa

Thời gian : 09 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm của các bệnh truyền nhiễm qua hệ tiêu hóa;
- Liệt kê được các loại virus truyền bệnh qua đường tiêu hóa.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái quát
- 2.2. Bệnh viêm gan truyền nhiễm
- 2.3. Bệnh lỵ trực khuẩn
- 2.4. Bệnh tả
- 2.5. Bệnh sốt thương hàn
- 2.6. Bệnh lỵ amip
- 2.7. Bệnh bại liệt

Chương 5: Bệnh lây truyền qua đường tình dục và bệnh truyền nhiễm cho da

Thời gian : 9 giờ

1. Mục tiêu:

- Liệt kê được tên của vi sinh vật là nguyên nhân của bệnh truyền qua đường tình dục;
- Mô tả được cách phòng chống các bệnh truyền qua việc tiếp xúc giới tính;
- Giải thích được về bệnh truyền nhiễm thông qua tiếp xúc với người khác;
- Ví dụ được bệnh gây ra của vi sinh vật do tiếp xúc với người khác;
- Mô tả được các đường lây nhiễm bệnh AIDS, viêm tụ cầu khuẩn, viêm họng liên cầu khuẩn, bệnh Hansen;
- Dự phòng và quản lý được bệnh viêm gan B.

2. Nội dung:

- 2.1. Các bệnh lây qua đường tình dục
 - 2.1.1. Viêm âm đạo
 - 2.1.2. Bệnh rộp cơ quan sinh dục
 - 2.1.3. Bệnh sùi mào gà
 - 2.1.4. Nhiễm khuẩn âm đạo
- 2.2. Bệnh truyền nhiễm của mắt
 - 2.2.1. Viêm kết mạc do vi khuẩn cấp tính.
 - 2.2.2. Bệnh mắt hột
 - 2.2.3. Bệnh mắt do Vius
- 2.3. Bệnh về da
 - 2.3.1. Bệnh về da của khuẩn cầu chàm
 - 2.3.2. Bệnh về da của khuẩn cầu chuỗi
- 2.4. Bệnh Hansen, bệnh phong
- 2.5. Virut ecpet
- 2.6. Viêm gan B

Chương 6: Bệnh ngoài da

Thời gian : 06 giờ

- 1. Mục tiêu:
 - Liệt kê được chủng loại khuẩn nấm da và bệnh nấm da;
 - Vận dụng điều trị và phòng tránh được nấm.
- 2. Nội dung:
 - 2.1. Khái quát
 - 2.2. Các chủng loại nấm da
 - 2.3. Con đường lây nhiễm
 - 2.4. Điều trị
 - 2.5. Phòng tránh

Chương 7: Bệnh ký sinh trùng lây qua da

Thời gian: 06 giờ.

- 1. Mục tiêu:
 - Mô tả được ảnh hưởng của giun móc đến sức khỏe của người;
 - Vận dụng phòng tránh được bệnh sán máng.
- 2. Nội dung:
 - 2.1. Bệnh giun móc
 - 2.2. Bệnh giun lươn
 - 2.3. Bệnh sán máng

Chương 8: Bệnh lây qua động vật

Thời gian: 09 giờ.

1. Mục tiêu:

- Mô tả được đặc điểm bệnh lây qua động vật và động vật chân đốt;
- Trình bày được thể gây bệnh, cách điều trị và phòng tránh của từng bệnh.

2. Nội dung

- 2.1. Bệnh dại
- 2.2. Bệnh sốt vàng
- 2.3. Bệnh dịch hạch
- 2.4. Sốt phát ban
- 2.5. Bệnh sốt rét

III. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết

2. Trang thiết bị máy móc:

- Phòng thực hành về tóc, da, móng, trang điểm và trang thiết bị liên quan;
- Máy tính, máy chiếu, máy in;
- Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
- Các bài tập thực hành;
- Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- * Học liệu:
- Video và các bản vẽ, tranh mô tả;
- Giáo trình

4. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

- + Dịch tễ học cơ bản;
- + Bệnh truyền nhiễm và quản lý bệnh truyền nhiễm;
- + Các loại bệnh truyền nhiễm và cách kiểm soát;
- + Các bệnh không lây nhiễm và cách kiểm soát;
- + Quản lý dịch bệnh do ký sinh trùng;
- + Vi sinh vật và ký sinh trùng.

- Kỹ năng:

- + Cách phòng tránh các bệnh lây nhiễm

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

+ Giải quyết vấn đề về an toàn lao động trong những điều kiện thay đổi.

2. Phương pháp:

* *Kiểm tra thường xuyên, định kỳ:*

- Điểm kiểm tra thường xuyên (*hệ số 1*), điểm kiểm tra định kỳ (*hệ số 2*).

- Hình thức kiểm tra: do giáo viên dạy môn học quyết định

* *Thi kết thúc môn học:*

- Điều kiện được thi kết thúc môn học:

+ Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô-đun được quy định trong chương trình môn học, mô-đun;

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

- Hình thức thi: Tự luận / trắc nghiệm / thực hành

* *Điểm môn học, mô-đun:* bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

+ Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ Cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp và làm tài liệu tham khảo cho các trung tâm làm đẹp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Giáo viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

+ Nên áp dụng phương pháp đàm thoại để học viên ghi nhớ kỹ hơn.

- Đối với người học:

+ Học sinh chuẩn bị, nghiên cứu nội dung tự học trước ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

+ Bệnh truyền nhiễm và quản lý bệnh truyền nhiễm;

+ Các loại bệnh truyền nhiễm và cách kiểm soát;

+ Các bệnh không lây nhiễm và cách kiểm soát;

+ Quản lý dịch bệnh do ký sinh trùng;

+ Vi sinh vật và ký sinh trùng

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ sách của trường YIT Hàn Quốc

- Giáo trình của Dermalogica của Mỹ

- Giáo trình của Shisido Nhật Bản

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Giải phẫu sinh lý

Mã môn học: MH 11

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 27 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 giờ ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: : Là môn học trong chương trình đào trình độ Trung cấp, Cao đẳng nghề chăm sóc sắc đẹp; được bố trí học sau các môn học chung, học song song với các môn học/mô đun cơ sở và học trước các môn học/mô đun chuyên nghề

- Tính chất: Là môn học lý thuyết là chủ yếu

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức:

- Mô tả được nguyên tắc hoạt động của cơ thể và cơ chế điều tiết hoạt động của các bộ phận và cơ quan trong cơ thể;

- Trình bày được khái niệm chung về môi trường đảm bảo sự sống và tồn tại của cơ thể;

- Giải thích được cơ chế thu nhận các chất dinh dưỡng từ môi trường xung quanh đối với cơ thể người;

- Mô tả được sự ảnh hưởng của các bộ phận đến chăm sóc sức khỏe của con người.

2. Về kỹ năng:

- Phân biệt được các bộ phận và chức năng của các bộ phận trên cơ thể người;

- Giải phẫu được về chức năng sinh lý của các bộ phận, hệ thống trên cơ thể người.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

- Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/ Kiểm tra

1	Chương 1: Sơ lược về giải phẫu sinh lý và làm đẹp	5	3	2	
2	Chương 2: Máu và bạch huyết	5	2	3	
3	Chương 3: Giải phẫu sinh lý về hệ tiêu hóa.	5	3	2	
4	Chương 4: Giải phẫu sinh lý hệ tuần hoàn	5	3	2	
5	Chương 5: Giải phẫu sinh lý về hệ hô hấp	5	2	2	1
6	Chương 6: Giải phẫu sinh lý về hệ bài tiết	5	2	3	
7	Chương 7: Giải phẫu sinh lý hệ nội tiết	5	2	3	
8	Chương 8: Giải phẫu sinh lý hệ miễn dịch	7	3	3	1
9	Chương 9: Giải phẫu sinh lý hệ sinh sản	8	3	5	
10	Chương 10: Giải phẫu , sinh lý hệ thần kinh	5	2	3	
11	Chương 11: Giải phẫu sinh lý các cơ quan cảm giác	5	2	2	1
	Tổng cộng	60	27	30	3

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Sơ lược về giải phẫu sinh lý và làm đẹp

Thời gian : 05 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được về cấu tạo cơ thể người; về giải phẫu sinh lý cơ thể;
- Mô tả được cấu tạo và chức năng các loại mô động vật;
- Trình bày được quá trình hình thành và phát triển con người.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm về giải phẫu , sinh lý học cơ thể

2.1.1. Khái niệm giải phẫu học

2.1.2. Khái niệm sinh lý học cơ thể

2.2. Các mức độ cấu tạo của cơ thể

2.2.1. Cấp độ hóa học

- 2.2.2. Cấp độ tế bào
- 2.2.3. Cấp độ mô
- 2.2.4. Cấp cơ quan
- 2.2.5. Hệ cơ quan
- 2.2.6. Cấp độ cơ thể
- 2.3. Cấu tạo và chức năng các loại mô động vật
 - 3.3.1. Mô biểu bì
 - 3.3.2. Mô liên kết
 - 3.3.3. Mô thần kinh
- 2.4. Quá trình sinh trưởng và phát triển cơ thể người
 - 2.4.1. Sinh trưởng
 - 2.4.2. Phân hóa các cơ quan
 - 2.4.3. Tạo thành hình dáng đặc trưng
- 2.5. Sơ lược chức năng của hệ cơ quan
 - 2.5.1. Hệ thống da
 - 2.5.2. Hệ thống xương và hệ thống cơ bắp
 - 2.5.3. Hệ thống thần kinh
 - 2.5.4. Hệ nội tiết
 - 2.5.6. Môi trường bên trong cơ thể
 - 2.5.7. Hệ hô hấp
 - 2.5.8. Hệ tiêu hóa
 - 2.5.9. Hệ tiết niệu
 - 2.5.10. Các hệ sinh sản
- 2.6. Khoa học về da và cấu tạo tổ chức tế bào da
 - 2.6.1. Chu kỳ cấu trúc tế bào da
 - 2.6.2. Cấu tạo và chức năng của da
 - 2.6.3. Vùng thẩm thấu

Chương 2: Máu và bạch huyết

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm về máu; chức năng của máu;
- Mô tả được tính chất vật lý, hóa học của máu; các thành phần của huyết tương;
- Trình bày được các yếu tố liên quan đến đông máu trong cơ thể và vai trò của dịch bạch huyết;
- Chăm chỉ, tích cực trong học tập.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm về máu và các yếu tố thành phần

- 1.1. Khái niệm về máu
- 1.2. Các yếu tố thành phần của máu và mạch máu
- 2.2. Chức năng của máu
 - 2.2.1. Vận chuyển các chất kh, chất dinh dưỡng và chất thải
 - 2.2.2. Vận chuyển các chất cần thiết cho cơ thể
 - 2.2.3. Vận chuyển các chất điều hòa
 - 2.2.4. Điều hòa PH và áp suất thẩm thấu
 - 2.2.5. Chức năng điều hòa nhiệt độ
 - 2.2.6. Chức năng bảo vệ
 - 2.2.7. Chức năng thống nhất cơ thể
- 2.3. Tính chất vật lý, hóa học của máu
 - 2.3.1. Khối lượng máu
 - 2.3.2. Tỷ trọng, độ nhớt, áp suất thẩm thấu và PH của máu
 - 2.3.3. Các hệ đệm của máu
- 2.4. Huyết tương
 - 2.4.1. Khái niệm về huyết tương
 - 2.4.2. Các thành phần và chức năng của huyết tương
- 2.5. Các tế bào máu
 - 2.5.1. Hồng cầu
 - 2.5.2. Bạch cầu
- 2.6. Nhóm máu và sự truyền máu
- 2.7. Cơ chế đông máu
 - 2.7.1. Khái niệm về đông máu
 - 2.7.2. Cơ chế đông máu
 - 2.7.3. Các yếu tố tham gia vào quá trình đông máu
 - 2.7.4. Các bệnh liên quan đến quá trình đông máu và biện pháp phòng ngừa
- 2.8. Dịch mô và bạch huyết
 - 2.8.1. Dịch mô
 - 2.8.2. Dịch bạch huyết

Chương 3: Giải phẫu sinh lý hệ tiêu hóa

Thời gian : 05 giờ

- 1. Mục tiêu:
 - Trình bày được vai trò và chức năng của hệ tiêu hóa
 - Mô tả được cấu tạo của hệ tiêu hóa
 - Giải phẫu sinh lý được hệ tiêu hóa của cơ thể người.
- 2. Nội dung:
 - 2.1. Sơ lược về hệ tiêu hóa của người

- 2.1.1. Chức năng của hệ tiêu hóa
 - 2.1.2. Chức năng của từng phần ống tiêu hóa
 - 2.1.3. Chức năng của dịch và enzym trong tiêu hóa
 - 2.1.4. Cấu tạo ống tiêu hóa
 - 2.1.5. Điều hòa hoạt động của ống tiêu hóa
- 2.2. Giải phẫu và chức năng của khoang miệng
 - 2.2.1. Môi và má
 - 2.2.2. Vòm miệng và amidan
 - 2.2.3. Lưỡi
 - 2.2.4. Răng
 - 2.2.5. Quá trình nhai và nghiền
 - 2.2.6. Tuyến nước bọt
- 2.3. Giải phẫu và chức năng của thực quản
 - 2.3.1. Cấu tạo của thực quản
 - 2.3.2. Chức năng nuốt của thực quản
- 2.4. Giải phẫu và chức năng của dạ dày
 - 2.4.1. Giải phẫu dạ dày
 - 2.4.2. Cấu thành thành dạ dày
 - 2.4.3. Dịch tiết của dạ dày
 - 2.4.4. Điều hòa quá trình tiết của dạ dày
 - 2.4.5. Vận động của dạ dày
- 2.5. Giải phẫu và chức năng của ruột non
 - 2.5.1. Giải phẫu ruột non
 - 2.5.2. Sự tiết dịch của ruột non
 - 2.5.3. Vận động của ruột non
 - 2.5.4. Giải phẫu và chức năng gan
 - 2.5.5. Giải phẫu và chức năng túi mật
 - 2.5.6. Giải phẫu và chức năng tuyến tụy
- 2.6. Giải phẫu và chức năng của ruột già
 - 2.6.1. Giải phẫu ruột già
 - 2.6.2. Chức năng của ruột già
 - 2.6.3. Vận động của ruột già
- 2.7. Sự tiêu hóa, hấp thu và vận chuyển các chất dinh dưỡng
 - 2.7.1. Sự tiêu hóa, hấp thu và vận chuyển hydratcacbon
 - 2.7.2. Sự tiêu hóa và vận chuyển lipid
 - 2.7.3. Sự tiêu hóa, hấp thu và vận chuyển protein
 - 2.7.4. Hấp thu, vận chuyển nước và các ion
- 2.8. Các bệnh thường gặp ở hệ tiêu hóa

- 2.8.1. Các bệnh trong ống tiêu hóa
- 2.8.2. Bệnh trong tuyến tiêu hóa
- 2.8.3. Những biến đổi hệ tiêu hóa theo tuổi

Chương 4: Giải phẫu, sinh lý hệ tuần hoàn

Thời gian : 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vai trò, cấu tạo, chức năng hệ tuần hoàn trong cơ thể;
- Mô tả được quy trình hoạt động của hệ tuần hoàn;
- Giải thích được vai trò quan trọng của tim trong việc duy trì sự sống con người;
- Ghi nhớ được một số bệnh thường gặp ở hệ tuần hoàn.

2. Nội dung:

2.1. Sơ lược về hệ tuần hoàn

- 2.1.1. Chức năng của hệ tuần hoàn
- 2.1.2. Sự tiến hóa của hệ tuần hoàn

2.2. Giải phẫu và chức năng của tim

- 2.2.1. Giải phẫu sinh lý tim
- 2.2.2. Sinh lý tim

2.3. Giải phẫu và chức năng sinh lý mạch máu

- 2.3.1. Động mạch và tiểu động mạch
- 2.3.2. Tĩnh mạch và tiểu tĩnh mạch
- 2.3.3. Sinh lý của mạch

2.4. Sinh lý các vòng tuần hoàn

- 2.4.1. Hệ thống các động mạch chính
- 2.4.2. Hệ thống các tĩnh mạch chính
- 2.4.3. Hệ thống tĩnh mạch của gan
- 2.4.4. Tuần hoàn não
- 2.4.5. Tuần hoàn thai nhi

2.5. Một số bệnh thường gặp ở hệ tuần hoàn

- 2.5.1. Sốc tuần hoàn
- 2.5.2. Huyết áp cao
- 2.5.3. Cholesterol và xơ cứng động mạch
- 2.5.4. Nhồi máu cơ tim

Chương 5: Giải phẫu sinh lý hệ hô hấp

Thời gian : 05 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vai trò của hệ hô hấp trong cơ thể;

- Mô tả được cấu tạo, hoạt động của các cơ quan trong hệ hô hấp;
- Nhận diện được một số bệnh thường gặp về hệ hô hấp.

2. Nội dung:

2.1. Sơ lược về hệ hô hấp

2.1.1. Chức năng của hệ hô hấp

2.1.2. Tiến hóa của hệ hô hấp

2.2. Cấu tạo và chức năng các phần của hệ hô hấp

2.2.2. Chức năng và cấu tạo của hầu

2.2.3. Chức năng và cấu tạo của khí quản

2.2.4. Cấu tạo và chức năng của phế quản

2.2.5. Cấu tạo và chức năng của phổi

2.2.6. Cấu tạo và chức năng thành ngực, cơ hô hấp và màng phổi

2.2.7. Cấu tạo và chức năng của mạch máu và mạch bạch huyết

2.3. Cơ chế hô hấp

2.3.1. Các thể tích hô hấp

2.3.2. Động tác thở

2.3.3. Nhịp thở

2.3.4. Điều hòa hoạt động hô hấp

2.4. Trao đổi và vận chuyển khí trong hô hấp

2.4.1. Hô hấp ngoài

2.4.2. Hô hấp trong

2.4.3. Quá trình vận chuyển khí

2.5. Hô hấp và cân bằng nội môi

2.6. Một số bệnh thường gặp ở hệ hô hấp

2.6.1. Bệnh do viêm nhiễm

2.6.2. Viêm phổi

2.6.3. Lao phổi

2.6.4. Hen suyễn

2.6.5. Sơ nang phổi

2.6.6. Khí thũng phổi

2.6.7. Ung thư phổi

2.6.8. Lão hóa hệ hô hấp

Chương 6: Giải phẫu, sinh lý hệ bài tiết

Thời gian : 05 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vai trò của hệ bài tiết trong cơ thể người;
- Mô tả được cấu tạo, vai trò, chức năng các cơ quan trong hệ bài tiết;

- Trình bày được quy trình vận hành của hệ bài tiết;
- Mô tả được vai trò và chức năng của da trong hệ bài tiết; vai trò của hệ bài tiết đối với làm đẹp.

2. Nội dung:

2.1. Sơ lược về hệ bài tiết

- 2.1.1. Tiến hóa của quá trình bài tiết và thận
- 2.1.2. Chức năng của hệ bài tiết
- 2.1.3. Chức năng bài tiết của da

2.2. Cấu tạo thận và đơn vị thận

- 2.2.1. Vị trí và cấu tạo ngoài thận
- 2.2.2. Cấu tạo trong và mô học của thận
- 2.2.3. Động mạch và tĩnh mạch thận
- 2.2.4. Cấu tạo và mô học của niệu quản và bàng quang

2.3. Cơ chế hình thành nước tiểu

- 2.3.1. Cơ chế lọc
- 2.3.2. Sự tái tạo hấp thu của ống thận
- 2.3.3. Quá trình tiết của ống thận
- 2.3.4. Sự hình thành của nước tiểu

2.4. Điều hòa khối lượng và nồng độ nước tiểu

- 2.4.1. Cơ chế điều hòa hoocmon
- 2.4.2. Cơ chế tự điều hòa
- 2.4.3. Cơ chế điều hòa thần kinh

2.5. Sự vận chuyển của nước tiểu

- 2.5.1. Sự vận chuyển của nước tiểu trong ống thận và niệu quản
- 2.5.2. Phản xạ tiểu tiện

2.6. Da và chức năng của da

- 2.6.1. Cấu tạo của da
- 2.6.2. Cấu trúc đặc biệt của da
- 2.6.3. Chức năng của da

2.7. Một số bệnh thường gặp đường tiết niệu

- 2.7.1. Sỏi thận
- 2.7.2. Viêm quản cầu thận
- 2.7.3. Viêm ống tiết niệu
- 2.7.4. Ung thư bàng quang
- 2.7.5. Suy thận
- 2.7.6. Lão hóa đối với hệ bài tiết

Chương 7: Giải phẫu sinh lý hệ nội tiết

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vai trò chức năng của hệ nội tiết;
- Liệt kê được các hoocmon và tác động của chúng đến cơ thể;
- Mô tả được cấu tạo của tuyến nội tiết ở động vật có vú;
- Xác định được ảnh hưởng của tuyến nội tiết đến thẩm mỹ và làm đẹp.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương về hệ nội tiết

2.2. Các hoocmon và tác động của chúng lên cơ thể

2.2.1. Hoocmon

2.2.2. Hoocmon điều hòa sự phát triển của động vật

2.3. Giải phẫu và chức năng sinh lý của các tuyến nội tiết

2.3.1. Giải phẫu và chức năng sinh lý của vùng dưới đồi

2.3.2. Giải phẫu sinh lý của tuyến yên

2.3.3. Giải phẫu và chức năng sinh lý của tuyến giáp

2.3.4. Giải phẫu và chức năng sinh lý của tuyến cận giáp

2.3.5. Giải phẫu và chức năng sinh lý của tuyến trên thận

2.3.6. Giải phẫu và chức năng của tuyến tụy

2.3.7. Giải phẫu và chức năng sinh lý của tuyến sinh dục

2.3.8. Một số hoocmon được tiết ra không phải là của các tuyến nội tiết

Chương 8: Giải phẫu, sinh lý hệ miễn dịch

Thời gian: 07 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vai trò của hệ miễn dịch trong cơ thể con người;
- Mô tả được cấu tạo và chức năng một số cơ quan, mô và các tế bào miễn dịch; cơ chế bảo vệ của hệ miễn dịch;
- Nhận diện được một số bệnh thường gặp ở hệ miễn dịch.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương về sự miễn dịch

2.1.1. Khái niệm về sự miễn dịch

2.1.2. Miễn dịch “ bẩm sinh” và “ thích ứng”

2.2. Cấu tạo và chức năng một số cơ quan, mô và tế bào miễn dịch

2.2.1. Hệ thống mạch bạch huyết

2.2.2. Các cơ quan bạch huyết tham gia quá trình miễn dịch

2.2.2.1. Tủy đỏ xương

2.2.2.2. Tuyến ức

2.2.2.3. Lá lách

- 2.2.2.4. Hạch bạch huyết
- 2.3. Cơ chế bảo vệ không đặc hiệu và đặc hiệu
 - 2.3.1. Cơ chế bảo vệ không đặc hiệu
 - 2.3.1.1. Rào cản cơ học
 - 2.3.1.2. Các phản ứng viêm
 - 2.3.1.3. Các tế bào diệt tự nhiên
 - 2.3.1.4. Các protein bảo vệ
 - 2.3.2. Cơ chế bảo vệ đặc hiệu
 - 2.3.2.1. Các tế bào lymphoB và miễn dịch trung gian qua kháng thể
 - 2.3.2.2. Cấu tạo và chức năng của kháng thể IgG
 - 2.3.2.3. Các loại kháng thể
 - 2.3.2.4. Các tế bào T và miễn dịch trung gian tế bào
 - 2.3.2.5. Các loại tế bào lympho T
- 2.4. Miễn dịch chủ động và miễn dịch thụ động
 - 2.4.1. Miễn dịch chủ động
 - 2.4.2. Miễn dịch thụ động
 - 2.4.3. Các kháng thể đơn dòng
 - 2.4.4. Các phản ứng miễn dịch phụ
 - 2.4.4.1. Dị ứng
 - 2.4.4.2. Loại bỏ mô ghép

Chương 9: Giải phẫu, sinh lý hệ sinh sản

Thời gian: 08 giờ

1. Mục tiêu:
 - Trình bày được vai trò, ý nghĩa của hệ sinh sản;
 - Mô tả được cấu tạo và chức năng của cơ quan sinh dục nam; cơ quan sinh dục nữ;
 - Mô tả được sự thụ tinh và phát triển phôi ở người.
2. Nội dung:
 - 2.1. Sơ lược về hệ thống sinh sản
 - 2.1.1. Ý nghĩa của sự sinh sản
 - 2.1.2. Các hình thức sinh sản ở động vật
 - 2.1.2.1. Sinh sản vô tính
 - 2.1.2.2. Sinh sản hữu tính
 - 2.1.2.3. Các hình thức sinh sản khác
 - 2.1.2. Sự phân hóa giới tính ở người
 - 2.2. Giải phẫu và chức năng cơ quan sinh dục nam
 - 2.2.1. Giải phẫu và chức năng cơ quan sinh dục nam

- 2.2.1.1. Cấu tạo tinh hoàn
- 2.2.1.2. Chức năng sinh lý của tinh hoàn
- 2.2.2. Túi tinh
 - 2.2.2.1. Cấu tạo túi tinh
 - 2.2.2.2. Chức năng sinh lý của túi tinh
- 2.2.3. Các tuyến sinh dục phụ
 - 2.2.3.1. Tiền liệt tuyến
 - 2.2.3.2. Tuyến hành liệt đạo
- 2.2.4. Dương vật
 - 2.2.4.1. Cấu tạo dương vật
 - 2.2.4.2. Chức năng
- 2.2.5. Dây thi và suy giảm sinh dục nam
- 2.3. Giải phẫu và chức năng cơ quan sinh dục nữ
 - 2.3.1. Buồng trứng
 - 2.3.2. Ống dẫn trứng
 - 2.3.3. Tử cung
 - 2.3.4. Âm đạo
 - 2.3.5. Bộ phận sinh dục bên ngoài
 - 2.3.6. Tuyến vú
 - 2.3.7. Chu kỳ kinh nguyệt
- 2.4. Sự thụ tinh và phát triển phôi ở người
 - 2.4.1. Quá trình phân chia
 - 2.4.2. Quá trình tăng trưởng
 - 2.4.3. Quá trình biến đổi hình thái
 - 2.4.4. Quá trình biệt hóa

Chương 10: Giải phẫu và sinh lý hệ thần kinh

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:
 - Trình bày được vai trò của hệ thần kinh đối với sự phát triển con người
 - Mô tả được chức năng của hệ thần kinh; đặc thù của tế bào thần kinh; sự tiến hóa của thần kinh;
 - Giải phẫu được hệ thần kinh.
2. Nội dung:
 - 2.1. Đại cương về hệ thần kinh
 - 2.1.1. Chức năng của hệ thần kinh
 - 2.1.2. Tiến hóa của hệ thần kinh
 - 2.2. Tế bào thần kinh

- 2.2.1. Khái quát chung
- 2.2.1. Cấu tạo tế bào thần kinh
- 2.2.2. Xinao và sự dẫn truyền xung thần kinh qua xinao
- 2.2.3. Hoạt động điện thế trên sợi thần kinh
- 2.2.4. Đặc tính sinh lí của sợi thần kinh
- 2.3. Cấu tạo và chức năng hệ thần kinh trung ương
 - 2.3.1. Cấu tạo và chức năng của tủy sống
 - 2.3.2. Cấu tạo và chức năng sinh lí của não
- 2.4. Cấu tạo và chức năng hệ thần kinh ngoại biên
 - 2.4.1. Các loại dây thần kinh
 - 2.4.2. Hệ thống thần kinh tự chủ
 - 2.4.3. Hệ thống thần kinh tự động

Chương 11: Giải phẫu, sinh lý cơ quan cảm giác

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:
 - Trình bày được cấu tạo, vai trò của các cơ quan cảm giác: Da, vị giác, khứu giác, thính giác;
 - Giải phẫu được sinh lý các cơ quan cảm giác.
2. Nội dung:
 - 2.1. Đại cương về các cơ quan cảm giác
 - 2.1.1. Vai trò của cơ quan cảm giác
 - 2.1.2. Sự tiến hóa của cơ quan cảm giác
 - 2.1.3. Cấu tạo của cơ quan cảm giác
 - 2.1.4. Phân loại các cơ quan thụ cảm
 - 2.1.5. Đặc điểm hoạt động của các cơ quan thụ cảm
 - 2.2. Chức năng cảm giác của da
 - 2.2.1. Các cơ quan thụ cảm xúc giác
 - 2.2.2. Các cơ quan thụ cảm nhiệt độ
 - 2.2.3. Cơ quan thụ cảm đau
 - 2.3. Cảm giác vị giác và khứu giác
 - 2.3.1. Cảm giác vị giác
 - 2.3.1.1. Cấu tạo của gai vị giác
 - 2.3.1.2. Cơ chế cảm nhận các vị
 - 2.3.2. Cảm giác khứu giác
 - 2.3.3. Cơ chế cảm nhận mùi
 - 2.4. Cảm giác thị giác
 - 2.4.1. Các cơ quan phụ của mắt

- 2.4.2. Giải phẫu và sinh lý của mắt
- 2.4.2.1. Chức năng của thủy tinh thể
- 2.4.2.2. Cơ chế nhìn của mắt

2.5. Cảm giác thính giác và thăng bằng

- 2.5.1. Cảm giác thính giác
- 2.5.2. Cảm giác thăng bằng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- + Học tại phòng học lý thuyết/phòng học thực hành/phòng tích hợp
- + Học tại phòng học thực hành Chăm sóc da

2: Trang thiết bị:

- + Máy tính
- + Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

* Học liệu:

- Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
- Các bài tập thực hành; thảo luận nhóm
- Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

* Nguyên vật liệu:

- + Bộ tranh giải phẫu người
- + Sách atlas giải phẫu người
- + Mô hình giải phẫu người

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:
 - + Kiến thức chung cơ bản nhất về cơ thể con người;
 - + Nguyên tắc hoạt động của các bộ phận và cơ quan trong cơ thể;
 - + Môi trường hoạt động bên trong cơ thể qua các kiến thức về máu và bạch huyết;
 - + Hệ bạch huyết và vai trò của hệ;
 - + Hệ tuần hoàn và vai trò của Tim;
 - + Hệ hô hấp với các cơ quan trong hệ hô hấp và chức năng của chúng;
 - + Hệ bài tiết với cấu tạo các cơ quan của hệ bài tiết và chức năng của chúng;
 - + Hệ vận động với cấu tạo và các chức năng của các cơ quan của hệ;
 - + Hệ vận động và các cơ quan của hệ vận động;
 - + Hệ nội tiết, cấu tạo và vai trò chức năng của các cơ quan hệ nội tiết;

- + Hệ thần kinh, vai trò chức năng của hệ thần kinh và cấu tạo của các cơ quan trong hệ;
- + Cơ chế bảo vệ cơ thể trước các tác nhân gây bệnh, vai trò của hệ miễn dịch;
- + Cấu tạo và chức năng của cơ quan sinh sản.
- Kỹ năng:
 - + Kỹ năng tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp;
 - + Kỹ năng tư vấn khách hàng;
 - + Kỹ năng điều trị các vấn đề của da;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên.
 - + Giải quyết vấn đề về an toàn lao động trong những điều kiện thay đổi.

2. Phương pháp:

- * *Kiểm tra thường xuyên, định kỳ:*
 - Điểm kiểm tra thường xuyên (*hệ số 1*), điểm kiểm tra định kỳ (*hệ số 2*).
 - Hình thức kiểm tra: do giáo viên dạy môn học quyết định
- * *Thi kết thúc môn học:*
 - Điều kiện được thi kết thúc môn học:
 - + Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô-đun được quy định trong chương trình môn học, mô-đun;
 - + Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;
 - Hình thức thi: Tự luận / trắc nghiệm / thực hành
- * *Điểm môn học, mô-đun:* bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- + Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ Cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp và làm tài liệu tham khảo cho các trung tâm làm đẹp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:
 - + Giáo viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.
 - + Nên áp dụng phương pháp đàm thoại để học viên ghi nhớ kỹ hơn.
- Đối với người học:

+ Học sinh chuẩn bị, nghiên cứu nội dung tự học trước ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- + Kiến thức chung cơ bản nhất về cơ thể con người;
- + Nguyên tắc hoạt động của các bộ phận và cơ quan trong cơ thể;
- + Môi trường hoạt động bên trong cơ thể qua các kiến thức về máu và bạch

huyết;

- + Hệ bạch huyết và vai trò của hệ;
- + Hệ tuần hoàn và vai trò của Tim;
- + Hệ hô hấp với các cơ quan trong hệ hô hấp và chức năng của chúng;
- + Hệ bài tiết với cấu tạo các cơ quan của hệ bài tiết và chức năng của chúng;
- + Hệ vận động với cấu tạo và các chức năng của các cơ quan của hệ;
- + Hệ vận động và các cơ quan của hệ vận động;
- + Hệ nội tiết ,cấu tạo và vai trò chức năng của các cơ quan hệ nội tiết;
- + Hệ thần kinh, vai trò chức năng của hệ thần kinh và cấu tạo của các cơ quan

trong hệ;

- + Cơ chế bảo vệ cơ thể trước các tác nhân gây bệnh, vai trò của hệ miễn dịch;
- + Cấu tạo và chức năng của cơ quan sinh sản.

4. Tài liệu tham khảo:

- [1]. Bộ sách của trường YIT Hàn Quốc
- [2]. Giáo trình của Dermalogica của Mỹ
- [3]. Giáo trình của Shisido Nhật Bản

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Y tế công cộng

Mã số của môn học: MH 12

Thời gian của môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học “Y tế công cộng” được bố trí giảng dạy cùng với các môn học chung, các môn học cơ sở ngành khác

- Tính chất: Đây là môn học cơ sở ngành, bắt buộc.

II. Mục tiêu của môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được các nguyên lý y tế công cộng; các kiến thức cơ bản, y học cơ sở làm nền tảng cho y học công cộng; các yếu tố quyết định đến sức khỏe.

+ Trình bày được phương pháp luận khoa học trong công tác phòng bệnh và nâng cao sức khỏe.

+ Trình bày được chính sách pháp luật về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cộng đồng.

+ Trình bày được được cách giám sát, phát hiện sớm bệnh dịch và cách tổ chức phòng chống dịch tại cộng đồng.

+ Phân tích được các yếu tố môi trường, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng.

- Về kỹ năng:

+ Phát hiện và xử lý được các vấn đề sức khỏe phổ biến ở cộng đồng.

+ Giáo dục sức khỏe cho nhân dân nhằm xây dựng lối sống và hành vi có lợi cho sức khỏe.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Hình thành được thái độ nghề nghiệp, ý thức tuyên truyền để bảo vệ sức khỏe cộng đồng của nhân viên nghề Chăm sóc sắc đẹp.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong môn học	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, Bài tập	Kiểm tra
1.	Chương 1. Đại cương về y tế công cộng	5	5		
2.	Chương 2. Vệ sinh môi trường	5	5		
3.	Chương 3. Vệ sinh thực phẩm. hầm.	5	4		1
4.	Chương 4. Tiêu độc	5	5		
5.	Chương 5. Dân số học và phát triển.	5	5		
6.	Chương 6. Quản lý y tế chăm sóc sức khỏe.	5	4		1
	Tổng cộng	30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Đại cương về y tế công cộng

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm y tế công cộng và lịch sử y tế công cộng.
- Mô tả được các chức năng cơ bản của y tế công cộng.

2. Nội dung chương:

2.1. Khái niệm về sức khỏe công cộng.

2.2. So sánh y tế cơ sở và y tế dự phòng.

2.3. Phạm vi của y tế công cộng.

2.4. Lịch sử phát triển của y tế công cộng.

2.5. Chức năng cơ bản của y tế công cộng.

5.1. Theo dõi và phân tích tình hình sức khỏe.

5.2. Giám sát dịch tễ học/phòng ngừa và kiểm soát dịch.

5.3. Xây dựng chính sách và kế hoạch y tế công cộng.

5.4. Quản lý có tính chất chiến lược các hệ thống và dịch vụ sức khỏe cộng đồng.

5.5. Quy chế và thực hành pháp luật bảo vệ sức khỏe công cộng.

5.6. Phát triển nguồn nhân lực và lập kế hoạch trong y tế công cộng.

5.7. Tăng cường sức khỏe, sự tham gia của xã hội trong công tác chăm sóc sức khỏe và làm cho người dân có ý thức thực hiện được đó là quyền lợi của mình.

5.8. Đảm bảo chất lượng dịch vụ sức khỏe cho cá nhân và cho cộng đồng.

5.9. Nghiên cứu, phát triển và thực hiện các giải pháp y tế công cộng mang tính chất đổi mới.

2.6. Khái niệm về sức khỏe và bệnh tật.

6.1. Khái niệm về sức khỏe.

6.2. Ngăn ngừa sự xuất hiện của bệnh.

Chương 2: Vệ sinh môi trường.

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được về một số khái niệm cơ bản về môi trường và sức khỏe môi trường; các yếu tố nguy cơ từ môi trường và những ảnh hưởng của chúng tới sức khỏe con người.

- Mô tả được cách bảo vệ môi trường; cách bảo vệ sức khỏe nghề nghiệp.

2. Nội dung chương:

1. Vệ sinh môi trường.

1.1. Các khái niệm về vệ sinh môi trường.

1.1.1. Định nghĩa về vệ sinh môi trường.

1.1.2. Vai trò của vệ sinh môi trường.

1.2. Khí hậu và sức khỏe.

1.3. Không khí và sức khỏe.

1.4. Nước và sức khỏe.

1.5. Nhà ở với sức khỏe.

1.6. Các loại sâu bệnh.

1.7. Khử trùng.

1.7.1. Các điều kiện xác định.

1.7.2. Các phương pháp khử trùng.

1.7.3. Cơ chế tác dụng diệt khuẩn.

2. Bảo vệ môi trường.

2.1. Vai trò của bảo vệ môi trường.

2.2. Ô nhiễm không khí.

2.3. Ô nhiễm nguồn nước.

2.4. Xử lý nước thải.

2.5. Tiếng ồn và độ rung.

3. Sức khỏe nghề nghiệp.

3.1. Các khái niệm về sức khỏe nghề nghiệp.

3.1.1. Sức khỏe nghề nghiệp.

3.1.2. Người lao động và việc làm.

3.1.3. Môi trường làm việc công nghiệp.

3.2. Sức khỏe và môi trường làm việc.

3.3. Tai nạn lao động.

3.4. Nghề nghiệp.

Chương 3: Vệ sinh thực phẩm.

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

- Mô tả được vai trò của vệ sinh thực phẩm trong đảm bảo sức khỏe con người; cách đánh giá mức độ an toàn của thực phẩm; cách phòng chống các bệnh qua đường thực phẩm.

- Trình bày được ảnh hưởng của ngộ độc của thực phẩm; vấn đề vệ sinh thực phẩm tại thị trường Việt Nam.

- Trình bày được phương pháp bảo quản thực phẩm; vai trò và tác dụng của các chất phụ gia.

2. Nội dung chương:

1. Các khái niệm về an toàn thực phẩm.

1.1. Định nghĩa về an toàn vệ sinh thực phẩm.

1.2. Đánh giá độ an toàn của thực phẩm.

1.3. Phòng chống các bệnh qua đường thực phẩm.

1.4. Điều kiện của y tế trong an toàn thực phẩm.

2. Ngộ độc.

2.1. Ngộ độc do vi khuẩn.

2.2. Ngộ độc do vi rút.

2.3. Ngộ độc do hóa chất.

2.4. Ngộ độc do chất tự nhiên.

3. Bảo quản thực phẩm.

3.1. Các phương thức bảo quản thực phẩm.

3.2. Hư hỏng trong bảo quản thực phẩm và tác hại của nó.

4. Phụ gia trong thực phẩm.

4.1. Khái niệm chất phụ gia trong thực phẩm.

4.2. Các chất phụ gia trong thực phẩm.

4.3. Tác hại của các chất phụ gia đối với sức khỏe con người.

Chương 4: Tiêu độc.

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm tiêu độc khử trùng; Các phương pháp tiêu độc khử trùng.

- Mô tả được các thiết bị vô trùng.

- Nhận thức được vai trò của tiêu độc trong chăm sóc sắc đẹp.

2. Nội dung chương:

1. Khái quát về tiêu độc khử trùng.

1.1. Khái niệm tiêu độc khử trùng.

1.2. Vai trò của tiêu độc khử trùng.

2. Các phương pháp tiêu độc khử trùng.
 - 2.1. Xử lý bằng nhiệt.
 - 2.1.1. Ở nhiệt độ cao.
 - 2.1.2. Đốt cháy.
 - 2.1.3. Đun sôi.
 - 2.2. Phương pháp tiệt trùng Pasteur.
 - 2.3. Xử lý bằng nhiệt độ thấp.
 - 2.4. Phương pháp lọc.
 - 2.5. Diệt trùng bằng bức xạ.
 - 2.6. Phương pháp hóa học.
3. Các thiết bị vô trùng.
4. Vai trò của khử trùng tiêu độc trong làm đẹp.

Chương 5: Dân số và phát triển.

Thời gian: 05 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được về dân số và chất lượng cuộc sống;
- Trình bày được động thái tái sản xuất dân cư nói chung và các thành phần của nó nói riêng.
- Trình bày được cách thức nghiên cứu quá trình dân số và sự thay đổi kết cấu dân số theo độ tuổi và giới tính, theo hôn nhân và gia đình; sự phụ thuộc của quá trình dân số vào các hiện tượng kinh tế và sự tác động qua lại sự phát triển dân số và sự phát triển xã hội.
- Trình bày phát triển dân số tới làm đẹp; sự ảnh hưởng của phát triển dân số tới chất lượng cuộc sống.

Nội dung chương:

1. Dân số và chất lượng cuộc sống.
 - 1.1. Khái niệm dân số.
 - 1.2. Khái niệm chất lượng cuộc sống.
 - 1.3. Dân số và mức sống.
2. Dân số và phát triển kinh tế xã hội.
 - 2.1. Tính cân đối giữa phát triển dân số và phát triển kinh tế-xã hội.
 - 2.2. Dân số và sự phát triển kinh tế.
3. Dân số và tài nguyên môi trường.
4. Tình trạng dân số.
 - 4.1. Dân số giới tính nam.
 - 4.2. Dân số giới tính nữ.
 - 4.3. Các vấn đề của dân số.
5. Bản thống kê dân số của Việt Nam.
6. Các chỉ số về sức khỏe và tử vong ở Việt Nam.

Chương 6: Quản lý y tế trong chăm sóc sức khỏe.

Thời gian: 05 giờ.

1. Mục tiêu:

- Mô tả được các nguyên tắc quản lý y tế.
- Trình bày được các tổ chức hoạt động tham gia quản lý y tế; vai trò của an sinh xã hội và bảo hiểm y tế; vai trò giáo dục y tế cho cộng đồng.
- Trình bày được các phương pháp giáo dục y tế cộng đồng; quy trình đánh giá giáo dục sức khỏe; các khái niệm về quản lý y tế.

2. Nội dung chương:

1. Khái quát về quản lý y tế.
 - 1.1. Khái niệm về quản lý y tế.
 - 1.2. Các nguyên tắc quản lý y tế.
2. Các tổ chức quản lý y tế trên thế giới.
 - 2.1. International office ở Public health.
 - 2.2. PAHO
 - 2.3. UNKRA
 - 2.4. WHO.
3. An sinh xã hội và bảo hiểm y tế.
 - 3.1. An sinh xã hội.
 - 3.1.1. Khái niệm về an sinh xã hội.
 - 3.1.2. Hệ thống an sinh xã hội.
 - 3.2. Bảo hiểm y tế.
 - 3.2.1. *Bản chất của bảo hiểm y tế.*
 - 3.2.2. *Bảo hiểm y tế của Hàn Quốc.*
 - 3.2.3. *Chính sách bảo hiểm y tế.*
4. Giáo dục sức khỏe cộng đồng.
 - 4.1. Vai trò của giáo dục sức khỏe cộng đồng.
 - 4.2. Định nghĩa giáo dục sức khỏe cộng đồng.
 - 4.3. Phân loại giáo dục sức khỏe cộng đồng.
 - 4.4. Lập kế hoạch giáo dục và thực hiện giáo dục sức khỏe cộng đồng.
 - 4.5. Phương pháp giáo dục sức khỏe cộng đồng.
 - 4.5.1. *Theo phương pháp giáo dục sức khỏe của Marion.*
 - 4.5.2. *Theo phương pháp thỏa hiệp và tự nguyện.*
 - 4.6. Các phương tiện giáo dục sức khỏe cộng đồng.
 - 4.7. Quy trình đánh giá giáo dục sức khỏe cộng đồng.
 - 4.7.1. *Nguyên tắc đánh giá.*
 - 4.7.2. *Phương pháp đánh giá.*
 - 4.7.3. *Đánh giá.*
 - 4.8. Trường y tế công cộng.

4.8.1. Vai trò của trường y tế công cộng.

4.8.2. Các hoạt động của trường y tế công cộng.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- Máy móc, dụng cụ và trang thiết bị:
- Các chương trình tuyên truyền chăm sóc sức khỏe cộng đồng của chính phủ.
- Máy tính, máy chiếu, máy in;
- Học liệu:
- Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
- Các bài tập thực hành;
- Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- + Y tế công cộng.
- + Kiến thức ngăn ngừa bệnh tật.
- + Dân số và sức khỏe cộng đồng.
- + Dịch tễ học cơ bản.
- + Tiêu độc khử trùng.
- + Bệnh truyền nhiễm và quản lý bệnh truyền nhiễm.
- + Các loại bệnh truyền nhiễm và cách kiểm soát.
- + Các bệnh không lây nhiễm và cách kiểm soát.
- + Quản lý dịch bệnh do ký sinh trùng.
- + Sức khỏe và môi trường.
- + Vấn đề ô nhiễm môi trường đối với sức khỏe cộng đồng.
- + An toàn vệ sinh thực phẩm.
- + Quản lý y tế trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- + Sức khỏe nghề nghiệp.

2. Phương pháp:

- + Trắc nghiệm.
- + Thực hành trong khu vực các nghề.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp và làm tài liệu tham khảo cho các trung tâm làm đẹp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

Nêu vấn đề, phân tích, hướng dẫn các bước.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Vai trò của hệ thống trong cơ thể.

Cấu tạo của các cơ quan trong cơ thể và chức năng của chúng.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ sách của trường YIT Hàn Quốc.
- Sức khỏe cộng đồng

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh chuyên ngành

Mã số của môn học: MH 13

Thời gian của môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 27 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học được bố trí học song song với các môn học chung, môn học cơ sở ngành

- Tính chất: Là môn học cơ sở ngành bắt buộc

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Mô tả đúng những thuật ngữ, những từ vựng về nghề tóc, da, móng, spa bằng tiếng Anh.

- Về kỹ năng: Sử dụng thành thạo tiếng Anh để:

+ Tư vấn, chăm sóc được khách hàng, khả năng tạo dựng và duy trì tốt mối quan hệ với khách hàng

+ Thực hiện các thao tác nghề một cách chính xác mang tính thẩm mỹ và nghệ thuật cao.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ ; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

+ Đánh giá chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

STT	Tên các bài trong môn học	Thời gian			
		Tổng	Lý t h u y ế t	Thực h à n h, Bài tập	Kiểm t r a
1	English for hair	15	8	6	1

	- Tools to cut and design hair - The kind of hair and the way to cut hair - the ways to take care of hair - Hair color				
2	English for Skin - What skin type do I have - Senescence of skin and the way to prevent - The 10 gold rules of taking care of skin everyday	15	8	6	1
3	English for Nail - The type of nails - The way to take care of nails - How to paint your nails - Color for nails	15	8	6	1
4	Practical English and Review See the video about Beauty care	15	6	9	
	Tổng số	60	30	27	3

2. Nội dung chi tiết:

Chapter 1: English for hair

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

- Giải thích được nghĩa của các từ chuyên ngành Tóc, cung cấp từ vựng về các dụng cụ làm tóc;
- Thực hiện được cách chăm sóc tóc chuyên sâu, phù hợp với từng loại tóc;
- Phân biệt được loại tóc để tư vấn và tạo ra sản phẩm tốt nhất cho khách hàng;
- Nhận biết được các màu nhuộm tóc để thực hiện nhuộm màu.

2. Nội dung chương trình

2.1. Tools to cut and design hair

2.1.1. what are the tools

2.1.2. what do the tools work for ?

2.2. The kind of hair and the way to cut hair

2.2.1. The kind of hair

2.2.2. The way to cut hair

2.3. Hair color

2.4. The ways to take care of hair.

Chapter II. English for Skin

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Phân biệt được từng loại Da và đặc điểm của từng loại;
- Mô tả được quá trình lão hóa Da theo thời gian để có những phương pháp chăm sóc Da kịp thời và hiệu quả.

2. Nội dung chi giờ

- 2.1. What skin type do I have?
- 2.2. Senescence of skin and the way to prevent
 - 2.2.1. Senescence of skin
 - 2.2.2. The ways to prevent senescence of skin
- 2.3. The 10 gold rules of taking care of skin every day

Chapter III. English for Nails

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết được từng kiểu loại móng;
- Mô tả được phương pháp chăm sóc Móng;
- Lựa chọn và sử dụng được những sản phẩm chăm sóc và làm đẹp cho móng;
- Thực hành được cách sơn móng nghệ thuật.

2. Nội dung chi giờ

- 2.1. The type of nails
- 2.2. The way to take care of nails
- 2.3. How to paint your nails
- 2.4. Color for nails

Chapter IV. Practice English and review

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu

- Cập nhật, ghi nhận và học hỏi được những kinh nghiệm thực tế về các ngành làm đẹp, các xu hướng trên thị trường hiện nay.
- Thực hành được các kỹ năng nghề riêng biệt như Tóc, Da, Móng

2. Nội dung chi giờ

- 2.1. Show video about Hair major
- 2.2. Show video about Skin major
- 2.3. Show video about Nails major
- 2.4. Practice some tasks

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn

Học tại phòng học lý thuyết/phòng học thực hành/phòng tích hợp

2. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

* Học liệu:

- Máy tính Pc kết nối Internet, Tivi.
- Projector, overhead.
- Video và tranh mô tả nghề.
- Giáo trình

* Dụng cụ:

- Bộ kéo, lược, kim, bấm, bông, hộp, kệ....
- găng tay, khăn bông.

* Nguyên vật liệu

- Mỹ phẩm, dầu gội, dầu dưỡng,

3. Các điều kiện khác: Không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:
 - Từ vựng và phương pháp cắt tạo kiểu tóc thời trang.
 - Các loại Da, cách chăm sóc
 - Từ vựng về Nails, màu sơn và cách chăm sóc nail
- **Kỹ năng:**
 - + Cắt và tạo kiểu tóc, lựa chọn màu tóc phù hợp với từng loại khách hàng
 - + Cách chăm sóc Da hiệu quả
 - + Sơn móng, chăm sóc móng

2. Phương pháp:

- + Phương pháp kiểm tra trắc nghiệm
- + Phương pháp kiểm tra tự luận
- + Phương pháp thực hành kiểm tra tại chỗ

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Môn học được áp dụng cho các Sinh viên nghề Chăm sóc sắc đẹp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Giáo viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- + Nên áp dụng phương pháp đàm thoại để học viên ghi nhớ kỹ hơn.

- Đối với người học:

- + Học sinh chuẩn bị, nghiên cứu nội dung tự học trước ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Cách phân biệt kiểu tóc và lựa chọn tạo kiểu, nhuộm màu (nếu có)

- Phân biệt và chăm sóc Da, quá trình lão hóa và cách phòng ngừa.
- Chăm sóc và trang trí móng

4. Tài liệu tham khảo:

<https://www.popsugar.com/beauty/photo-gallery/36337831/image/36337844/Type-1-Straight-Hair>

<http://www.webmd.com/beauty/whats-your-skin-type#1>

<http://www.diynetwork.com/how-to/skills-and-know-how/tools/all-about-the-different-types-of-nails>

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Sức khỏe và thẩm mỹ

Mã môn học: MH 14

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 20 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 23 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học dùng để giảng dạy cho trình độ Trung cấp, cao đẳng nghề chăm sóc sắc đẹp. Môn học này được bố trí học đồng thời các môn học chung, các môn học cơ sở nghề; học trước các môn học/mô đun nghề khác

- Tính chất: Là môn học chuyên môn nghề bắt buộc

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức:

- Trình bày được ý nghĩa của sức khỏe, vai trò của dinh dưỡng đối với sức khỏe và làm đẹp; lịch sử phát triển của dinh dưỡng học; vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng;

- Mô tả được sự cân bằng dinh dưỡng; các loại dinh dưỡng, vai trò của chúng đối với sức khỏe và làm đẹp;

- Trình bày được vai trò và chức năng các chất cacbonhydarat, chất đạm, chất béo, vitamin, chất khoáng, chất chống oxy hóa;

- Ghi nhớ được các loại thực phẩm có lợi với sức khỏe, các loại thực phẩm phù hợp từng loại da;

- Nhận thức được ảnh hưởng của béo phì đến sức khỏe; ảnh hưởng của thói quen sinh hoạt đối với sức khỏe và làm đẹp.

2. Về kỹ năng:

- Lựa chọn được các loại thực phẩm có lợi với sức khỏe, các loại thực phẩm phù hợp từng loại da;

- Bổ sung được các chất cacbonhydarat, chất đạm, chất béo, vitamin, chất khoáng, chất chống oxy hóa cho bản thân và gia đình;

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi;

- Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

II. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

TT	Tên chương, mục	Thời gian
----	-----------------	-----------

		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi, Kiểm tra
1.	Chương 1. Đại cương về dinh dưỡng	5	3	2	
2.	Chương 2. Thực phẩm sức khỏe và làm đẹp	5	3	2	
3.	Chương 3. Nhu cầu năng lượng và khẩu phần ăn hợp lí cho sức khỏe và làm đẹp	5	3	2	
4.	Chương 4. Sức khỏe da liễu	10	2	7	1
5.	Chương 5. Sức khỏe tóc và da đầu	5	2	3	
6.	Chương 6. Béo phì và sức khỏe	5	2	3	
7.	Chương 7. Thói quen sinh hoạt và sức khỏe thẩm mỹ	5	2	3	
8.	Chương 8. Chu kỳ của cuộc đời và sức khỏe thẩm mỹ	5	3	1	1
	Tổng cộng	45	20	23	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Đại cương về dinh dưỡng

Thời gian: 5 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được quan niệm trước đây về ăn uống, Các mốc phát triển của dinh dưỡng học; Ý nghĩa kinh tế xã hội của dinh dưỡng;
- Mô tả được vai trò và nhu cầu của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể;
- Sáng tạo, linh hoạt trong vận dụng.

Nội dung:

1. Đại cương về dinh dưỡng

- 1.1. Những quan niệm trước đây về ăn uống
- 1.2. Các mốc phát triển của dinh dưỡng học
- 1.3 Ý nghĩa kinh tế xã hội của dinh dưỡng
 - 1.3.1. Ý nghĩa sức khỏe
 - 1.3.2. Ý nghĩa kinh tế và thương mại
 - 1.3.3. Ý nghĩa xã hội

2. Vai trò và nhu cầu của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể

2.1. Protid

- 2.1.1. Vai trò dinh dưỡng của protid
- 2.1.2. Nguồn protid trong thực phẩm
- 2.1.3. Nhu cầu protid
- 2.2. Lipid
 - 2.2.1. Vai trò dinh dưỡng của lipid
 - 2.2.3. Nhu cầu lipid
- 2.3. Glucid
 - 2.3.1. Vai trò dinh dưỡng của glucid
 - 2.3.2. Nguồn glucid trong thực phẩm
 - 2.3.3. Nhu cầu glucid
- 2.4. Vitamin
 - 2.4.1. Vitamin A (Retinon)
 - 2.4.2. Vitamin D
 - 2.4.3. Vitamin B₁ (Thiamin)
 - 2.4.4. Vitamin B₂ (Riboflavin)
 - 2.4.5. Vitamin PP (Niacin)
 - 2.4.6. Vitamin C (Acid ascorbic)
- 2.5. Chất khoáng
 - 2.5.1. Vai trò dinh dưỡng
 - 2.5.2. Nguồn cung cấp chất khoáng
- 2.6. Chất xơ (Cellulose)
- 2.7. Nước

Chương 2. Thực phẩm sức khỏe và làm đẹp

Thời gian: 5 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được các cách phân loại thực phẩm; vai trò của thức ăn chức năng trong việc nâng cao sức khỏe cộng đồng;
- Phân tích được giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của một số thực phẩm thường được sử dụng;
- Trình bày được khái niệm và vai trò của thức ăn chức năng trong việc nâng cao sức khỏe cộng đồng.

Nội dung:

1. Giá trị dinh dưỡng của thực phẩm và các nhóm thực phẩm chức năng
 - 1.1. Cách phân loại thực phẩm và ý nghĩa
 - 1.2. Thực phẩm giàu protein
 - 1.2.1. Thực phẩm có nguồn gốc động vật: Thịt, cá và chế phẩm từ cá, nhuyễn thể và tôm, cua, lươn; trứng, sữa...

- 1.2.2. Thức ăn có nguồn gốc thực vật: Đậu đỗ, lạc, vừng
- 1.3. Thực phẩm giàu lipid: Mỡ, bơ động vật, các loại dầu thực vật
- 1.4. Thực phẩm giàu glucid:
 - Ngũ cốc: Gạo, ngô, các sản phẩm từ lúa mì
 - Khoai củ
- 1.5. Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau, quả
- 1.6. Một số đồ uống thông dụng: Chè, cà phê, ca cao, rượu, bia, nước khoáng, các loại nước quả tự nhiên và sirô
- 2. Thực phẩm chức năng
- 2.1. Khái niệm và lịch sử của thức ăn chức năng
- 2.2. Phân loại thức ăn chức năng
 - 2.2.1. Phân loại dựa trên thành tố của thức ăn
 - 2.2.1.1. Chất xơ dinh dưỡng
 - 2.2.1.2. Các loại đường đa phân tử (oligosaccharid)
 - 2.2.1.3. Acid amin, peptid và protein
 - 2.2.1.4. Vitamin và khoáng chất
 - 2.2.1.5. Vi khuẩn sinh acid lactic
 - 2.2.1.6. Acid béo
 - 2.2.2. Phân loại dựa trên tên của thực phẩm
- 2.3. Vấn đề an toàn thực phẩm của thức ăn chức năng

Chương 3. Nhu cầu năng lượng và khẩu phần ăn hợp lý cho sức khỏe và làm đẹp

Thời gian: 5 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được nhu cầu năng lượng của con người;
- Phân tích được nguyên tắc xây dựng khẩu phần hợp lý;
- Ghi nhớ được 10 lời khuyên về dinh dưỡng hợp lý cho người Việt Nam;
- Xây dựng được thực đơn cho một số nhóm tuổi.

Nội dung:

- 1. Nhu cầu về năng lượng của cơ thể
 - 1.1. Định nghĩa
 - 1.2. Nhu cầu năng lượng cho chuyển hoá cơ sở (CHCS)
 - 1.3. Nhu cầu năng lượng cho lao động thể lực
 - 1.4. Cân nặng nên có
- 2. Nguyên tắc xây dựng khẩu phần ăn hợp lý
 - 2.1. Đảm bảo đủ năng lượng
 - 2.2. Đảm bảo đủ các chất dinh dưỡng cần thiết

- 2.3. Các chất dinh dưỡng có tỷ lệ cân đối
 - 2.3.1. Cân đối về các yếu tố sinh năng lượng
 - 2.3.2. Cân đối về vitamin
 - 2.3.3. Cân đối về chất khoáng
- 2.4. Phù hợp với điều kiện kinh tế của từng gia đình và thực tế địa phương
- 2.5. Thức ăn phải đảm bảo lành, sạch, không gây bệnh
- 3. Mười lời khuyên dinh dưỡng hợp lý cho người Việt Nam (2001 - 2005) của viện dinh dưỡng

Chương 4. Sức khỏe da liễu

Thời gian: 10 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được cấu tạo và chức năng của da;
- Mô tả được dinh dưỡng của các loại hình da;
- Vận dụng sáng tạo, linh hoạt trong thực tế.

Nội dung:

- 1. Cấu tạo và chức năng của da
 - 1.1. Cấu tạo của da
 - 1.2. Tác dụng của da
- 2. Quản lý dinh dưỡng theo loại hình da
 - 2.1. Da thường (normal skin)
 - 2.1.1. Thực phẩm cung cấp dinh dưỡng
 - 2.1.2. Phương pháp chăm sóc da
 - 2.2. Da khô (dry skin)
 - 2.2.1. Đặc điểm
 - 2.2.2. Quản lý dinh dưỡng
 - 2.2.3. Thực phẩm cung cấp dinh dưỡng
 - 2.2.4. Phương pháp chăm sóc da
 - 2.3. Da dầu (oily skin)
 - 2.3.1. Đặc điểm
 - 2.3.2. Quản lý dinh dưỡng
 - 2.3.3. Thực phẩm cung cấp dinh dưỡng
 - 2.3.4. Phương pháp chăm sóc da
 - 2.4. Da hỗn hợp
 - 2.4.1. Đặc điểm
 - 2.4.2. Quản lý dinh dưỡng
 - 2.4.3. Thực phẩm cung cấp dinh dưỡng

- 2.4.4. Phương pháp chăm sóc da
- 2.5. Da nhạy cảm do mao mạch mở rộng
 - 5.1. Đặc điểm
 - 5.2. Quản lý dinh dưỡng
 - 5.3. Thực phẩm cung cấp dinh dưỡng
 - 5.4. Phương pháp chăm sóc da
- 2.6. Da lão hóa
 - 2.6.1. Đặc điểm
 - 2.6.2. Quản lý dinh dưỡng
 - 2.6.3. Thực phẩm là nguồn cung cấp dinh dưỡng
 - 2.6.4. Phương pháp chăm sóc da
- 2.7. Da mang sắc tố
 - 2.7.1. Đặc điểm
 - 2.7.2. Quản lý dinh dưỡng
 - 2.7.3. Thực phẩm là nguồn cung cấp dinh dưỡng
 - 2.7.4. Phương pháp chăm sóc da

Chương 5. Sức khỏe tóc và da đầu

Thời gian: 5 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được phương pháp lựa chọn dinh dưỡng cho các loại da;
- Mô tả được các phương pháp chăm sóc tóc và da đầu;

Nội dung:

- 1. Dinh dưỡng cho da
 - 1.1. Dinh dưỡng cho da thường
 - 1.2. Dinh dưỡng cho da khô
 - 1.3. Dinh dưỡng cho da dầu
 - 1.4. Dinh dưỡng cho da hỗn hợp
 - 1.5. Dinh dưỡng cho da nhạy cảm
 - 1.6. Dinh dưỡng dành cho da mụn
 - 1.7. Dinh dưỡng dành cho da nám
 - 1.8. Dinh dưỡng dành cho da lão hóa
- 2. Chăm sóc tóc và da đầu
 - 2.1. Chăm sóc tóc
 - Cấu trúc của tóc
 - Tổ chức các thành phần của nang tóc
 - Thành phần liên quan đến nang lông
 - Sự phát triển của tổ chức tóc

- Tóc bị hư tổn
- Chăm sóc tóc

2.2. Chăm sóc da đầu

- Khái quát da đầu
- Dinh dưỡng cần thiết cho da đầu
- Phương pháp chăm sóc da đầu
- Cách quản lý da đầu

2.3. Phòng chống rụng tóc

- Giải quyết căng thẳng
- Cân bằng dinh dưỡng
- Vệ sinh tóc
- Kiểm soát sự tác động của hóa chất
- Các yếu tố khác

2.4. Điều trị rụng tóc

2.4.1. Điều trị bằng thuốc

2.4.2. Điều trị bằng các phương pháp khác

Chương 6. Béo phì, sức khỏe và sắc đẹp

Thời gian: 5 giờ

Mục tiêu:

- Mô tả được các chỉ số đánh giá sự béo phì;
- Nhận biết được nguyên nhân dẫn đến béo phì;
- Trình bày được ảnh hưởng của béo phì đối với sức khỏe;
- Chỉ ra được cách kiểm soát béo phì.

Nội dung:

1. Đánh giá về béo phì

- 1.1. Chỉ số đánh giá
- 1.2. Chỉ số khối cơ thể
- 1.3. Đánh giá theo chỉ số cơ thể
- 1.4. Đánh giá yếu tố xung quanh

2. Nguyên nhân dẫn đến béo phì

- Sự mất cân bằng về năng lượng trong cơ thể
- Di truyền
- Hoạt động quá mức của hệ thần kinh trung ương
- Sự mất cân bằng nội tiết
- Tác dụng phụ của thuốc

3. Các bệnh lý do béo phì gây ra

- Bệnh tim mạch

- Bệnh huyết áp
- Bệnh cholesterol
- Bệnh tiểu đường
- Ung thư
- Bệnh gan
- Bệnh túi mật
- Bệnh hô hấp
- Bệnh nội tiết
- Bệnh hệ thống
- Bệnh về da.

4. Béo phì và sức khỏe phụ nữ

- Béo phì và sinh lý sinh sản
- Béo phì và thai sản
- Béo phì và thời kỳ mãn kinh

5. Kiểm soát béo phì

- Chế độ dinh dưỡng
- Chế độ vận động
- Sử dụng thuốc giảm cân
- Các biện pháp khác

Chương 7. Thói quen sinh hoạt ảnh hưởng đến sức khỏe và làm đẹp

Thời gian: 5 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được các tác hại của Hút thuốc, uống rượu, cà phê và thuốc
- Trình bày được các Stress làm ảnh hưởng đến sức khỏe
- Trình bày được Vận động

Nội dung:

1. Thói quen sinh hoạt có hại đến sức khỏe

- 1.1. Hút thuốc
- 1.2. Uống rượu
- 1.3. Cafe
- 1.4. Lạm dụng ma túy

2. Căng thẳng

- 2.1. Khái quát mô hình căng thẳng
- 2.2. Căng thẳng trong công việc
- 2.3. Căng thẳng kích thích sắc tố
- 2.4. Do thiếu dinh dưỡng
- 2.5. Bệnh căng thẳng và ảnh hưởng đến da

3. Tập thể dục

- 3.1. Ảnh hưởng của tập thể dục
- 3.2. Thiếu vận động thể chất trong cơ thể
- 3.3. Thể dục với lão hóa
- 3.4. Thể dục với béo phì

4. Sức khỏe theo thời gian

- 4.1. Sắc đẹp vị thành niên
- 4.2. Vẻ đẹp của phụ nữ mang thai và sau khi sinh
- 4.3. Sắc đẹp của tuổi trưởng thành.
- 4.4. Sắc đẹp của tuổi mãn kinh
- 4.5. Vẻ đẹp của tuổi già

Chương 8. Chu kỳ của cuộc đời và sức khỏe thẩm mỹ

Thời gian: 5 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm cơ thể các thời kỳ trong cuộc đời con người;
- Mô tả được phương pháp chăm sóc sức khỏe trong các thời kỳ và mối liên hệ giữa sức khỏe và thẩm mỹ.

Nội dung:

1. Thời kỳ vị thành niên

- 1.1. Trưởng thành và phát triển cơ thể
- 1.2. Chăm sóc sức khỏe
 - 1.2.1. Dinh dưỡng và thói quen ăn uống thời kỳ dậy thì
 - 1.2.2. Các loại vitamin
- 1.3. Bệnh ở thời kỳ thanh thiếu niên
 - Chứng đau eo
 - Rối loạn dạ dày
 - Mụn
 - Béo phì
 - Bệnh rối loạn ăn uống
 - Chứng thống kinh
 - Lạm dụng thuốc
- 1.4. Vận động và thẩm mỹ

2. Thời kỳ trưởng thành

- 2.1. Đặc điểm của thời kỳ trưởng thành
 - 2.1.1. Thay đổi ở thời kỳ trưởng thành
 - 2.1.2. Trạng thái dinh dưỡng ở thời kỳ trưởng thành
 - Năng lượng

- Chất đạm
- Vitamin
- Khoáng chất

2.2. Các bệnh thường gặp

- Bệnh hệ tim mạch
- Cao huyết áp
- Bệnh xơ vữa động mạch
- Bệnh tiểu đường
- Ung thư
- Quá cân nặng và béo phì

3. Thời kỳ sinh sản

3.1. Đặc điểm của thời kỳ mang thai

- 3.1.1. Quy tắc ăn uống cho thai phụ
- 3.1.2. Chọn thực phẩm khi mang thai
- 3.1.3. Kiểm soát thói quen ăn uống của thai phụ

3.2. Đặc điểm của thời kỳ cho con bú

- 3.2.1. Lượng dinh dưỡng cần thiết thời kỳ cho con bú
- 3.2.2. Các kiểu sinh hoạt không tốt với phụ nữ cho con bú

4. Thời kỳ mãn kinh

4.1. Đặc điểm của thời kỳ mãn kinh

4.2. Chăm sóc dinh dưỡng cho phụ nữ thời kỳ mãn kinh

5. Thời kỳ cao tuổi

5.1. Hiện tượng lão hóa cơ thể

- Thay đổi trên da
- Thay đổi về thị lực
- Thay đổi về thính lực
- Thay đổi vị giác và khứu giác
- Thay đổi xúc giác và cảm giác vận động
- Thay đổi hệ cơ xương
- Thay đổi cơ quan tiết niệu
- Thay đổi ở dạ dày và ruột
- Thay đổi cơ quan tim mạch
- Thay đổi cơ quan hô hấp
- Thay đổi hệ nội tiết
- Thay đổi chức năng miễn dịch
- Thay đổi hệ sinh dục
- Thay đổi ở não và giấc ngủ

5.2. Chăm sóc sức khỏe

5.3. Bệnh ở thời kỳ tuổi già

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

+ Phòng học lý thuyết/phòng học thực hành/phòng tích hợp

2. Trang thiết bị:

- + Máy tính
- + Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

* Học liệu:

- Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
- Các bài tập thực hành;

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:
 - + Vai trò của dinh dưỡng đối với sức khỏe;
 - + Các loại dinh dưỡng: chất đạm, chất béo, vitamin,
 - + Nguồn cung cấp các loại dinh dưỡng trong thực phẩm;
 - + Chăm sóc da, tóc và da đầu;
 - + Béo phì và ảnh hưởng của nó tới sức khỏe, làm đẹp;
 - + Sắc đẹp và tuổi tác;
 - + Tác động của thói quen sinh hoạt tới sức khỏe và sắc đẹp;
 - + Vai trò của vận động đối với sức khỏe và làm đẹp.
- Kỹ năng:
 - + Lựa chọn dinh dưỡng trong các thời kỳ;
 - + Lựa chọn hình thức và mức độ vận động trong các thời kỳ;
 - + Nhận biết các bệnh trong các thời kỳ. Cách phòng ngừa và xử lý
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên.
 - + Giải quyết vấn đề về an toàn lao động trong những điều kiện thay đổi.

2. Phương pháp:

* *Kiểm tra thường xuyên, định kỳ:*

- Điểm kiểm tra thường xuyên (*hệ số 1*), điểm kiểm tra định kỳ (*hệ số 2*).
- Hình thức kiểm tra: do giáo viên dạy môn học quyết định

* *Thi kết thúc môn học:*

- Điều kiện được thi kết thúc môn học:

+ Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô-đun được quy định trong chương trình môn học, mô-đun;

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

- Hình thức thi: Tự luận / trắc nghiệm / thực hành

* *Điểm môn học, mô-đun*: bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

+ Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ Cao đẳng, trung cấp nghề Chăm sóc sắc đẹp và làm tài liệu tham khảo cho các trung tâm làm đẹp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Giáo viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

+ Nên áp dụng phương pháp đàm thoại để học viên ghi nhớ kỹ hơn.

- Đối với người học:

+ Học sinh chuẩn bị, nghiên cứu nội dung tự học trước ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

+ Vai trò của dinh dưỡng đối với sức khỏe.

+ Các loại dinh dưỡng: chất đạm, chất béo, vitamin,

+ Nguồn cung cấp các loại dinh dưỡng trong thực phẩm.

+ Chăm sóc da, tóc và da đầu.

+ Béo phì và ảnh hưởng của nó tới sức khỏe, làm đẹp.

+ Sắc đẹp và tuổi tác.

+ Tác động của thói quen sinh hoạt tới sức khỏe và sắc đẹp.

+ Vai trò của vận động đối với sức khỏe và làm đẹp.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ sách của trường YIT Hàn Quốc.

- Giáo trình của Dermalogica của Mỹ.

- Giáo trình của Shisido Nhật Bản.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thiết bị chăm sóc da

Mã môn học: MH 15

Thời gian thực hiện môn học: 60 giờ (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 30 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học được bố trí học sau các môn học chung, các môn cơ sở ngành. Học trước các mô đun chăm sóc da.

- Tính chất: Là môn học chuyên ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo Cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, phạm vi ứng dụng của các thiết bị sử dụng trong chăm sóc da;

+ Xử lý được các sự cố của thiết bị trong quá trình sử dụng;

- Kỹ năng: Sử dụng thành thạo các thiết bị trong chăm sóc da đảm bảo đúng kỹ thuật, an toàn cho người thợ và khách hàng

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chủ động, tích cực trong quá trình thực hiện

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1.	Chương 1. Khoa học và công nghệ điện	5	3	2	
2.	Chương 2. Thiết bị làm đẹp da	10	6	4	
3.	Chương 3. Thiết bị kiểm tra da	5	3	2	
4.	Chương 4. Thiết bị cho khuôn mặt	10	5	4	1
5.	Chương 5. Thiết bị ánh sáng chùm	5	3	2	

6.	Chương 6. Thiết bị toàn thân	10	2	7	1
7.	Chương 7. Thiết bị medical	5	3	2	
8.	Chương 8. Thiết bị làm đẹp khác	10	3	7	
	Tổng cộng	60	28	30	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Khoa học và công nghệ về điện

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu của chương:

- Trình bày được cách sử dụng các thiết bị có sử dụng nguồn điện
- Đảm bảo an toàn khi sử dụng các thiết bị có sử dụng nguồn điện
- Có thái độ học tập đúng đắn.

2. Nội dung chương:

1. Định nghĩa
2. Nguồn phát sinh điện
3. Dòng điện, điện trở và điện áp
4. Dòng điện ảnh hưởng đến cơ thể con người
5. Tính cần thiết khi sử dụng thiết bị làm đẹp

Chương 2: Thiết bị làm đẹp da

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu của chương:

- Trình bày được nguyên lý, cách sử dụng một số thiết bị làm đẹp da.
- Sử dụng được một số thiết bị làm đẹp da.

2. Nội dung chương:

1. Máy tẩy tế bào chết
2. Máy xóa nhăn - căng da.
3. Máy phân tích da
4. Máy điều trị sắc tố

Chương 3: Thiết bị kiểm tra da

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu của chương:

- Trình bày được nguyên lý, cách sử dụng một số thiết bị kiểm tra da.
- Sử dụng được một số thiết bị kiểm tra da.

2. Nội dung chương:

1. Kính lúp
2. Wood lamp
3. Máy đo tỷ lệ dầu/ nước

4. Máy đo độ PH của da

Chương 4: Thiết bị cho khuôn mặt

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu của chương:

- Trình bày được nguyên lý, cách sử dụng một số thiết bị dùng cho khuôn mặt.
- Sử dụng được một số thiết bị dùng cho khuôn mặt.

2. Nội dung chương:

1. Flick Lima
2. Steamer
3. Spray
4. Máy tần số cao
5. Máy hút chân không
6. Máy lifting

Chương 5: Thiết bị ánh sáng chùm

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu của chương:

- Trình bày được cách thức sử dụng các thiết bị ánh sáng chùm trong làm đẹp;
- Sử dụng được các thiết bị ánh sáng chùm trong làm đẹp.

2. Nội dung chương:

1. Thiết bị điện tử
2. Spectrum quang phổ
3. Tia hồng ngoại
4. Tia tử ngoại

Chương 6: Thiết bị toàn thân

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu của chương:

- Trình bày được cách thức sử dụng các thiết bị toàn thân trong làm đẹp;
- Sử dụng được các thiết bị toàn thân trong làm đẹp.

2. Nội dung chương:

1. Ánh sáng nhẹ cho béo phì
2. Máy hút chân không
3. Thiết bị rung (tần số rung thấp, rung vừa và rung cao)
4. Thiết bị lymph massage

Chương 7: Thiết bị medical

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu của chương:

- Trình bày được các nguyên lý hoạt động, tác dụng của các thiết bị medical được dùng trong thẩm mỹ làm đẹp;

- Sử dụng được các thiết bị medical được dùng trong thẩm mỹ làm đẹp.

2. Nội dung chương:

1. Thiết bị laser
2. Thiết bị filling pha lê
3. Thiết bị filling kim cương
4. IPL

Chương 8: Các thiết bị làm đẹp khác

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được các nguyên lý hoạt động, tác dụng của một số thiết bị được dùng trong thẩm mỹ làm đẹp;
- Sử dụng được một số thiết bị dùng trong thẩm mỹ làm đẹp.

2. Nội dung:

1. Lý thuyết và thực hành pedicure, manicure
2. Dụng cụ chăm sóc chân và make up
3. Thực hành sử dụng các thiết bị làm đẹp

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- Máy móc, dụng cụ và trang thiết bị:
- + Phòng thực hành chăm sóc da và trang thiết bị liên quan;
- + Máy tính, máy chiếu, máy in;
- + Camera kỹ thuật số
- Học liệu:
- + Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
- + Các bài tập thực hành;
- + Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:
- + Khoa học và công nghệ về điện
- + Các thiết bị làm đẹp sử dụng nguồn điện
- Kỹ năng:
- + Kỹ năng tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp
- + Kỹ năng điều trị thẩm mỹ làm đẹp qua các thiết bị sử dụng điện

- Công cụ đánh giá:

+ Hệ thống ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm;

+ Hệ thống ngân hàng bài thực hành.

2. Phương pháp:

* *Kiểm tra thường xuyên, định kỳ:*

- Điểm kiểm tra thường xuyên (*hệ số 1*), điểm kiểm tra định kỳ (*hệ số 2*).

- Hình thức kiểm tra: do giáo viên dạy môn học quyết định

* *Thi kết thúc môn học:*

- Điều kiện được thi kết thúc môn học:

+ Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô-đun được quy định trong chương trình môn học, mô-đun;

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

- Hình thức thi: Tự luận / trắc nghiệm / thực hành

* *Điểm môn học, mô-đun:* bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình mô-đun được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng nghề Chăm sóc da và làm tài liệu tham khảo cho các học sinh/sinh viên trong quá trình theo học cũng như cho các ngành khác.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- Nêu vấn đề, phân tích, hướng dẫn các bước.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Thiết bị làm đẹp da;

- Thiết bị cho khuôn mặt.

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Quản lý thiết bị chăm sóc da của trường Đại học YIT Hàn Quốc

- Giáo trình của John V. Simmons, *Scienue and the Beauty Business*, THOMSON, 1995

- Giáo trình của Mo Rosser, *Body Therapy and Facial Woks*, Hodder & Stoughton, 2005

- Giáo trình của Joel Gerson, *Standard textbook for professional Estheticians*, MILADY, 1999.



CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Chăm sóc da cơ bản

Mã mô đun: MĐ 16

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí:

+ Chăm sóc da cơ bản là mô đun chuyên môn nghề trong chương trình môn học, mô đun đào tạo trình độ Cao đẳng, Trung cấp nghề Chăm sóc sắc đẹp;

+ Mô đun được bố trí dạy sau các môn học chung và các MH/MĐ cơ sở nghề.

- Tính chất: là mô đun tích hợp giữa lý thuyết và thực hành trực tiếp trên người mẫu.

II. Mục tiêu mô đun:

1. Về kiến thức:

+ Mô tả được các loại da và tình trạng da;

+ Phân tích được cấu tạo làn da;

+ Trình bày được các phương pháp chăm sóc da cơ bản.

- Về kỹ năng:

+ Phân biệt được các loại da và tình trạng da;

+ Chăm sóc được làn da đảm bảo đúng kỹ thuật, an toàn và vệ sinh.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/ Kiểm tra
1	Bài 1: Cấu tạo và chức năng của da	5	5		
2	Bài 2: Các bước chăm sóc da cơ bản	15	5	10	
3	Bài 3: Làm sạch sâu	10	3	6	1
4	Bài 4: Kỹ thuật Massage mặt	20	6	13	1

5	Bài 5: Mặt nạ dẻo và mặt nạ thạch cao	20	3	17	
6	Bài 6: Tẩy lông	10	4	5	1
7	Bài 7: Kem chống nắng	10	4	6	
	Cộng	90	30	57	3

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Cấu tạo và chức năng của da

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được cấu tạo và chức năng của da;
- Nhận biết được đặc điểm các loại da.
- Trình bày được quy trình tư vấn chăm sóc da;
- Lập được hồ sơ tư vấn khách hàng.

2. Nội dung:

1. Đại cương về làn da
2. Chức năng của da
3. Cấu tạo da
4. Đặc điểm các loại da
5. Tư vấn chăm sóc da
 - Quy trình tư vấn chăm sóc da
 - Lập hồ sơ khách hàng

Bài 2: Các bước chăm sóc da cơ bản

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

- Mô tả được quy trình chăm sóc da cơ bản;
- Chăm sóc được các loại da đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, vệ sinh và an toàn cho khách hàng.

2. Nội dung:

1. Chuẩn bị chăm sóc da mặt
2. Các bước chăm sóc da mặt cơ bản
3. Hiệu quả mục đích của làm sạch da (Cleansing)
 - 3.1. Các thành phần sản phẩm của làm sạch da
 - 3.2. Quy trình làm sạch da
 - 3.2.1. Phương pháp sử dụng băng đô quấn tóc
 - 3.2.2. Phương pháp sử dụng khăn giấy

- 3.2.3. Phương pháp sử dụng bột biển
 - 3.2.4. Phương pháp sử dụng khăn ẩm, khăn lạnh
 - 3.2.5. Phương pháp sử dụng bông tẩy trang.
 - 3.2.6. Thực hành tẩy trang mắt, môi
 - 3.2.7. Thực hành tẩy trang toàn mặt
 - 3.2.8. Thực hành cân bằng da
3. Các sự cố có thể xảy ra khi làm sạch da

Bài 3: Làm sạch sâu

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Mô tả được các chủng loại làm sạch sâu;
- Trình bày được mục đích và hiệu quả của kỹ thuật làm sạch sâu;
- Làm sạch sâu được với AHA, enzyme, tẩy da chết dạng hạt, tẩy da chết dạng kỳ;
- Xử lý được các sự cố có thể xảy ra khi làm sạch sâu;
- Vệ sinh, an toàn dụng cụ, đồ nghề chuyên dụng trong ngành chăm sóc da thẩm mỹ.

2. Nội dung:

- 2.1. Mục đích của việc làm sạch sâu
- 2.2. Hiệu quả của việc làm sạch sâu
- 2.3. Kỹ thuật làm sạch sâu với AHA, enzyme, tẩy da chết dạng hạt, tẩy da chết dạng kỳ

Bài 4: Kỹ thuật Massage mặt

Thời gian: 20 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được mục đích và hiệu quả của kỹ thuật Massage mặt;
- Chuẩn bị được đầy đủ, đúng các dụng cụ, nguyên vật liệu cho công việc Massage mặt;
- Massage được mặt đúng kỹ thuật, an toàn và hiệu quả.

2. Nội dung:

- 2.1. Mục đích của kỹ thuật Massage mặt
- 2.2. Hiệu quả của kỹ thuật Massage mặt
- 2.3. Cơ và các chức năng để Massage mặt.
- 2.4. Thứ tự các thao tác của kỹ thuật Massage mặt
- 2.5. Thực hành kỹ thuật Massage mặt

Bài 5: Mặt nạ dẻo, thạch cao

Thời gian: 20 giờ

1. Mục tiêu:

- Chuẩn bị được nguyên liệu, dụng cụ, thiết bị phục vụ quá trình thoa kem đắp dưỡng da và đắp mặt nạ;
- Mô tả được sự khác nhau giữa mặt nạ và kem đắp dưỡng da;
- Thành thạo các kỹ thuật thoa kem đắp dưỡng da và đắp mặt nạ dẻo, thạch cao.

2. Nội dung:

- 2.1. Sự khác nhau giữa mặt nạ và kem đắp dưỡng da
- 2.2. Kỹ thuật thoa kem đắp dưỡng da
- 2.3. Kỹ thuật đắp mặt nạ dẻo
- 2.4. Kỹ thuật đắp mặt nạ thạch cao
- 2.5. Thực hành thoa kem đắp dưỡng da và mặt nạ dẻo

Bài 6: Tẩy lông

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Liệt kê được các dụng cụ tẩy lông: dụng cụ, mỹ phẩm...
- Mô tả được các thao tác wax lông;
- Tẩy lông đúng quy trình, đảm bảo an toàn và vệ sinh thân thể cho khách hàng.

2. Nội dung:

- 2.1. Giới thiệu dụng cụ
- 2.2. Làm sạch
- 2.3. Kỹ thuật wax lông

Bài 7: Kem chống nắng

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được định nghĩa về kem chống nắng
- Mô tả được quá trình sử dụng kem chống nắng

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa về kem chống nắng
- 2.2. Vai trò của kem chống nắng
- 2.3. Cách sử dụng kem chống nắng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- + Học tại phòng học lý thuyết/phòng học thực hành/phòng tích hợp
- + Học tại phòng học thực hành Chăm sóc da

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy soi da, tivi
- Máy tính, máy chiếu
- Giáo trình, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
- Các bài tập thực hành;
- Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

* Học liệu:

- Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
- Các bài tập thực hành;
- Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

* Nguyên vật liệu:

- + Bộ sản phẩm chăm sóc cho mọi loại da
- + Bộ sản phẩm chăm sóc da tổn thương, wax lông, nguyên vật liệu, mỹ phẩm chăm sóc da.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

- + Khái niệm, cấu tạo, cấu trúc da
- + Nhận biết các loại da, tình trạng da
- + Xác định làn da, chức năng của da
- + Kỹ thuật chăm sóc da cơ bản
- + Các thao tác đắp mặt nạ, làm sạch sâu, wax lông.

- Kỹ năng:

- + Thực hiện chăm sóc da cơ bản
- + Phân tích làn da
- + Làm sạch da

2. Phương pháp:

* Kiểm tra thường xuyên, định kỳ:

- Điểm kiểm tra thường xuyên (*hệ số 1*), điểm kiểm tra định kỳ (*hệ số 2*).
- Hình thức kiểm tra: do giáo viên dạy môn học quyết định

* Thi kết thúc môn học:

- Điều kiện được thi kết thúc môn học:

- + Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô-đun được quy định trong chương trình môn học, mô-đun;

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

- Hình thức thi: Tự luận / trắc nghiệm / thực hành

* *Điểm môn học, mô-đun*: bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

+ Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ Cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp và làm tài liệu tham khảo cho các trung tâm làm đẹp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Giáo viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

+ Nên áp dụng phương pháp đàm thoại để học viên ghi nhớ kỹ hơn.

- Đối với người học:

+ Học sinh chuẩn bị, nghiên cứu nội dung tự học trước ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

+ Khái niệm, cấu tạo, cấu trúc da

+ Các loại da, tình trạng da

+ Xác định làn da, chức năng của da

+ Kỹ thuật chăm sóc da cơ bản

+ Các thao tác đắp mặt nạ, làm sạch sâu, wax lông.

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ sách của trường YIT Hàn Quốc.

[2]. Giáo trình của Dermalogica của Mỹ.

[3]. Giáo trình của Shisido Nhật Bản.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Chăm sóc da ứng dụng

Mã mô đun: MĐ 17

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 20 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 67 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí:

+ Chăm sóc da ứng dụng là mô đun chuyên môn nghề trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp;

+ Mô đun được bố trí dạy sau các môn học chung và các MH/MĐ cơ sở nghề và MĐ chăm sóc da cơ bản.

- Tính chất: là mô đun tích hợp giữa lý thuyết và thực hành trực tiếp trên người mẫu.

II. Mục tiêu mô đun:

1. Về kiến thức:

- Mô tả được về da trên phương diện giải phẫu học;
- Trình bày được các bệnh lý thường gặp trên da;
- Giải thích được mối liên hệ giữa ánh sáng và da;

2. Về kỹ năng:

- Phân biệt được các loại da;
- Sử dụng được các thiết bị làm da;
- Sử dụng được các sản phẩm thiên nhiên dùng trong chăm sóc da;
- Điều trị được các bệnh lý về da;
- Thành thạo các thao tác chăm sóc da.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1. Quản lý da và mỹ phẩm	3	3		
2	Bài 2. Da và ánh sáng	2	2		

3	Bài 3. Da và dinh dưỡng	5	3	2	
4	Bài 4. Các bệnh lý thường gặp trên da	15	4	10	1
5	Bài 5. Quản lý da và ống bạch huyết	10	2	8	
6	Bài 6. Trị liệu bằng aroma	10	2	7	1
7	Bài 7. Quản lý da từng phần trên cơ thể	10	2	8	
8	Bài 8. Giảm béo từng vùng trên cơ thể	5	2	3	
9	Bài 9. Thực hành chăm sóc da ứng dụng	30		29	1
	Tổng cộng	90	20	67	3

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Quản lý da và mỹ phẩm

Thời gian : 03 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vai trò của mỹ phẩm, phân loại các loại mỹ phẩm;
- Liệt kê được các loại mỹ phẩm ứng dụng trong ngành làm đẹp.

2. Nội dung:

- 2.1. Định nghĩa mỹ phẩm
- 2.2. Lịch sử mỹ phẩm
- 2.3. Thành phần mỹ phẩm
- 2.4. Phân loại mỹ phẩm

Bài 2: Da và ánh sáng

Thời gian: 02 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng của ánh sáng với da;
- Trình bày tác động của các tia ánh sáng đối với da.

2. Nội dung:

- 2.1. Tia tử ngoại
- 2.2. Tia hồng ngoại
- 2.3. Tia ánh sáng có thể nhìn thấy

Bài 3: Da và dinh dưỡng

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vai trò của dinh dưỡng trong làm đẹp;
- Tư vấn được cho khách hàng về chế độ dinh dưỡng hàng ngày.

2. Nội dung:

- 2.1. Vai trò dinh dưỡng trong chăm sóc sức khỏe và làm đẹp
- 2.2. Cacbonhydrat và da
- 2.3. Mỡ và da
- 2.4. Chất đạm, protein và da
- 2.5. Vitamin và da
- 2.6. Chất vô cơ và da

Bài 4: Các bệnh lý thường gặp trên da

Thời gian :15 giờ

1. Mục tiêu:

- Mô tả được các vấn đề thường gặp trên da;
- Trình bày được các nguyên tắc điều trị bệnh lý về da.

2. Nội dung:

- 2.1. Các bệnh lý thường gặp trên da
- 2.2. Giới thiệu về các loại máy chuyên dụng dùng trong chăm sóc da
- 2.3. Nguyên tắc điều trị da mụn
- 2.3. Nguyên tắc điều trị da lão hóa
- 2.4. Nguyên tắc điều trị da nám
- 2.5. Nguyên tắc điều trị da nhạy cảm
- 2.6. Nguyên tắc điều trị sẹo

Bài 5: Quản lý da sử dụng ống bạch huyết

Thời gian :10 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được vai trò, cấu trúc của hệ bạch huyết;
- Mát xa được hệ bạch huyết và lưu dẫn được hệ bạch huyết đảm bảo hiệu quả, an toàn cho khách hàng.

2. Nội dung:

- 2.1. Cấu tạo hệ bạch huyết
- 2.2. Mát xa hệ bạch huyết
- 2.3. Mát xa lưu dẫn hệ bạch huyết

Bài 6: Ứng dụng hương liệu aroma trong chăm sóc da

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm hương liệu; vai trò của hương liệu trong chăm sóc da;
- Phân loại được các loại hương liệu dùng cho chăm sóc da;
- Sử dụng được hương liệu aroma trong chăm sóc da đạt hiệu quả, an toàn cho khách hàng.

2. Nội dung:

- 2.1. Các loại hương liệu dùng trong chăm sóc da;
- 2.2. Cách sử dụng hương liệu
- 2.3. Kỹ thuật chăm sóc da bằng hương liệu aroma

Bài 7: Quản lý da từng phần trên cơ thể

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu:

- Mô tả được cấu tạo của da trên cơ thể người;
- Trình bày được cách chăm sóc da trên cơ thể;
- Mô tả được phương pháp tẩy trắng.

2. Nội dung:

- 2.1. Cấu tạo của da trên cơ thể người
- 2.2. Quản lý da từng phần trên cơ thể
- 2.3. Phương pháp tẩy trắng

Bài 8: Giảm béo từng vùng trên cơ thể

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm, tác dụng của việc giảm béo cho từng phần trên cơ thể;
- Xây dựng được quy trình giảm béo từng phần trên cơ thể;
- Nhận diện được các sự cố có thể xảy ra khi thực hiện quy trình giảm béo từng phần trên cơ thể.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm, tác dụng của việc giảm béo từng phần trên cơ thể
- 2.2. Kỹ thuật giảm béo từng phần trên cơ thể

Bài 9: Thực hành chăm sóc da ứng dụng

Thời gian: 30 giờ

1. Mục tiêu:

- Xây dựng được quy trình thực hành chăm sóc da ứng dụng;
- Nhận diện được các sự cố có thể xảy ra khi thực hành chăm sóc da ứng dụng;

- Điều trị được các bệnh về da; Mát xa được hệ bạch huyết; chăm sóc da bằng hương liệu aroma đảm bảo đúng kỹ thuật, an toàn;
- Thực hành được các phương pháp tắm trắng và giảm béo từng phần trên cơ thể;
- Chủ động, sáng tạo trong thực hành.

2. Nội dung:

- 2.1. Thực hành điều trị các bệnh về da
- 2.2. Thực hành mát xa hệ bạch huyết
- 2.3. Thực hành chăm sóc da bằng hương liệu aroma
- 2.4. Thực hành tắm trắng và giảm béo từng phần trên cơ thể

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: phòng học lý thuyết, phòng học thực hành Chăm sóc da

2. Trang thiết bị máy móc:

- + Máy soi da, tivi
- + Máy tính, máy chiếu
- + Máy đầm rung
- + Lòng hấp ánh sáng

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

* Học liệu:

- Giáo án lý thuyết, đề cương bài giảng, đề cương môn học;
- Các bài tập thực hành;
- Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

* Nguyên vật liệu:

- + Bộ sản phẩm chăm sóc cho mọi loại da
- + Bộ sản phẩm chăm sóc da tổn thương, wax lông, nguyên vật liệu, mỹ phẩm chăm sóc da.

- + Bộ sản phẩm giảm béo
- + Bùn cứu giảm béo
- + Đai quấn nóng
- + Cuộn bọc thực phẩm

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

- + Các bệnh lý phổ biến thường gặp trên da
- + Phương pháp vệ sinh da
- + Phương pháp chăm sóc da
- + Sản phẩm thiên nhiên

- Kỹ năng:
 - + Kỹ năng tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp
 - + Kỹ năng chăm sóc khách hàng
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên.
 - + Giải quyết vấn đề về an toàn lao động trong những điều kiện thay đổi.

2. Phương pháp:

- * *Kiểm tra thường xuyên, định kỳ:*
 - Điểm kiểm tra thường xuyên (*hệ số 1*), điểm kiểm tra định kỳ (*hệ số 2*).
 - Hình thức kiểm tra: do giáo viên dạy môn học quyết định
- * *Thi kết thúc môn học:*
 - Điều kiện được thi kết thúc môn học:
 - + Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô-đun được quy định trong chương trình môn học, mô-đun;
 - + Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;
 - Hình thức thi: Tự luận / trắc nghiệm / thực hành
- * *Điểm môn học, mô-đun:* bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun:

1. Phạm vi áp dụng môn học:
 - + Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ Cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp và làm tài liệu tham khảo cho các trung tâm làm đẹp
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
 - Đối với giáo viên, giảng viên:
 - + Giáo viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.
 - + Nên áp dụng phương pháp đàm thoại để học viên ghi nhớ kỹ hơn.
 - Đối với người học:
 - + Học sinh chuẩn bị, nghiên cứu nội dung tự học trước ở nhà.
3. Những trọng tâm cần chú ý:
 - + Các bệnh lý phổ biến thường gặp trên da
 - + Phương pháp vệ sinh da
 - + Phương pháp chăm sóc da
 - + Sản phẩm thiên nhiên
4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ sách của trường YIT Hàn Quốc

[2]. Giáo trình của Dermalogica của Mỹ

[3]. Giáo trình của Shisido Nhật Bản.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Chăm sóc da nâng cao

Mã mô đun: MD 18

Thời gian thực hiện mô đun: 120 giờ (Lý thuyết: 45 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 71 giờ; Kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Chăm sóc da nâng cao được giảng dạy sau các môn học chung, các môn học cơ sở, môn chăm sóc da cơ bản và chăm sóc da ứng dụng; trước mô đun thực hành nghề nghiệp 1

- Tính chất: Là mô đun chuyên môn trong chương trình đào tạo cao đẳng nghề chăm sóc sắc đẹp

II. Mục tiêu của mô đun:

** Kiến thức:*

- Trình bày được cấu tạo các lớp của da và quá trình phát triển của tế bào da; các loại bệnh về da và nguyên nhân hình thành các bệnh lý;

- Mô tả được các biểu hiện các bệnh lý về da;

- Trình bày được nguồn gốc cơ chế của thuốc bôi ngoài da; Trình bày được sự hấp thu của thuốc bôi ngoài da; một số biệt dược bôi ngoài da;

** Kỹ năng:*

- Điều trị được da nám, da mụn, da lão hóa, da giãn mao mạch, da bị sẹo, da bị kích ứng đảm bảo đúng quy trình, an toàn cho khách hàng;

- Linh hoạt, chủ động trong công việc.

** Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Rèn luyện cho người học tính cẩn thận và sáng tạo trong thực hành nghề nghiệp.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1. Bệnh về da	15	6	9	
2	Bài 2. Thuốc bôi ngoài da	15	6	9	
3	Bài 3. Điều trị nám da	15	6	8	1
4	Bài 4. Điều trị mụn	15	6	8	1
5	Bài 5. Điều trị da lão hóa	15	6	8	1

6	Bài 6. Điều trị da giãn mao mạch	15	6	9	
7	Bài 7. Điều trị sẹo	15	6	8	1
8	Bài 8. Điều trị da bị kích ứng	15	3	12	
	Tổng cộng	120	45	71	4

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Bệnh về da

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được cấu tạo các lớp của da và quá trình phát triển của tế bào da;
- Trình bày được các loại bệnh về da và nguyên nhân hình thành các bệnh lý;
- Mô tả được các biểu hiện các bệnh lý về da;
- Phương pháp điều trị các bệnh về da.

2. Nội dung bài:

2.1. Mô học về da

- Cấu tạo lớp biểu bì
- Cấu tạo lớp trung bì
- Cấu tạo lớp hạ bì
- Phụ kiện của da

2.2. Bệnh rụng tóc

- Biểu hiện
- Nguyên nhân hình thành bệnh lý
- Nguyên tắc điều trị
- Dẫn dò khi chăm sóc tại nhà

2.3. Bệnh vẩy nến

- Biểu hiện
- Nguyên nhân hình thành bệnh lý
- Nguyên tắc điều trị
- Dẫn dò khi chăm sóc tại nhà

2.4. Bệnh viêm da cơ địa

- Biểu hiện
- Nguyên nhân hình thành bệnh lý
- Nguyên tắc điều trị
- Dẫn dò khi chăm sóc tại nhà

2.5. Mụn cơm

- Biểu hiện
- Nguyên nhân hình thành bệnh lý
- Nguyên tắc điều trị
- Dẫn dò khi chăm sóc tại nhà

2.6. Bệnh Zona

- Biểu hiện
- Nguyên nhân hình thành bệnh lý
- Nguyên tắc điều trị
- Dặn dò khi chăm sóc tại nhà

2.7. Lang ben

- Biểu hiện
- Nguyên nhân hình thành bệnh lý
- Nguyên tắc điều trị
- Dặn dò khi chăm sóc tại nhà

2.8. Tổ đũa

- Biểu hiện
- Nguyên nhân hình thành bệnh lý
- Nguyên tắc điều trị
- Dặn dò khi chăm sóc tại nhà

2.9. Một số chứng bệnh khác

Bài 2: Thuốc bôi ngoài da

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Trình bày được nguồn gốc cơ chế của thuốc bôi ngoài da;
- Trình bày được sự hấp thu của thuốc bôi ngoài da;
- Trình bày được một số biệt dược bôi ngoài da;

2. Nội dung bài:

1. Nguồn gốc của thuốc bôi ngoài da
2. Cơ chế tác dụng của thuốc bôi ngoài da
3. Sự hấp thu của thuốc bôi ngoài da
4. Một số biệt dược thuốc bôi ngoài da
5. Một số chú ý khi dùng thuốc bôi ngoài da

Bài 3: Điều trị nám da

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Mô tả được các biểu hiện của da nám;
- Trình bày được nguyên nhân hình thành da nám;
- Trình bày các hoạt chất làm giảm hắc tố.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Biểu hiện của da nám

- 2.2. Nguyên nhân hình thành da nám
- 2.3. Nguyên tắc điều trị da nám
- 2.4. Hoạt chất làm giảm hắc tố
 - Các phương pháp điều trị da nám
 - Điều trị bằng mỹ phẩm
 - Điều trị bằng công nghệ cao

Bài 4: Điều trị da mụn

Thời gian: 15 giờ

- 1. Mục tiêu của bài:
 - Mô tả được biểu hiện của da mụn và nguyên nhân hình thành da mụn;
 - Trình bày được nguyên tắc điều trị và các hoạt chất trong điều chế mỹ phẩm cho da dầu mụn.
- 2. Nội dung bài:
 - 1. Biểu hiện
 - 2. Nguyên nhân hình thành
 - 3. Nguyên tắc điều trị
 - 4. Hoạt chất điều trị da mụn trong mỹ phẩm hiện nay
 - 5. Hướng dẫn chăm sóc tại nhà

Bài 5: Điều trị da lão hóa

Thời gian: 15 giờ

- 1. Mục tiêu của bài:
 - Nhận biết được biểu hiện của da lão hoá
 - Phân tích được nguyên nhân hình thành da lão hóa
 - Trình bày được nguyên tắc phục hồi da lão hóa
- 2. Nội dung bài:
 - 2.1. Biểu hiện
 - 2.2. Nguyên nhân hình thành
 - 2.3. Nguyên tắc điều trị
 - 2.3.1. Hoạt chất điều trị da lão hóa trong mỹ phẩm hiện nay
 - 2.3.2. Hướng dẫn chăm sóc tại nhà

Bài 6: Điều trị da giãn mao mạch

Thời gian: 15 giờ

- 1. Mục tiêu của bài:
 - Mô tả được đặc điểm của da giãn mao mạch và nguyên nhân hình thành da giãn mao mạch;

- Trình bày được quy trình chăm sóc và điều trị da giãn mao mạch.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Biểu hiện
- 2.2. Nguyên nhân hình thành
- 2.3. Nguyên tắc điều trị
- 2.4. Hoạt chất điều trị da giãn mao mạch trong mỹ phẩm hiện nay
- 2.5. Hướng dẫn chăm sóc tại nhà

Bài 7: Điều trị sẹo

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Mô tả được các loại sẹo và nguyên nhân hình thành sẹo;
- Phân tích được các biện pháp điều trị sẹo.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Phân loại sẹo
- 2.2. Nguyên nhân hình thành sẹo
- 2.3. Phương pháp điều trị sẹo
 - Điều trị sẹo lõm
 - Điều trị sẹo lồi
 - Điều trị rạn da

Bài 8: Điều trị da bị kích ứng

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Mô tả được biểu hiện da bị kích ứng và nguyên nhân hình thành;
- Trình bày được các biện pháp điều trị.

2. Nội dung bài:

- 2.1. Biểu hiện da bị kích ứng
- 2.2. Nguyên nhân hình thành da bị kích ứng
- 2.3. Phương pháp điều trị

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

- Máy móc, dụng cụ và trang thiết bị:

- + Phòng thực hành chăm sóc da và trang thiết bị liên quan;
- + Máy tính, máy chiếu, máy in;
- + Camera kỹ thuật số

- Học liệu:

- + Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
- + Các bài tập thực hành;
- + Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

- + Chalon treatment
- + Các vấn đề về da
- + Chăm sóc mặt (các loại da)

- Kỹ năng:

- + Kỹ năng tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp
- + Kỹ năng tư vấn khách hàng
- + Kỹ năng điều trị các vấn đề của da

- Công cụ đánh giá:

- + Hệ thống ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm;
- + Hệ thống ngân hàng bài thực hành.

2. Phương pháp: Trắc nghiệm và thực hành trên người mẫu.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp và làm tài liệu tham khảo cho các học sinh/sinh viên trong quá trình theo học cũng như cho các ngành khác.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- Nêu vấn đề, phân tích, hướng dẫn các bước.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Các bệnh lý về da
- Nguyên tắc điều trị các bệnh lý về da

4. Tài liệu tham khảo:

- Mary Ann Lynch, Aromatherapy massage, (Clare Maxwell-Hudson, 1994)
- Gerard Peyrefitte, Biologie generale, SIMEP (1994)
- H.Pierantoni, Le drainage lymphatique du visage, Les nouvelles esthetique (1997)
- Peter T. Pugliese, Advanced Professional skin care (USA. APSC. Publishing, 1991)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Móng nghệ thuật cơ bản

Mã mô đun: MD 19

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết:30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Là mô đun được bố trí học sau các môn học chung và môn học cơ sở, học trước mô đun thực hành nghề nghiệp 1
- Tính chất: Đây là mô đun chuyên môn nghề bắt buộc, tích hợp giữa lý thuyết và thực hành

II. Mục tiêu mô đun:

*** Kiến thức:**

- Mô tả được các trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu dùng để vẽ móng nghệ thuật;
- Phân biệt được các loại sơn, bột, gel đắp móng;
- Vệ sinh, bảo quản được trang thiết bị, dụng cụ làm móng;
- Trình bày được các phương pháp chăm sóc móng trước và sau khi làm móng;
- Mô tả được phương pháp sơn móng cơ bản; sơn French; tạo hoa văn sơn thủy cho móng;
- Mô tả được quy tắc phối màu nghệ thuật;
- Mô tả được quy trình sơn móng gel, nối móng up, đính phụ kiện;
- Trình bày được quy trình nối móng up, đính phụ kiện,

*** Kỹ năng:**

- Lựa chọn được dụng cụ phù hợp để tạo hình cho móng;
- Tạo hình được các loại móng đảm bảo tính thẩm mỹ, an toàn;
- Nhặt được da móng tay, móng chân khi tạo hình móng;
- Tạo được màu loang cho móng đảm bảo tính thẩm mỹ;
- Tạo được họa tiết, hoa văn sơn thủy cho móng;
- Thiết kế được các loại mẫu móng nghệ thuật;
- Sử dụng thành thạo cọ nét, cọ bản để vẽ móng nghệ thuật;
- Thực hiện được kỹ thuật sơn móng gel, nối móng up, đính phụ kiện;

*** Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1. Trang thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu vẽ móng nghệ thuật	10	8	2	
2	Bài 2. Chăm sóc và tạo hình móng	20	6	14	
3	Bài 3. Kỹ thuật sơn móng với sơn thường	20	6	13	1
4	Bài 4. Vẽ móng nghệ thuật	20	5	14	1
5	Bài 5. Kỹ thuật sơn gel, nối móng úp và trang trí.	20	5	14	1
Tổng		90	30	57	3

*Ghi chú: Thời gian kiểm tra lý thuyết được tính vào giờ lý thuyết, kiểm tra thực hành được tính vào giờ thực hành.

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Trang thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu vẽ móng nghệ thuật

Thời gian : 10 giờ

Mục tiêu:

- Mô tả được các trang thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu dùng để vẽ móng nghệ thuật;
- Phân biệt được các loại sơn, bột, gel đắp móng;
- Vệ sinh, bảo quản được trang thiết bị, dụng cụ làm móng;
- Chủ động, linh hoạt trong thực hành.

**Nội dung:*

1. Trang thiết bị, dụng cụ vẽ móng nghệ thuật

- Trang thiết bị, dụng cụ làm sạch móng
- Trang thiết bị, dụng cụ cắt, sửa móng
- Trang thiết bị, dụng cụ dưỡng móng

2. Các loại sơn, bột, gel đắp móng

- Các loại sơn
 - + Phân loại
 - + Cách dùng
- Các loại màu vẽ

+ Phân loại

+ Cách dùng

1.4. Vệ sinh dụng cụ làm móng

- Vệ sinh kèm bấm, kèm cắt, dũa
- Vệ sinh bộ cọ vẽ móng
- Vệ sinh an toàn bộ dụng cụ vẽ, đắp móng

1.5. Bảo quản trang thiết bị, dụng cụ làm móng

- Nêu công dụng của bảo quản trang thiết bị, dụng cụ móng
- Quy trình bảo quản trang thiết bị, dụng cụ móng
- + Bảo quản dụng cụ, máy móc
- + Bảo quản màu sơn, bột, gel

Bài 2: Chăm sóc và tạo hình móng

Thời gian: 20 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được các phương pháp chăm sóc móng trước và sau khi làm móng;
- Lựa chọn được dụng cụ phù hợp để tạo hình cho móng;
- Tạo hình được các loại móng đảm bảo tính thẩm mỹ, an toàn;
- Nhặt được da móng tay, móng chân khi tạo hình móng;
- Chủ động, cẩn thận, tỉ mỉ.

Nội dung:

1. Chăm sóc da tay, da chân trước và sau khi làm móng

- 1.1. Các sản phẩm dưỡng móng
- 1.2. Tẩy sơn cũ trên bề mặt móng
- 1.3. Ngâm móng tay, móng chân
- 1.4. Kỹ thuật thoa kem dưỡng móng

2. Tạo hình móng

- 2.1. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.2. Các dáng móng cơ bản
 - Móng vuông
 - Móng tròn
 - Móng nhọn
 - Móng vuông bầu
 - Móng oval

- 2.3. Trình tự thực hiện

- Cắt sơ hình thể móng
- Dũa móng

3. Kỹ thuật nhặt da móng tay, móng chân

3.1. Lựa chọn kèm nhặt da

3.2. Kỹ thuật nhặt da

- Chuẩn bị dụng cụ sản phẩm
- Thao tác cầm kèm đúng cách
- Trình tự thực hiện kỹ thuật nhặt da

Bài 3: Kỹ thuật sơn móng với sơn thường

Thời gian: 20 giờ

Mục tiêu:

- Chuẩn bị được dụng cụ sơn móng với sơn thường;
- Mô tả được phương pháp sơn móng cơ bản;
- Tạo được màu loang cho móng đảm bảo tính thẩm mỹ;
- Mô tả được phương pháp sơn French;
- Trình bày được phương pháp tạo hoa văn sơn thủy cho móng;
- Tạo được họa tiết, hoa văn sơn thủy cho móng;
- Chủ động, khéo léo, linh hoạt trong thực hành.

Nội dung:

1. Kỹ thuật sơn móng cơ bản

- Chuẩn bị dụng cụ, sản phẩm
- Trình tự thực hiện
- Kỹ thuật sơn móng cơ bản với sơn thường

2. Tạo màu loang cho móng (Kỹ thuật sơn màu Ombre)

- Chuẩn bị dụng cụ
- Các phương pháp tạo màu loang cho móng
 - + Tạo màu loang bằng mút
 - + Tạo màu loang bằng chổi chuyên dụng
 - + Tạo màu loang bằng pha màu và nhúng nước

3. French móng (Móng kiểu Pháp)

- Kỹ thuật sơn French
 - + Chuẩn bị dụng cụ
 - + Trình tự thực hiện
- Sơn French với nhiều màu.
 - + Chuẩn bị dụng cụ
 - + Trình tự thực hiện

4. Sơn thủy, cọ kim

- Chuẩn bị dụng cụ
- Kỹ thuật làm móng sơn thủy
 - + Các bước thực hiện

+ Những lưu ý khi thực hiện

Bài 4. Vẽ móng nghệ thuật

Thời gian: 20 giờ

Mục tiêu:

- Thiết kế được các loại mẫu móng nghệ thuật;
- Mô tả được quy tắc phối màu nghệ thuật;
- Sử dụng thành thạo cọ nét, cọ bản để vẽ móng nghệ thuật;
- Nghiêm túc, sôi nổi, yêu ngành, yêu nghề.

Nội dung:

1. Kỹ thuật vẽ cọ nét
 - 1.1. Vẽ nét cơ bản, họa tiết
 - 1.2. Bố cục cọ nét lên móng
2. Kỹ thuật vẽ cọ bản
 - 2.1. Vẽ họa tiết cọ bản cơ bản
 - 2.2. Bố cục cọ bản lên móng

Bài 5. Kỹ thuật sơn gel, nối móng úp và trang trí

Thời gian: 20 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được trang thiết bị, nguyên vật liệu để sơn móng gel; nối móng up, đính phụ kiện;
- Mô tả được quy trình sơn móng gel, nối móng up, đính phụ kiện;
- Trình bày được quy trình nối móng up, đính phụ kiện,
- Thực hiện được kỹ thuật sơn móng gel, nối móng up, đính phụ kiện;
- Đảm bảo an toàn vệ sinh thẩm mỹ.
- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tiết kiệm nguyên vật liệu trong quá trình thực hiện.

Nội dung:

1. Kỹ thuật sơn móng gel
 - 1.1. Giới thiệu về sản phẩm sơn gel
 - 1.2. Quy trình và thao tác sơn gel
 - 1.3. Thực hành sơn gel
2. Kỹ thuật nối móng úp
 - 2.1. Chuẩn bị sản phẩm, dụng cụ
 - 2.2. Lựa chọn móng úp phù hợp
 - 2.3. Cách sử dụng keo

- 2.4. Phương pháp nổi móng úp
- 2.5. Thực hành nổi móng úp
- 3. Kỹ thuật trang trí móng
 - 3.1. Dán hình sticker
 - 3.2. Dặm nhũ
 - 3.3. Đính đá, đính phụ kiện
 - 3.4. Dán foil
 - 3.5. Thực hành trang trí móng

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

- Dụng cụ và trang thiết bị:
 - + Kềm bấm, kềm cắt, bút vẽ, bảng vẽ, bát ngâm tay, bồn ngâm chân, dũa, máy sấy, máy mài, đèn bàn
- Nguyên vật liệu:
 - + Sơn màu, màu vẽ, sơn gel, keo gắn móng, phụ kiện trang trí, kem dưỡng, kem làm mềm da...
- Học liệu:
 - + Giáo trình mô đun;
 - + Vở; viết; tài liệu; bảng;
 - + Máy chiếu
 - + Hình ảnh; video;
- Các nguồn lực khác:
 - + Phòng học thực hành chuyên môn;
 - + Trang phục thực hành

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

- 1. Nội dung:
 - Lựa chọn trang thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu vẽ móng;
 - Chăm sóc và tạo hình móng;
 - Kỹ thuật sơn móng với sơn thường;
 - Vẽ móng nghệ thuật;
 - Kỹ thuật sơn gel, nổi móng úp và trang trí.
- 2. Phương pháp
 - * *Kiểm tra thường xuyên, định kỳ:*
 - Điểm kiểm tra thường xuyên (*hệ số 1*), điểm kiểm tra định kỳ (*hệ số 2*).
 - Hình thức kiểm tra: do giáo viên dạy môn học quyết định
 - * *Thi kết thúc môn học:*
 - Điều kiện được thi kết thúc môn học:

+ Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô-đun được quy định trong chương trình môn học, mô-đun;

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

- Hình thức thi: Tự luận / trắc nghiệm / thực hành

* *Điểm môn học, mô-đun*: bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô-đun

1. Phạm vi áp dụng chương trình:

Chương trình môn học Móng nghệ thuật cơ bản được sử dụng để giảng dạy trình độ Cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp.

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy môn học:

Giáo viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học, đảm bảo chất lượng giảng dạy;

Trong quá trình giảng dạy, ngoài việc sử dụng tài liệu; máy chiếu; giáo viên nên sử dụng video clip, hình ảnh về các kiểu vẽ móng, trang trí, nối móng gel nghệ thuật để giới thiệu rõ về qui trình thao tác nâng cao dành cho mọi người, mọi lứa tuổi; các hình ảnh trong và ngoài nước về kỹ năng giúp bài giảng thêm sinh động;

Có thể phân nhóm trong quá trình thực tập để tạo điều kiện cho người học trao đổi kiến thức và kỹ năng nghề;

Giáo viên kèm cặp, uốn nắn trực tiếp các thao tác để tạo kỹ năng chuyên nghiệp cho học sinh.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Tạo hình và chăm sóc móng
- Kỹ thuật nhặt da
- Kỹ thuật sơn thường
- Kỹ thuật vẽ cọ nét
- Kỹ thuật vẽ cọ bản
- Kỹ thuật sơn gel
- Kỹ thuật nối móng úp
- Kỹ thuật trang trí móng

4. Tài liệu tham khảo:

- Nghệ thuật làm đẹp móng tay (NXB tổng hợp tp HCM);
- Bộ sưu tập các mẫu trang điểm móng (NXB tổng hợp tp HCM)

5. Ghi chú và giải thích

Môn học có tính chất tích hợp giữa lý thuyết và thực hành, kế thừa từ bài dễ sang bài khó do đó bài giảng cần loại bỏ những kiến thức trùng lặp, phát triển nâng cao kiến thức.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Móng nghệ thuật nâng cao

Mã mô đun: MD 20

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Là môn học bổ trợ các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho học sinh về tổng quan về vẽ móng nghệ thuật nâng cao;
- Tính chất: Đây là mảng kiến thức cần thiết cho kỹ thuật viên ngành Chăm sóc sắc đẹp.
 - + Đào tạo chuyên sâu dựa trên nền tảng cơ bản về nghệ thuật Nail
 - + Khai thác sự sáng tạo, năng khiếu thẩm mỹ của từng học viên
 - + Giúp học viên dễ dàng hòa nhập và đáp ứng được yêu cầu khắt khe của thị trường nail hiện đại

II. Mục tiêu mô đun:

***Kiến thức :**

- Trình bày được khái niệm, quy trình chăm sóc móng chuyên nghiệp;
- Mô tả được kỹ thuật chăm sóc tay, chân;
- Mô tả được quy tắc phối màu nghệ thuật;
- Trình bày được các loại dụng cụ, thiết bị, nguyên vật liệu để nối móng đắp gel, đắp hoa bột, bột nhúng, Nail fantasy;
- Lập được quy trình nối móng đắp gel, đắp hoa bột, bột nhúng, Nail fantasy.

***Kỹ năng:**

- Chăm sóc được tay, chân mang tính chuyên nghiệp, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, đảm bảo an toàn, vệ sinh sức khỏe;
- Sử dụng thành thạo cọ nét, cọ bản tròn, cọ bản vuông
- Phối hợp được cọ nét, cọ bản với các loại cọ khác khi vẽ móng nghệ thuật;
- Sử dụng được nhiều chất liệu sơn vẽ khác nhau trong ngành nail;
- Thiết kế được mẫu móng theo nhiều thể loại;

- Nối móng đắp gel, đắp hoa bột, bột nhúng, Nail fantasy được theo yêu cầu đảm bảo đúng quy trình, thẩm mỹ và an toàn cho khách hàng.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

+ Rèn luyện đạo đức, tác phong chuyên nghiệp của kỹ thuật viên vẽ móng nghệ thuật;

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

+ Cẩn thận, tỉ mỉ, thao tác chuyên nghiệp khi thực hiện các kỹ năng.

III. Nội dung của mô đun:

Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên bài học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1. Chăm sóc móng chuyên nghiệp	20	6	8	1
2	Bài 2. Nghệ thuật vẽ móng nâng cao	40	12	27	1
3	Bài 3. Nghệ thuật Gel, Bột nâng cao	30	12	22	1
	Tổng	90	30	57	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Chăm sóc móng chuyên nghiệp

Thời gian: 20 giờ

***Mục tiêu:**

- Trình bày được khái niệm, quy trình chăm sóc móng chuyên nghiệp;
- Mô tả được kỹ thuật chăm sóc tay, chân;
- Chăm sóc được tay, chân mang tính chuyên nghiệp, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng, đảm bảo an toàn, vệ sinh sức khỏe;
- Chủ động, linh hoạt trong học tập

***Nội dung:**

1. Manicure (Chăm sóc tay)

1.1. Khái niệm về manicure (Chăm sóc tay)

- Khái niệm
- Các bệnh lý về móng tay thường gặp
- Giới thiệu các dụng cụ, trang thiết bị, đồ nghề chăm sóc tay chuyên nghiệp

1.2. Quy trình làm Manicure

- Công dụng và cách dùng bộ làm sạch tay
- Công dụng và cách dùng bộ dưỡng tay
- Công dụng và cách dùng bộ cắt, sửa móng

1.3. Kỹ thuật ngâm tay, tẩy tế bào chết

- Mục đích của việc ngâm tay
- Cách pha nước ngâm tay
- Các sản phẩm đi kèm để ngâm tay trong dịch vụ manicure
- Cách tẩy tế bào chết cho tay
- Xác định vùng da tay có tế bào chết
- Phương pháp tẩy tế bào chết cho da tay

1.4. Kỹ thuật đắp paraffin cho tay

- Mục đích của việc đắp paraffin cho tay
- Thao tác đắp paraffin cho tay
- Loại bỏ paraffin trên tay và vệ sinh

1.5. Kỹ thuật massage tay

- Mục đích của việc massage tay
- Tìm hiểu các loại sản phẩm dùng để massage tay
- Phương pháp massage tay

2. Pedicure (Chăm sóc chân)

2.1. Khái niệm về Pedicure (Chăm sóc chân)

- Khái niệm
- Các bệnh lý về móng chân thường gặp
- Giới thiệu các dụng cụ, trang thiết bị, đồ nghề chăm sóc chân chuyên nghiệp

2.2. Quy trình làm Pedicure

- Công dụng và cách dùng bộ làm sạch chân
- Công dụng và cách dùng bộ dưỡng móng
- Công dụng và cách dùng bộ cắt, sửa móng

2.3. Kỹ thuật ngâm chân, chà gót, tẩy tế bào chết

- Mục đích của việc ngâm chân, chà gót
- Cách pha nước ngâm chân
- Các sản phẩm đi kèm để ngâm chân trong dịch vụ pedicure
- Cách tẩy tế bào chết cho chân
- Xác định vùng da chân có tế bào chết
- Phương pháp tẩy tế bào chết cho da chân

2.4. Kỹ thuật đắp paraffin cho chân

- Mục đích của việc đắp paraffin
- Thao tác đắp paraffin cho chân
- Loại bỏ paraffin trên chân và vệ sinh

2.5. Kỹ thuật massage chân

- Mục đích của việc massage chân
- Tìm hiểu các loại sản phẩm dùng để massage chân
- Phương pháp massage chân

Bài 2. Nghệ thuật vẽ móng nâng cao

Thời gian: 40 giờ

Mục tiêu:

- Mô tả được quy tắc phối màu nghệ thuật;
- Sử dụng thành thạo cọ nét, cọ bản tròn, cọ bản vuông
- Phối hợp được cọ nét, cọ bản với các loại cọ khác khi vẽ móng nghệ thuật;
- Sử dụng được nhiều chất liệu sơn vẽ khác nhau trong ngành nail;
- Thiết kế được mẫu móng theo nhiều thể loại;
- Nghiêm túc, sôi nổi, yêu ngành, yêu nghề.

Nội dung:

1. Kỹ thuật vẽ cọ bản tròn

1.1. Kỹ thuật vẽ hoa, họa tiết với cọ bản tròn

- Phối màu trong cọ bản tròn
- Kết hợp cọ dâu với cọ bản tròn trong vẽ móng nghệ thuật

1.2. Thiết kế móng với cọ bản tròn

2. Nghệ thuật vẽ màu nước lên móng

2.1. Kỹ thuật pha màu nước

2.2. Kỹ thuật phác thảo hình

2.3. Vẽ màu nước lên móng

3. Kỹ thuật vẽ gel

3.1. Kỹ thuật vẽ gel loang

3.2. Kỹ thuật vẽ gel nổi

4. Ứng dụng kỹ thuật nail trong trang trí

4.1. Mục đích, ý nghĩa của việc ứng dụng kỹ thuật nail trong trang trí

4.2. Ứng dụng kỹ thuật nail trang trí vật dụng, vẽ tranh

Bài 3. Nghệ thuật gel, bột nâng cao

Thời gian: 30 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được các loại dụng cụ, thiết bị, nguyên vật liệu để nối móng đắp gel, đắp hoa bột, bột nhúng, Nail fantasy;
- Lập được quy trình nối móng đắp gel, đắp hoa bột, bột nhúng, Nail fantasy;
- Nối móng đắp gel, đắp hoa bột, bột nhúng, Nail fantasy được theo yêu cầu đảm bảo đúng quy trình, thẩm mỹ và an toàn cho khách hàng;
- Đảm bảo an toàn vệ sinh thẩm mỹ.
- Có ý thức tổ chức kỷ luật, chịu khó, sáng tạo, tiết kiệm nguyên vật liệu trong quá trình thực hiện .

Nội dung:

1. Nối móng đắp gel (Gel Nails)

- 1.1. Kỹ thuật nối móng giả - đắp gel
- 1.2. Kỹ thuật nối móng khuôn - đắp gel
- 1.3. Kỹ thuật phen móng gel, tạo móng ombre gel

2. Kỹ thuật đắp hoa bột

- 2.1. Kỹ thuật phối màu hoa bột
- 2.2. Kỹ thuật đắp hoa giọt lệ, hoa cánh tròn, lá
- 2.3. Kỹ thuật đắp đắp hoa hồng, hoa cúc, hoa loa kèn

3. Móng bột nhúng

- 3.1. Giới thiệu về sản phẩm bột nhúng
- 3.2. Kỹ thuật làm móng bột nhúng

4. Nail fantasy

- 4.1. Kỹ thuật đắp nổi 3d
- 4.2. Thiết kế nail fantasy

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

- Dụng cụ và trang thiết bị:

- Nguyên vật liệu:

- + Túi Móng nhựa A1,
- + Bộ Móng trắng nhọn
- + Bộ Móng dài fantasy
- + Bộ móng nổi
- + Bộ móng bột úp
- + Giấy đen vẽ nâng cao A0
- + Khung kính trang trí
- + Keo gắn đá
- + Bộ màu nước 12 màu
- + Màu vẽ tranh cọ bản
- + Bộ Gel 3D 12 màu

- + Bộ Gel vẽ
- + Bộ Gel khô
- + Liên kết gel
- + Liên kết bột
- + Sơn dưỡng
- + Bóng gel
- + Bóng bột
- + Sơn bóng
- + Sơn gel màu
- + Bột đắp màu
- + Sơn gel nhũ
- + Bột đắp nhũ
- + Bột đắp móng
- + Gel đắp móng
- + Keo gắn đá,gắn móng
- + Băng dính xốp
- + Băng dính trong to
- + DD pha sơn
- + Axeton
- + Bông tẩy trang
- + Giấy lau gel
- + Ủ tháo móng
- + Bịch Giấy cuộn
- + Cốc rửa bút
- + Bảng pha màu
- + Kẹp vẽ
- + Kem làm mềm da
- + Bộ chăm sóc móng(kem tẩy da chết, kem massage,kem dưỡng)
- + Dưỡng viền móng
- + Lưu huỳnh
- + Giáo trình mô đun;
- + Vở;viết;tài liệu;bảng;
- + Máy chiếu
- + Hình ảnh;đĩa;
- Các nguồn lực khác:
- + Phòng học thực hành chuyên môn;

+ Trang phục thực hành

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- Chăm sóc móng chuyên nghiệp;
- Nghệ thuật vẽ móng nâng cao;
- Nghệ thuật gel, bột nâng cao.

2. Phương pháp:

* *Kiểm tra thường xuyên, định kỳ:*

- Điểm kiểm tra thường xuyên (*hệ số 1*), điểm kiểm tra định kỳ (*hệ số 2*).
- Hình thức kiểm tra: do giáo viên dạy môn học quyết định

* *Thi kết thúc môn học:*

- Điều kiện được thi kết thúc môn học:

+ Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô-đun được quy định trong chương trình môn học, mô-đun;

+ Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

- Hình thức thi: Tự luận / trắc nghiệm / thực hành

* *Điểm môn học, mô-đun:* bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Chương trình môn học Vẽ móng nghệ thuật nâng cao được sử dụng để giảng dạy trình độ Cao Đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Giáo viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của môn học và nội dung của từng bài để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học, đảm bảo chất lượng giảng dạy;

+ Trong quá trình giảng dạy, ngoài việc sử dụng tài liệu; máy chiếu; giáo viên nên sử dụng phim, hình ảnh hoặc cattolo về các kiểu đắp móng gel nghệ thuật để giới thiệu rõ về qui trình thao tác nâng cao dành cho mọi người, mọi lứa tuổi; các hình ảnh trong và ngoài nước về kỹ năng giúp bài giảng thêm sinh động;

+ Có thể phân nhóm trong quá trình thực tập để tạo điều kiện cho người học trao đổi kiến thức và kỹ năng nghề;

+ Giáo viên kèm cặp, uốn nắn trực tiếp các thao tác để tạo kỹ năng chuyên nghiệp cho học sinh.

+ Ngoài ra thường xuyên tổ chức học ngoại khóa, tham quan các Trung tâm chăm sóc sắc đẹp, các salon, các cửa hàng vẽ móng nghệ thuật để phát huy sự nhận thức, tư duy, sáng tạo của nghề cho người học

+ Nên phân nhóm học viên trong quá trình học tập để trao đổi kiến thức và kỹ năng nghề

- Đối với người học:

+ Cần cù, chịu khó, siêng năng

+ Rèn luyện phẩm chất, đạo đức, tác phong

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu tham khảo:

- Nghệ thuật làm đẹp móng tay (NXB tổng hợp tp HCM);

- Bộ sưu tập các mẫu trang điểm móng (NXB tổng hợp tp HCM)

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực hành nghề nghiệp 1

Mã mô đun: MD 21

Thời gian thực hiện mô đun: 180 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 146 giờ ; Thi, Kiểm tra 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Là mô đun được thực hiện sau mô đun chăm sóc da nâng cao, vẽ móng nghệ thuật nâng cao và thực hiện trước mô đun thực tập tốt nghiệp

- Tính chất: Là mô đun chuyên môn nghề bắt buộc, thực hành là chủ yếu

II. Mục tiêu mô đun:

** Về kiến thức:*

- Tiếp cận và làm quen với cơ sở chăm sóc sắc đẹp;
- Nhận biết được các thiết bị, nguyên vật liệu dùng trong chăm sóc da và vẽ móng nghệ thuật;

- Giao tiếp được với khách hàng tại cơ sở thực tập đảm bảo văn minh, lịch sự.

** Về kỹ năng:*

- Lựa chọn đúng trang thiết bị, nguyên vật liệu để chăm sóc da, vẽ móng nghệ thuật phù hợp với yêu cầu của khách hàng;

- Thực hành được các kỹ thuật chăm sóc da cơ bản và nâng cao đảm bảo an toàn, hiệu quả;

- Thực hành được các kỹ thuật vẽ móng nghệ thuật cơ bản và nâng cao đảm bảo an toàn, hiệu quả;

- Dự báo và xử lý được các sự cố có thể xảy ra trong quá trình thực hiện;

- Thực hành quản lý được một cơ sở kinh doanh chăm sóc sắc đẹp.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1. Chăm sóc da	90	15	73	2
2	Bài 2. Vẽ móng nghệ thuật	90	15	73	2
	Tổng cộng	180	30	146	4

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Chăm sóc da

Thời gian: 90 giờ

Mục tiêu:

- Tiếp cận và làm quen với cơ sở chăm sóc sắc đẹp;
- Nhận biết được các thiết bị, nguyên vật liệu dùng trong chăm sóc da;
- Giao tiếp được với khách hàng tại cơ sở thực tập đảm bảo văn minh, lịch sự.
- Lựa chọn đúng trang thiết bị, nguyên vật liệu để chăm sóc da phù hợp với yêu cầu của khách hàng;
- Thực hành được các kỹ thuật chăm sóc da cơ bản và nâng cao đảm bảo an toàn, hiệu quả;
- Dự báo và xử lý được các sự cố có thể xảy ra trong quá trình thực hiện;
- Thực hành quản lý được một cơ sở kinh doanh chăm sóc sắc đẹp.

Nội dung:

1. Tìm hiểu về nơi thực tập
2. Lập quy trình đón tiếp, tư vấn khách hàng chăm sóc da
3. Chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu chăm sóc da
4. Kỹ thuật chăm sóc da

Bài 2. Vẽ móng nghệ thuật

Thời gian: 90 giờ

Mục tiêu:

- Nhận biết được các thiết bị, nguyên vật liệu dùng trong vẽ móng nghệ thuật;
- Giao tiếp được với khách hàng tại cơ sở thực tập đảm bảo văn minh, lịch sự.
- Lựa chọn đúng trang thiết bị, nguyên vật liệu để vẽ móng nghệ thuật phù hợp với yêu cầu của khách hàng;
- Thực hành được các kỹ thuật vẽ móng nghệ thuật cơ bản và nâng cao đảm bảo an toàn, hiệu quả;
- Dự báo và xử lý được các sự cố có thể xảy ra trong quá trình thực hiện;
- Thực hành quản lý được một cơ sở kinh doanh chăm sóc sắc đẹp.

Nội dung:

1. Tìm hiểu về nơi thực tập
2. Lập quy trình đón tiếp, tư vấn khách hàng về móng nghệ thuật
3. Chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu vẽ móng nghệ thuật
4. Kỹ thuật vẽ móng nghệ thuật

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:
 - + Tại cơ sở làm đẹp ngoài doanh nghiệp

2. **Trang thiết bị máy móc:**

- Máy soi da, tivi
- Dũa
- Kìm, cắt
- Máy mài
- Máy sấy móng
- Máy tính, máy chiếu
- Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
- Các bài tập thực hành;
- Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

3. **Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:**

* Học liệu:

- Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
- Các bài tập thực hành;
- Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

* Nguyên vật liệu:

- + Bộ sản phẩm chăm sóc da
- + Bộ sản phẩm chăm sóc da tổn thương, wax lông, nguyên vật liệu, mỹ phẩm chăm sóc da.

4. **Các điều kiện khác:**

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

- Chăm sóc da;
- Vẽ móng nghệ thuật.

2. Phương pháp:

- + Phương pháp kiểm tra trắc nghiệm
- + Phương pháp kiểm tra tự luận
- + Phương pháp thực hành kiểm tra tại chỗ

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng môn học

- + Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ Cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp và làm tài liệu tham khảo cho các trung tâm làm đẹp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Giáo viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- + Nên áp dụng phương pháp đàm thoại để học viên ghi nhớ kỹ hơn.

- Đối với người học:

- + Học sinh chuẩn bị, nghiên cứu nội dung tự học trước ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Chăm sóc da

- + Các bệnh lý phổ biến thường gặp trên da

- + Phương pháp vệ sinh da

- + Phương pháp chăm sóc da

- + Sản phẩm thiên nhiên

- Vẽ móng nghệ thuật

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ sách của trường YIT Hàn Quốc.

- Giáo trình của Dermalogica của Mỹ.

- Giáo trình của Shisido Nhật Bản.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Massage cơ bản

Mã mô đun: MĐ 23

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 57 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí:

+ Massage body là mô đun chuyên môn nghề trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp;

+ Mô đun được bố trí dạy sau các môn học chung và các MH/MĐ cơ sở nghề và MĐ chăm sóc da cơ bản.

- Tính chất: là mô đun tích hợp giữa lý thuyết và thực hành trực tiếp trên người mẫu.

II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được tầm quan trọng của việc Massage tay, bụng và ngực, lưng, chân;

+ Mô tả được các thao động tác khi Massage tay, bụng và ngực, lưng, chân;

+ Nhận diện được các sự cố có thể xảy ra khi Massage tay, bụng và ngực, lưng, chân.

- Về kỹ năng: Massage được tay, bụng và ngực, lưng, chân cho khách hàng đảm bảo đúng kỹ thuật, vệ sinh, an toàn

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1: Massage vùng đầu – mặt	20	6	14	
2	Bài 2: Massage tay	15	6	9	
3	Bài 3: Massage bụng và ngực	20	6	13	1
4	Bài 4: Massage lưng	20	6	13	1

5	Bài 5: Massage chân	15	6	8	1
	Cộng	90	30	57	03

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Massage đầu – mặt

Thời gian: 20 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng và hiệu quả của massage vùng đầu – mặt;
- Massage vùng đầu – mặt được trên người mẫu đảm bảo đúng kỹ thuật, an toàn và vệ sinh;
- Nhận diện và xử lý được các sự cố có thể xảy ra khi massage vùng đầu – mặt;

2. Nội dung:

2.1. Lí thuyết về cơ, các khối cơ và huyết đạo trên vùng đầu – mặt

2.2. Các bệnh lý về xương vùng đầu – mặt

2.3. Tác dụng và hiệu quả của massage thư giãn vùng đầu – mặt

2.4. Các thao tác massage vùng đầu

- Xác định huyết vùng đầu
- Thao tác mát xa tóc
- Thao tác mát xa tai
- Thao tác ấn huyết đầu

2.5. Các thao tác massage vùng mặt

- Vùng cằm
- Thao tác vùng má
- Thao tác vùng mắt
- Thao tác vùng trán
- Thao tác ấn huyết trên mặt
- Thao tác vùng vai cổ, gáy
- Thao tác điều hòa
- Thao tác ấn và lau bằng khăn ẩm

Bài 2: Massage tay

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng và hiệu quả của massage tay;
- Massage tay được trên người mẫu đảm bảo đúng kỹ thuật, an toàn và vệ sinh;
- Nhận diện và xử lý được các sự cố có thể xảy ra khi massage tay.

2. Nội dung:

2.1. Lí thuyết về cơ, các khối cơ và huyết đạo trên tay

2.2. Các bệnh lý về xương tay

2.3. Tác dụng và hiệu quả của massage thư giãn tay

2.4. Các thao tác massage tay

- Thao tác phần cánh tay
- Thao tác phần ngón tay
- Thao tác ấn huyệt trên tay

2.5. Thực hành massage tay

Bài 3: Massage bụng và ngực

Thời gian: 20 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng và hiệu quả của massage bụng và ngực;
- Massage bụng và ngực được trên người mẫu đảm bảo đúng kỹ thuật, an toàn và vệ sinh;
- Nhận diện và xử lý được các sự cố có thể xảy ra khi massage bụng và ngực.

2. Nội dung:

2.1. Lý thuyết về cơ, các khối cơ và huyết đạo trên bụng và ngực

2.2. Các bệnh lý về xương bụng và ngực

2.3. Tác dụng và hiệu quả của massage thư giãn bụng và ngực

2.4. Các thao tác massage bụng và ngực

- Thao tác mát xa điều hòa phần bụng
- Thao tác ấn huyệt phần bụng
- Thao tác vét thành ruột
- Thao tác nhào lặn
- Thao tác lau bằng khăn ẩm
- Thao tác mát xa phần ngực

2.5. Thực hành massage bụng và ngực

Bài 4: Massage lưng

Thời gian: 20 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng và hiệu quả của massage lưng;
- Massage lưng được trên người mẫu đảm bảo đúng kỹ thuật, an toàn và vệ sinh;
- Nhận diện và xử lý được các sự cố có thể xảy ra khi massage lưng.

2. Nội dung:

2.1. Lý thuyết về cơ, các khối cơ và huyết đạo trên lưng

2.2. Các bệnh lý về xương lưng

2.3. Tác dụng và hiệu quả của massage thư giãn lưng

2.4. Các thao tác massage lưng

- Thao tác phần gáy sau
- Thao tác chạy dọc lưng
- Thao tác phần vai, gáy
- Thao tác điều hòa
- Thao tác ấn huyết phần lưng
- Thao tác lau bằng khăn ẩm

2.5. Thực hành massage lưng

Bài 5: Massage chân

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tác dụng và hiệu quả của massage chân;
- Massage chân được trên người mẫu đảm bảo đúng kỹ thuật, an toàn và vệ sinh;
- Nhận diện và xử lý được các sự cố có thể xảy ra khi massage chân.

2. Nội dung:

2.1. Lí thuyết về cơ, các khối cơ và huyết đạo trên chân

2.2. Các bệnh lý về xương chân

2.3. Tác dụng và hiệu quả của massage thư giãn chân

2.4. Các thao tác massage chân

- Thao tác phần đùi chân
- Thao tác phần bắp chân
- Thao tác phần bàn chân
- Thao tác phần ngón chân
- Thao tác ấn huyết chân

2.5. Thực hành massage chân

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: phòng học lý thuyết, phòng học thực hành massage

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

* Học liệu:

- Giáo án lý thuyết, đề cương bài giảng, đề cương môn học;
- Các bài tập thực hành;
- Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.
- Các bài tập thực hành.

* Nguyên vật liệu:

- + Bộ sản phẩm chăm sóc cho mọi loại da

- + Bộ sản phẩm massage

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

- + Hiểu được nguyên lý và cách chăm sóc body
- + Nắm được bệnh lý và đặc điểm của từng vùng cơ thể
- + Nắm được kiến thức chăm sóc body

- Kỹ năng:

- + Kỹ năng tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp
- + Kỹ năng chăm sóc khách hàng

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

- + Giải quyết vấn đề về an toàn lao động trong những điều kiện thay đổi.

2. Phương pháp:

* *Kiểm tra thường xuyên, định kỳ:*

- Điểm kiểm tra thường xuyên (*hệ số 1*), điểm kiểm tra định kỳ (*hệ số 2*).
- Hình thức kiểm tra: do giáo viên dạy môn học quyết định

* *Thi kết thúc môn học:*

- Điều kiện được thi kết thúc môn học:

- + Tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học, mô-đun được quy định trong chương trình môn học, mô-đun;

- + Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10;

- Hình thức thi: Tự luận / trắc nghiệm / thực hành

- * *Điểm môn học, mô-đun:* bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học, mô-đun có trọng số 0,6.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ Cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp và làm tài liệu tham khảo cho các trung tâm làm đẹp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Giáo viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- + Nên áp dụng phương pháp đàm thoại để học viên ghi nhớ kỹ hơn.

- Đối với người học:

+ Học sinh chuẩn bị, nghiên cứu nội dung tự học trước ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

+ Hiểu được nguyên lý và cách chăm sóc body

+ Nắm được bệnh lý và đặc điểm của từng vùng cơ thể

+ Nắm được kiến thức chăm sóc body

4. Tài liệu tham khảo:

[1]. Bộ sách của trường YIT Hàn Quốc

[2]. Giáo trình của Dermalogica của Mỹ

[3]. Giáo trình của Shisido Nhật Bản

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Massage bấm huyệt trị liệu

Mã mô đun: MD 23

Thời gian thực hiện mô đun: 120 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 86 giờ; Kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Là mô đun được bố trí học sau các môn cơ sở ngành và môn Massage Body, học trước mô đun thực hành nghề nghiệp
- Tính chất: Là mô đun chuyên nghề trong chương trình đào tạo Nghề Chăm sóc sắc đẹp.

II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:
 - + Trình bày được cấu tạo của kinh mạch và lạc mạch;
 - + Mô tả được Dương kinh (lục phủ); âm kinh (ngũ tạng); đốc mạch và nhâm mạch;
 - + Trình bày được phương pháp ấn huyệt;
 - + Phân tích được sự thay đổi của hoocmon nữ và hoocmon nam và sự tác động đến sắc đẹp.
 - + Phân tích được hệ bạch huyết trong cơ thể người
- Kỹ năng: Thực hiện được phương pháp massage kinh mạch các vùng nhằm làm đẹp da.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Hình thành cho người học ý thức trách nhiệm đối với sức khỏe, sắc đẹp của khách hàng; rèn luyện tính cẩn thận.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số T T	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1. Khái quát về kinh mạch và lạc mạch	10	8	2	
2	Bài 2. Âm dương ngũ hành	20	6	14	
3	Bài 3. Phương pháp ấn huyệt	20	4	15	1
4	Bài 4. Kinh mạch, lạc mạch, huyết đạo: Âm kinh	25	4	20	1

5	Bài 5. Kinh mạch, lạc mạch, huyết đạo: Đương kinh (lục phủ)	25	4	20	1
6	Bài 6. Kỳ kinh bát mạch và ngũ du huyết: Đốc mạch và nhâm mạch	20	4	15	1
	Tổng cộng	120	30	86	4

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Khái quát về kinh mạch và lạc mạch

Thời gian: 10 giờ

Mục tiêu của bài:

- Mô tả được kinh mạch và lạc mạch;
- Trình bày được cấu tạo của hệ kinh mạch; hệ lạc mạch;
- Mô tả được tác dụng của hệ thống kinh mạch.

Nội dung bài:

1. Khái quát về hệ thống kinh mạch
 - 1.1. Khái niệm kinh mạch
 - 1.2. Khái niệm lạc mạch
2. Cấu tạo của hệ kinh mạch và lạc mạch
 - 2.1. Tay
 - 2.2. Chân
 - 2.3. Tâm kinh mạch phụ
 - 2.4. Kinh biệt, kinh cân, biệt lạc, phủ lạc
3. Tác dụng của hệ thống kinh lạc
 - 3.1. Về sinh lý
 - 3.2. Về mặt bệnh lý
 - 3.3. Về chuẩn đoán
 - 3.4. Về chữa bệnh
4. Thực hành về đường đi của kinh mạch và lạc mạch

Bài 2: Âm dương ngũ hành

Thời gian: 20 giờ

Mục tiêu của bài:

- Trình bày được khái niệm về học thuyết âm dương; các quy luật của học thuyết âm dương; ứng dụng của học thuyết âm dương trong y học;
- Trình bày được khái niệm về học thuyết ngũ hành; các quy luật hoạt động ngũ hành; ứng dụng của học thuyết trong y học.

Nội dung bài:

1. Học thuyết âm dương
 - 1.1. Khái niệm

1.2. Các quy luật cơ bản trong học thuyết âm dương

1.2.1. Âm dương đối lập nhau

1.2.2. Âm dương hỗ căn

1.2.3. Âm dương tiêu trưởng

1.2.4. Âm dương bình hành

1.3. Ứng dụng trong y học

1.3.1. Về cấu tạo cơ thể và sinh lý

1.3.2. Về quá trình phát sinh và phát triển của bệnh tật

1.3.3. Về chẩn đoán bệnh tật

1.3.4. Về chữa bệnh và các phương pháp chữa bệnh

2. Học thuyết ngũ hành

2.1. Khái niệm

2.2. Cấu tạo hoạt động của ngũ hành

2.2.1. Quy luật tương sinh

2.2.2. Quy luật tương khắc

2.3. Ứng dụng trong y học

2.3.1. Về quan hệ sinh lý

2.3.2. Về quan hệ bệnh lý

2.3.3. Về chuẩn đoán học

2.3.4. Về điều trị học

2.4. Khí huyết

2.5. Trật tự nối tiếp của 12 kinh mạch

2.6. Đường tuần hoàn của 12 kinh mạch

2.6.1. Phế

2.6.2. Đại

2.6.3. Trường

2.6.4. Vị

2.6.5. Tỳ

2.6.6. Tâm

2.6.7. Tiểu trường

2.6.8. Bàng quang

2.6.9. Thận

2.6.10. Tam tiêu

2.6.11. Đâm

2.6.12. Can

2.6.13. Phế

2.5. Thực hành massage kinh mạch và lạc mạch ở trên mặt: Huyệt chủ đạo là điểm G của khuôn mặt.

Bài 3: Phương pháp ấn huyết

Thời gian: 20 giờ

Mục tiêu của bài:

- Trình bày được khái niệm về huyết; phân loại huyết; tác dụng của huyết; vai trò tác dụng của từng huyết;
- Biết cách lấy huyết; huyết cầm châm, cầm cứu;
- Trình bày được các nguyên tắc mát xa; quy trình mát xa;
- Thực hiện các thao tác mát xa; mát xa từng bộ phận trong cơ thể.

Nội dung bài:

1. Khái niệm về huyết
2. Phân loại huyết
 - 2.1. Huyết của kinh
 - 2.2. Huyết ngoài kinh
 - 2.3. Huyết ở chỗ đau
3. Tác dụng của huyết
 - 3.1. Bồi du huyết
 - 3.2. Mộ huyết
 - 3.3. Nguyên huyết
 - 3.4. Lạc huyết
 - 3.5. Khích huyết
 - 3.6. Ngũ du huyết
 - 3.7. Bát hội huyết
 - 3.8. Giao hội huyết
4. Cách lấy huyết
 - 4.1. Phép đo cốt lạc
 - 4.2. Phép đo đồng thân thốn
 - 4.3. Dựa vào các điểm mốc giải phẫu
 - 4.4. Cảm giác khi ấn tay lên huyết
5. Huyết cầm châm, cầm cứu
 - 5.1. Huyết cầm châm
 - 5.2. Cầm cứu
 - 5.3. Đối với trẻ em
 - 5.4. Đối với phụ nữ có thai
6. Vai trò của bấm huyết đối với làm đẹp da
7. Khái quát về mát xa ấn huyết
 - 7.1. Tác dụng của mát xa ấn huyết
 - 7.1.1. Tác dụng cho chữa bệnh

- 7.1.2. Tác dụng cho cải thiện về sức khỏe
- 7.2. Nguyên tắc mát xa kinh lạc
 - 7.2.1. Theo chiều dọc
 - 7.2.2. Theo chiều ngang
 - 7.2.3. Duy trì lực liên tục
 - 7.2.4. Trọng lực đủ độ đầm

Bài 4: Kinh mạch, lạc mạch, huyết đạo: Âm kinh

Thời gian: 25 giờ

Mục tiêu của bài:

- Trình bày được vị trí, vai trò của các huyết âm kinh (ngũ tạng); cách xác định vị trí các huyết của phần âm kinh;
- Mô tả được công dụng của các huyết phần âm kinh;
- Trình bày được cách ấn huyết;
- Thực hành massage được các huyết âm kinh (ngũ tạng) đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Nội dung bài:

1. Thủ thái âm phế kinh
 - 1.1. Đường đi
 - 1.2. Chữa bệnh
 - 1.3. Trung phủ
 - 1.4. Vân môn
 - 1.5. Thiên phủ
 - 1.6. Hiệp bạch
 - 1.7. Xích trạch
 - 1.8. Không tối
 - 1.9. Liệt khuyết
 - 1.10. Kinh cù
 - 1.11. Thái uyên
 - 1.12. Ngự tể
 - 1.13. Thiếu thương
2. Kinh túc thái âm tỳ kinh
 - 2.1. Ấn bạch
 - 2.2. Đại đô
 - 2.3. Thái bạch
 - 2.4. Công tôn
 - 2.5. Thương khâu
 - 2.6. Tâm âm giao

- 2.7. Lậu cốc
- 2.8. Địa cơ
- 2.9. Âm lăng
- 2.10. Huyết hải
- 2.11. Cơ môn
- 2.12. Xung môn
- 2.13. Phủ xá
- 2.14. Phúc kết
- 2.15. Đại hoành
- 2.16. Phúc ái
- 2.17. Thực đậu
- 2.18. Thiên Khê
- 2.19. Hung hương
- 2.20. Chu vinh
- 2.21. Đại bao

3. Kinh thủ thiếu âm tâm

- 3.1. Cực tuyền
- 3.2. Thanh linh
- 3.3. Thiếu hải
- 3.4. Linh đạo
- 3.5. Thông lý
- 3.6. Âm kích
- 3.7. Thần môn
- 3.8. Thiếu phủ
- 3.9. Thiếu xung

4. Kinh túc thiếu âm thận

- 4.1. Đường đi
- 4.2. Dũng tuyền
- 4.3. Nhiên cốc
- 4.4. Thái Khê
- 4.5. Đại chung
- 4.6. Thủy tuyền
- 4.7. Chiếu hải
- 4.8. Phục lưu
- 4.9. Giao tín
- 4.10. Trúc tân
- 4.11. Âm cốc
- 4.12. Hoành cốt

- 4.13. Đại hách
- 4.14. Khí huyết
- 4.15. Tứ mẫn
- 4.16. Trung chú
- 4.17. Hoang du
- 4.18. Thương khúc
- 4.19. Thạch quan
- 4.20. Âm đô
- 4.21. Thông cốt
- 4.22. U môn
- 4.23. Bộ lang
- 4.24. Thần phong
- 4.25. Linh khư
- 4.26. Thần tàng
- 4.27. Quac trung
- 4.28. Du phủ

5. Kinh thủ quyết âm tâm bào

- 5.1. Đường đi
- 5.2. Thiên trì
- 5.3. Thiên tuyền
- 5.4. Khúc trạch
- 5.5. Khích môn
- 5.6. Gian sử
- 5.7. Nội quan
- 5.8. Đại lăng
- 5.9. Lao cung
- 5.10. Trung xung

6. Kinh túc thiếu âm can

- 6.1. Đường đi
- 6.2. Đại đôn
- 6.3. Hành gian
- 6.4. Thái xung
- 6.5. Trung phong.
- 6.6. Lãi câu
- 6.7. Trung đô.
- 6.8. Tất quan.
- 6.9. Khúc tuyền
- 6.10. Âm bao

- 6.11. Ngũ ký
- 6.12. Âm liên
- 6.13. Cấp mạch
- 6.14. Chương môn
- 6.15. Kỳ môn
- 7. Túc thiếu âm thận kinh
 - 7.1. Nhiên cốt
 - 7.2. Thái Khê
 - 7.3. Đại chung
 - 7.4. Thủy tuyền
 - 7.5. Chiếu hải
 - 7.6. Phục lưu
 - 7.7. Giao tín
 - 7.8. Trúc tân
 - 7.9. Âm cốt.
- 8. Túc quyết âm vị kinh
 - 8.1. Bể quan
 - 8.2. Phục thổ
 - 8.3. Âm thị
 - 8.4. Lương khâu
 - 8.5. Độc ty
 - 8.6. Túc cam lý
 - 8.7. Thượng cự huyệt
 - 8.8. Điều khẩu.
 - 8.9. Hạ cự huyệt
 - 8.10. Phong long
 - 8.11. Giải khê
 - 8.12. Xung dương
 - 8.13. Hãm cốt
 - 8.14. Nội đình
 - 8.15. Lệ đoài.
- 9. Thực hành massage kinh mạch và lạc mạch trên mặt

Bài 5: Kinh mạch, lạc mạch, huyết đạo: Dương kinh

Thời gian: 25 giờ

Mục tiêu của bài:

- Trình bày được vị trí, vai trò của các huyết dương kinh (ngũ tạng); cách xác định vị trí các huyết của phần dương kinh;

- Mô tả được công dụng của các huyết phần dương kinh;
- Trình bày được cách ấn huyết;
- Thực hành massage được các huyết dương kinh (ngũ tạng) đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Nội dung bài:

1. Thủ dương minh đại trường kinh

- 1.1. Đường đi
- 1.2. Vai trò
- 1.3. Thương dương
- 1.4. Nhị gian
- 1.5. Tam gian
- 1.6. Hợp cốc
- 1.7. Dương Khê
- 1.8. Thiên lịch
- 1.9. Ôn lưu
- 1.10. Thượng liên
- 1.11. Thủ tam lý
- 1.12. Khúc trì.
- 1.13. Tửu liệu
- 1.14. Ngũ lý
- 1.15. Tý nhu
- 1.16. Kiên ngung
- 1.17. Cự cốt.
- 1.18. Thiên đỉnh
- 1.19. Phù đột
- 1.20. Hòa liêu
- 1.21. Nghinh hương.

2. Kinh túc thái dương minh vị

- 2.1. Đường đi
- 2.2. Vai trò
- 2.3. Thừa khắp
- 2.4. Tứ bạch
- 2.5. Cự liêu
- 2.6. Địa thương
- 2.7. Đại nghinh
- 2.8. Giáp xa
- 2.9. Hạ quan
- 2.10. Đầu duy

- 2.11. Thủy đột
- 2.12. Khí xá
- 2.13. Khuyết bồn
- 2.14. Khí hộ
- 2.15. Khố phòng.
- 2.16. Ốc ế
- 2.17. Ứng song
- 2.18. Nhũ trung
- 2.19. Nhũ căn
- 2.20. Bất dung
- 2.21. Thừa mẫn
- 2.22. Lương môn
- 2.23. Quan môn
- 2.24. Thái ất
- 2.25. Hoạt nhục môn
- 2.26. Thiên khu
- 2.27. Thiên khu
- 2.28. Ngoại lăng
- 2.29. Đại cư
- 2.30. Thủy đạo
- 2.31. Quy lại
- 2.32. Khí xung
- 2.33. Bể quan
- 2.34. Phục thổ
- 2.35. Âm thị
- 2.36. Lương khâu
- 2.37. Độc ty
- 2.38. Túc tam lý
- 2.39. Thượng cự hư
- 2.40. Điều khâu.
- 2.41. Hạ cự hư
- 2.42. Phong long
- 2.43. Giải Khê
- 2.44. Xung dương
- 2.45. Hãm cốc
- 2.46. Nội đình
- 2.47. Lệ đài

3. Thủ thái dương tiêu trường

- 3.1. Đường đi
- 3.2. Vai trò
- 3.3. Thiếu trạch
- 3.4. Tiền cốc
- 3.5. Hậu kê
- 3.6. Uyển cốt
- 3.7. Dương cốc
- 3.8. Chi chính
- 3.9. Tiêu hải
- 3.10. Kiên trinh
- 3.11. Nhu du
- 3.12. Thiên tông
- 3.13. Bình phong
- 3.14. Khúc viên
- 3.15. Kiên ngoại du
- 3.16. Kiên trung du
- 3.17. Thiên song
- 3.18. Thiên dung
- 3.19. Quyền lieu
- 3.20. Thính cung.

4. Kinh túc thái dương bàng quang

- 4.1. Đường đi
- 4.2. Vai trò
- 4.3. Tình minh
- 4.4. Toán rúc
- 4.5. Mi xung
- 4.6. Khúc sai
- 4.7. Ngũ xứ
- 4.8. Thừa quang
- 4.9. Thông thiên
- 4.10. Lạc khước
- 4.11. Ngọc chử
- 4.12. Thiên trụ
- 4.13. Đại trử.
- 4.14. Phong môn
- 4.15. Phế du
- 4.16. Quyết âm du
- 4.17. Tâm du

4.18. Đốc du
4.19. Cách du
4.20. Can du
4.21. Đồn du
4.22. Tỳ du
4.23. Vị du
4.24. Tam tiêu du
4.25. Thận du
4.26. Khí hải du
4.27. Quan nguyên du
4.28. Tiểu trường du
4.29. Bàng quang du
4.30. Trung lữ du
4.31. Bạch hoàn du
4.32. Thượng liệu
4.33. Thứ liệu
4.34. Trung lieu
4.35. Hạ lieu
4.36. Hội dương
4.37. Thừa phù
4.38. Ân môn
4.39. Phù kích
4.40. Ủ dương
4.41. Ủ trung
4.42. Phụ thân
4.43. Phách hộ
4.44. Cao hoàng du
4.45. Thần đường
4.46. Y hy
4.47. Cách quan
4.48. Hồn môn
4.49. Dương cương
4.50. Ý xá
4.51. Vị thương
4.52. Hoàng môn
4.53. Chí thất
4.54. Bào hoàng
4.55. Trật biên

4.56. Hợp dương

4.57. Thừa cân

4.58. Phi dương

4.59. Thừa sơn

4.60. Phi dương

4.61. Phụ dương

4.62. Côn lân

4.63. Bộc tham

4.64. Thần mạch

4.65. Kinh môn

4.66. Kinh cốt

4.67. Thúc cốt

4.68. Thông cốt

4.69. Chí âm

5. Kinh thủ thiếu dương tam tiêu

5.1. Đường đi

5.2. Vai trò

5.3. Quan xung

5.4. Dịch môn

5.5. Trung chữ

5.6. Dương trị

5.7. Ngoại quan

5.8. Chi câu

5.9. Hội tông

5.10. Tam dương lạc

5.11. Tứ độc

5.12. Thiên tính

5.13. Thanh lăng uyên

5.14. Tiêu lạc

5.15. Kiên lieu

5.16. Thiên lieu

5.17. Thiên dũ

5.18. Ế phong

5.19. Khế mạch

5.20. Lư tức

5.21. Giác tôn

5.22. Nhĩ môn

5.23. Hòa lieu

5.24. Ty trúc không

6. Kinh túc thiếu dương đờm

6.1. Đường đi

6.2. Vai trò

6.3. Đồng tử lieu

6.4. Thượng quan

6.5. Hàm yểm

6.6. Huyền lư

6.7. Huyền ly

6.8. Khúc tân

6.9. Suất cốc

6.10. Thiên xung

6.11. Phù bạch

6.12. Khiếu âm

6.13. Hoàn cốt

6.14. Bản thần

6.15. Dương bạch

6.16. Lâm khắp

6.17. Mục song

6.18. Chính dinh

6.19. Thừa linh

6.20. Thừa linh

6.21. Nảo không

6.22. Phong trì

6.23. Kiên tỉnh

6.24. Uyên dịch

6.25. Tiếp cân

6.26. Nhật nguyệt

6.27. Kinh môn

6.28. Đới mạch

6.29. Ngũ khu

6.30. Duy đạo

6.31. Cự lieu

6.32. Hoàn khiêu

6.33. Phong thị

6.34. Trung độc

6.35. Dương quan

6.36. Dương lăng tuyền

- 6.37. Dương giao
- 6.38. Ngoại khâu
- 6.39. Quang minh
- 6.40. Dương phụ
- 6.41. Huyền chung
- 6.42. Khâu khử
- 6.43. Túc lâm khắp
- 6.44. Địa ngũ hội
- 6.45. Hiệp khô
- 6.46. Túc khiêu âm

7. Thực hành massage các huyết dương kinh

Bài 6: Kỳ kinh bát mạch và ngũ du huyết: Đốc mạch và nhâm mạch

Thời gian: 20 giờ

Mục tiêu của bài:

- Trình bày được vị trí, vai trò, đường đi của các huyết đốc mạch và nhâm mạch;
- Mô tả được công dụng của các huyết đốc mạch và nhâm mạch;
- Trình bày được cách ấn huyết;
- Thực hành massage được các huyết đốc mạch và nhâm mạch đảm bảo an toàn,

hiệu quả.

Nội dung bài:

1. Đốc mạch

- 1.1. Đường đi
- 1.2. Vai trò
- 1.3. Trường cường
- 1.4. Yêu du
- 1.5. Dương quan
- 1.6. Mệnh môn
- 1.7. Huyền khu
- 1.8. Tích trung
- 1.9. Trung khu
- 1.10. Cân sức
- 1.11. Chí dương
- 1.12. Linh đài
- 1.13. Thần đạo
- 1.14. Thần trụ
- 1.15. Đào đạo
- 1.16. Đại chùy

- 1.17. Ấm môn
- 1.18. Phong phủ
- 1.19. Nã bộ
- 1.20. Cường gian
- 1.21. Hậu đỉnh
- 1.22. Bách hội
- 1.23. Tiền đình
- 1.24. Tín hội
- 1.25. Thượng tinh
- 1.26. Thần đình
- 1.27. Tổ liêu
- 1.28. Nhân trung
- 1.29. Đoài đoan
- 1.30. Ngân giao

2. Nhâm mạch

- 2.1. Đường đi
- 2.2. Vai trò
- 2.3. Hội âm
- 2.4. Khúc cốt
- 2.5. Trung cực
- 2.6. Quan nguyên
- 2.7. Thạch môn
- 2.8. Khí hải
- 2.9. Âm giao
- 2.10. Thần khuyết
- 2.11. Thủy phân
- 2.12. Hạ quản
- 2.13. Kiến lý
- 2.14. Thượng quản
- 2.15. Cự khuyết
- 2.16. Cưu vĩ
- 2.17. Trung đình
- 2.18. Đản trung
- 2.19. Ngọc đường
- 2.20. Tử cung
- 2.21. Hoa cái
- 2.22. Toàn cơ
- 2.23. Thiên đột

2.24. Liêm tuyền

2.25. Thừa tương

III. Điều kiện thực hiện mô đun:

- Máy móc, dụng cụ và trang thiết bị:
- Máy tính, máy chiếu, máy in, người giả.
- Học liệu:
 - + Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
 - + Các bài tập thực hành;
 - + Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Vai trò của kinh lạc, mạch lạc
- Kinh lạc và lạc mạch trong cơ thể
- Ngũ hành tương sinh, ngũ hành tương khắc
- Đường kinh, vị trí các huyết đạo
- Vai trò tác dụng của các huyết đạo
- Xác định đường đi của kinh mạch
- Thực hành các thao tác mát xa, ấn huyết trên người
- Mát xa kinh lạc và đẹp da.

2. Phương pháp: Trắc nghiệm và thực hành trong khu vực các nghề

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng Chăm sóc sắc đẹp và làm tài liệu tham khảo cho các trung tâm làm đẹp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

Nêu vấn đề, phân tích, hướng dẫn các bước.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Vai trò của kinh mạch, vị trí các huyết đạo quan trọng, thao tác mát xa ấn huyết.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ sách của trường SART Hàn Quốc.
- Châm cứu các phương pháp kết hợp, Lê Quý Nguru.
- Châm cứu phương huyết học, Lê Quý Nguru - Lương Tú Vân.
- Phương cách định vị và vận dụng huyết châm cứu, Hải Ân.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Make up cơ bản

Mã mô đun: MD 24

Thời gian thực hiện mô đun: 120 giờ (Lý thuyết: 45 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 71 giờ ; Thi, Kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun được thực hiện sau các môn học chung, các môn học, mô đun cơ sở nghề Chăm sóc sắc đẹp.

- Tính chất: Là mô đun chuyên môn nghề bắt buộc, tích hợp giữa lý thuyết và thực hành trực tiếp trên người mẫu

II. Mục tiêu mô đun:

- Về kiến thức:

+ Nắm được kiến thức, quy trình trang điểm cơ bản;

+ Trình bày được các bước trang điểm khi phỏng vấn; trang điểm tự nhiên ban ngày và đêm(dạo phố); trang điểm dự tiệc ban ngày và đêm; trang điểm cô dâu tiệc ngày, đêm ;

- Về kỹ năng:

Thực hiện thành thạo thao tác các bước trang điểm khi phỏng vấn; trang điểm tự nhiên ban ngày và đêm(dạo phố); trang điểm dự tiệc ban ngày và đêm; trang điểm cô dâu tiệc ngày, đêm ;

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/ Kiểm tra
1	Bài 1: Tổng quan về Make up	15	9	6	
2	Bài 2: Make up cơ bản	15	6	9	
3	Bài 3: Make up lông mày	30	6	23	1
4	Bài 4: Make up mắt	15	6	8	1
5	Bài 5: Make up môi	15	6	9	

6	Bài 6: Make up má	15	6	8	1
7	Bài 7: Các loại Make up khác	15	6	8	1
	Cộng	120	45	71	4

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Tổng quan về Make up

Thời gian: 15 giờ

Mục tiêu:

- Định nghĩa được Makeup; mục đích, phân loại của Makeup;
- Phân tích được khuôn mặt khi Makeup;
- Trình bày được khái niệm về da mặt; quản lý được các loại da mặt cơ bản;
- Nhận biết được các loại màu sắc và phối được một số màu cơ bản khi Makeup;
- Mô tả được các loại dụng cụ, mỹ phẩm Makeup.

Nội dung:

1. Khái quát chung về Makeup

- 1.1. Định nghĩa
- 1.2. Mục đích
- 1.3. Phân loại
- 1.4. Lịch sử phát triển Makeup
 - Makeup Hàn Quốc
 - Makeup Phương Tây

2. Phân tích khuôn mặt

- 2.1. Độ cân xứng của khuôn mặt
- 2.2. Kích thước của khuôn mặt lý tưởng
- 2.3. Phân tích hình dạng khuôn mặt
 - Mặt trái xoan
 - Mặt tròn
 - Mặt tam giác
 - Mặt trái tim
 - Mặt vuông
 - Mặt hình thoi

3. Quản lý da

- 3.1. Khái niệm về da mặt
- 3.2. Các loại da cơ bản
 - Da thường
 - Da dầu
 - Da khô
 - Da nhạy cảm
 - Da hỗn hợp

- 4. Phân tích màu sắc
 - 4.1. Phân loại màu
 - 4.2. Màu cơ bản
 - 4.3. Tone màu
 - 4.4. Phối màu
- 5. Dụng cụ, mỹ phẩm Makeup
 - 5.1. Dụng cụ Makeup
 - 5.2. Mỹ phẩm Makeup

Bài 2: Make up cơ bản

Thời gian: 15 giờ

Mục tiêu:

- Mô tả được thứ tự các bước trong Makeup cơ bản;
- Makeup được các dạng khuôn mặt khác nhau;
- Sáng tạo, linh hoạt trong vận dụng.

Nội dung:

- 1. Các bước trang điểm cơ bản
 - Kem lót (makeup base)
 - Kem nền (Makeup foundation)
 - Phấn phủ (Powder)
 - Kem che khuyết điểm
- 2. Makeup cho từng khuôn mặt
 - Mặt tròn
 - Mặt dài
 - Mặt vuông
 - Mặt trái tim
 - Mặt tam giác
 - Khuôn mặt hình quả lê

Bài 3: Make up lông mày

Thời gian: 30 giờ

Mục tiêu:

- Mô tả được mục đích vẽ lông mày khi trang điểm;
- Lựa chọn được đầy đủ dụng cụ vẽ lông mày;
- Trình bày được phương pháp vẽ lông mày;
- Vẽ được lông mày phù hợp với từng khuôn mặt đảm bảo tính thẩm mỹ, an toàn cho khách hàng;
- Sáng tạo, linh hoạt khi vận dụng.

Nội dung:

1. Mục đích vẽ lông mày
2. Dụng cụ vẽ lông mày
3. Màu lông mày
4. Phương pháp vẽ lông mày cơ bản
5. Thực hành Makeup lông mày

Bài 4: Makeup mắt

Thời gian: 15 giờ

Mục tiêu:

- Mô tả được các thao tác trang điểm mắt; Các kiểu trang điểm mắt;
- Mô tả được phương pháp kẹp mi, chuốt mi, dán mi giả, kẻ line mắt;
- Trang điểm được cho khách hàng phù hợp.

Nội dung:

1. Các thao tác trang điểm mắt
2. Các kiểu trang điểm mắt
 - Mắt nhung 1 màu
 - Mắt nhung nhấn 3 màu
 - Mắt nhung nhấn đuôi
 - Mắt hóc
3. Kẹp mi, chuốt mi, dán mi giả, kẻ line mắt
 - Mascara, kẹp mi
 - Mi giả
 - Kẻ line mắt

Bài 5: Makeup môi

Thời gian: 15 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được mục đích của Makeup môi;
- Lựa chọn được màu và mỹ phẩm để Makeup môi;
- Thực hiện được kỹ thuật Makeup môi đảm bảo an toàn.

Nội dung:

1. Mục đích
2. Mỹ phẩm Makeup môi
3. Sơn môi với màu da
4. Kỹ thuật Makeup môi
 - Môi dày
 - Môi mỏng

- Môi có phần khóe môi sệ xuống
- Môi có đường viền môi nhạt
- Môi nhô ra ngoài

Bài 6: Makeup má

Thời gian: 15 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được mục đích của Makeup má;
- Lựa chọn được màu và mỹ phẩm để Makeup má;
- Thực hiện được kỹ thuật Makeup má đảm bảo an toàn.

Nội dung:

1. Mục đích
2. Mỹ phẩm Makeup má
3. Màu sắc Makeup má
 - Tone hồng
 - Tone cam
 - Tone màu da
 - Tone nâu
4. Kỹ thuật Makeup má
 - Đánh má chéo
 - Đánh má tròn
 - Đánh má ngang

Bài 7: Các loại Make up khác

Thời gian: 15 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được phương pháp lựa chọn phong cách, gam màu khi trang điểm;
- Mô tả được kỹ thuật trang điểm cô dâu ngoài trời;
- Lựa chọn được phương pháp Makeup theo mùa, Makeup khi phỏng vấn;
- Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ khi thực hiện các thao tác; đảm bảo an toàn và vệ sinh thẩm mỹ.

Nội dung:

1. Makeup tự nhiên
 - 1.1. Lựa chọn phong cách, gam màu
 - 1.2. Kỹ thuật trang điểm cô dâu ngoài trời
 - Chuẩn bị dụng cụ
 - Làm sạch da
 - Làm mềm da

- Dưỡng da
- Đánh kem (lót, nền, che khuyết điểm, độ sáng tối của nền da)
- Phủ phấn, tán má hồng
- Vẽ lông mày
- Tô màu mắt (gam màu mắt tự nhiên phù hợp với không gian ngoài trời, ánh sáng tự nhiên, ánh sáng đèn và trang phục)
- Kẹp lông mi
- Gắn lông mi giả
- Chải mascara
- Kẻ viền mắt nước
- Tô son

2. Makeup theo mùa

3. Make up khi phỏng vấn

IV Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- + Học tại phòng học lý thuyết/phòng học thực hành/phòng tích hợp
- + Học tại phòng học thực hành Makeup

2. Trang thiết bị:

- + Máy tính
- + Máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

* Học liệu:

- Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
- Các bài tập thực hành;
- Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết;
- Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
- Các bài tập thực hành;
- Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

* Nguyên vật liệu:

- + Bộ sản phẩm trang điểm chuyên nghiệp

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- + Phân tích khuôn mặt khi trang điểm;
- + Make up cơ bản;
- + Make up lông mày;
- + Make up mắt;
- + Make up môi;

- + Make up má;
- + Make up theo mùa;
- + Trang điểm theo thời gian;
- + Trang điểm công sở;

2. Phương pháp:

- + Phương pháp kiểm tra trắc nghiệm
- + Phương pháp kiểm tra tự luận
- + Phương pháp thực hành kiểm tra tại chỗ

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

+ Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ Cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp và làm tài liệu tham khảo cho các trung tâm làm đẹp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Giáo viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

+ Nên áp dụng phương pháp đàm thoại để học viên ghi nhớ kỹ hơn.

- Đối với người học:

+ Học sinh chuẩn bị, nghiên cứu nội dung tự học trước ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- + Phân tích khuôn mặt khi trang điểm;
- + Make up cơ bản;
- + Make up lông mày;
- + Make up mắt;
- + Make up môi;
- + Make up má;
- + Make up theo mùa;

4. Tài liệu tham khảo

- Bộ sách của trường YIT Hàn Quốc.
- Giáo trình của Dermalogica của Mỹ.
- Giáo trình của Shisido Nhật Bản.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Make up nâng cao

Mã mô đun: MĐ 25

Thời gian thực hiện mô đun: 120 giờ (Lý thuyết: 45 giờ; Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận: 71 giờ; Kiểm tra: 4 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Makeup nâng cao là mô đun chuyên môn nghề trong chương trình môn học, mô đun đào tạo trình độ Cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp. Mô đun này được học sau mô đun Makeup cơ bản và học trước mô đun thực hành nghề nghiệp 2

- Tính chất: Là mô đun tích hợp giữa lý thuyết và thực hành trực tiếp trên người mẫu.

II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:

+ Nắm được kiến thức, quy trình trang điểm chuyên nghiệp;

+ Mô tả được các bước trang điểm cô dâu; trang điểm fantasy, trang điểm hóa trang,...

+ Trình bày được các bước trang điểm cô dâu; trang điểm fantasy, trang điểm hóa trang,...

- Kỹ năng: Thực hành thành tạo được các bước trang điểm cô dâu; trang điểm fantasy, trang điểm hóa trang,...

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Thái độ học tập nghiêm túc, sôi nổi, yêu ngành, yêu nghề; cẩn thận và sáng tạo khi thực hành trang điểm cơ bản.

III. NỘI DUNG CỦA MÔ ĐUN:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận	Kiểm tra
1	Bài 1. Trang điểm nền chuyên nghiệp	10	7	3	
2	Bài 2. Các phong cách trang điểm điển hình	10	8	2	
3	Bài 3. Tạo kiểu tóc	30	10	19	1
4	Bài 4. Trang điểm cô dâu	20	5	14	1

5	Bài 5. Trang điểm nam giới	10	5	5	
6	Bài 6. Makeup fantasy	20	5	14	1
7	Bài 7. Hóa trang	20	5	14	1
	Cộng	120	45	71	4

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Trang điểm nền chuyên nghiệp

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Mô tả được kỹ thuật pha nền chuyên nghiệp;
- Trình bày được các kỹ thuật tạo khối trong nền chuyên nghiệp, xử lý các khuyết điểm trên gương mặt
- Thành thạo kỹ thuật trang điểm nền chuyên nghiệp

2. Nội dung bài:

1. Giới thiệu mỹ phẩm trang điểm nền chuyên nghiệp
2. Kỹ thuật pha nền và tán nền chuyên nghiệp
3. Kỹ thuật tạo khối cho gương mặt
4. Thực hành

Bài 2. Các phong cách trang điểm điển hình

Thời gian: 10 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được đặc điểm của từng phong cách trang điểm điển hình;
- Nhận diện được cách trang điểm theo phong cách điển hình.

Nội dung:

1. Phong cách trang điểm Châu Âu
2. Phong cách trang điểm Châu Á
3. Phong cách trang điểm Cổ trang
4. Phong cách trang điểm Ai Cập

Bài 3. Tạo kiểu tóc

Thời gian: 30 giờ

Mục tiêu:

- Mô tả được các dụng cụ, sản phẩm tạo kiểu tóc;
- Trình bày được các kỹ thuật tạo kiểu tóc cơ bản;
- Thành thạo kỹ thuật bới tóc dạ hội;
- Thành thạo kỹ thuật bới tóc cô dâu.

Nội dung:

1. Dụng cụ, nguyên vật liệu tạo kiểu tóc

2. Các kỹ thuật tạo kiểu tóc cơ bản
3. Bới tóc dạ hội
4. Bới tóc cô dâu

Bài 4: Trang điểm cô dâu

Thời gian: 20 giờ

Mục tiêu:

- Mô tả được các kỹ thuật Trang điểm cô dâu ngày cưới, cô dâu chụp hình, cô dâu chụp ngoại cảnh;
- Trình bày được các kỹ thuật Trang điểm cô dâu ngày cưới, cô dâu chụp hình, cô dâu chụp ngoại cảnh;
- Thành thạo các kỹ năng Trang điểm cô dâu theo các chủ đề.

Nội dung:

1. Chuẩn bị dụng cụ, mỹ phẩm
2. Trang điểm cô dâu
 - 2.1. Trang điểm cô dâu ăn hỏi
 - 2.2. Trang điểm cô dâu ngày cưới
 - 2.3. Trang điểm cô dâu chụp hình

Bài 5: Trang điểm nam giới

Thời gian: 10 giờ

Mục tiêu:

- Mô tả được các kỹ thuật trang điểm cho nam giới chụp hình, diễn show;
- Trang điểm được cho nam giới chụp hình, diễn show;
- Cẩn thận, tỉ mỉ trong từng thao tác.

Nội dung:

1. Chuẩn bị dụng cụ
2. Kỹ thuật trang điểm nam giới
 - 2.1. Làm sạch
 - 2.2. Trang điểm nền
 - 2.3. Trang điểm điểm
3. Các phong cách trang điểm nam giới
 - 3.1. Trang điểm chụp hình
 - 3.2. Trang điểm diễn show
 - 3.3. Trang điểm chú rể

Bài 6: Make up fantasy

Thời gian: 20 giờ

Mục tiêu:

- Mô tả được các dụng cụ, mỹ phẩm Makeup fantasy;
- Trình bày các kỹ thuật Makeup fantasy;
- Thành thạo các kỹ thuật Makeup fantasy.

Nội dung:

1. Giới thiệu dụng cụ mỹ phẩm
2. Kỹ thuật Makeup fantasy
 - 2.1. Cánh tiên
 - 2.2. Hình xoáy
 - 2.3. Tán màu

Bài 7: Hóa trang

Thời gian: 20 giờ

Mục tiêu:

- Mô tả được các dụng cụ, mỹ phẩm hóa trang,
- Trình bày các kỹ thuật hóa trang nếp nhăn, vết sẹo, vết bầm tím;
- Thành thạo các kỹ thuật hóa trang;
- Có ý thức nghiêm túc trong học tập.

Nội dung:

1. Mục đích hóa trang
2. Chuẩn bị dụng cụ, mỹ phẩm
3. Các kỹ thuật hóa trang
 - 3.1. Vết nhăn
 - 3.2. Vết sẹo
 - 3.3. Vết bầm tím
4. Thực hành hóa trang

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

- Dụng cụ và trang thiết bị:

- + Bộ cọ trang điểm chuyên nghiệp, bộ cọ hóa trang, vẽ fantasy;
- + Que trộn màu;
- + Kéo tỉa chân mày; dao cạo; nhíp.

- Nguyên vật liệu:

- + Sữa rửa mặt; kem tẩy trang; nước làm mềm; tẩy trang; kem chống nắng; kem dưỡng;
- + Phần lót; phấn nền; phấn phủ các loại;
- + Highlight; sadding; che khuyết điểm; nước khoáng;
- + Chì định hình; chì viền môi; chì vẽ chân mày; chì che khuyết điểm; son nước đủ màu; son thỏi đủ màu; lông mi giả; keo dán mi; mí giả...

- + Màu hóa trang, màu vẽ fantasy,....

- *Học liệu:*

- + Giáo trình mô đun

- + Vở; viết; tài liệu; bảng

- + Máy chiếu

- + Hình ảnh; đĩa.

- *Các nguồn lực khác:*

- + Phòng học thực hành chuyên môn;

- + Trang phục thực hành.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- + Tổng quan về Makeup chuyên nghiệp

- + Trang điểm nền chuyên nghiệp

- + Các kiểu màu mắt trong Makeup chuyên nghiệp

- + Trang điểm cô dâu

- + Trang điểm nam giới

- + Makeup fantasy

- + Hóa trang

- *Kỹ năng:*

Được đánh giá bằng quan sát của bài thực hành có bảng thang điểm thực hiện công việc sau:

- + Tổng quan về Makeup chuyên nghiệp

- + Trang điểm nền chuyên nghiệp

- + Các kiểu màu mắt trong Makeup chuyên nghiệp

- + Trang điểm cô dâu

- + Trang điểm nam giới

- + Makeup fantasy

- + Hóa trang

- *Thái độ:* Đánh giá thông qua các mặt sau

- + Ý thức tự giác, tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc;

- + Chăm thận, tỉ mỉ, chính xác trong các thao tác về kỹ năng;

- + Ý thức tiết kiệm nguyên vật liệu;

- + Hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau.

2. Phương pháp:

Trong quá trình thực hiện mô đun, đánh giá kiểm tra vấn đáp kết hợp giữa lý thuyết và thực hành về trang điểm cơ bản với quá trình thực hành trên người mẫu, yêu cầu đạt các mục tiêu của từng bài trong mô đun.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Chương trình mô đun Make up nâng cao được sử dụng để giảng dạy trình độ cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Giáo viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của mô đun và nội dung của từng bài để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học, đảm bảo chất lượng giảng dạy;

- Trong quá trình giảng dạy, ngoài việc sử dụng tài liệu; máy chiếu; giáo viên nên sử dụng phim, hình ảnh hoặc cattolo trang điểm áo cưới, chân dung; hình ảnh trên mạng; hình ảnh cô dâu dự tiệc, cô dâu ngoài trời để giới thiệu rõ về qui trình trang điểm nâng cao dành cho mọi người, mọi lứa tuổi; các hình ảnh trong và ngoài nước về kỹ năng trang điểm giúp bài giảng thêm sinh động;

- Có thể phân nhóm trong quá trình thực tập để tạo điều kiện cho người học trao đổi kiến thức và kỹ năng nghề;

- Giáo viên kèm cặp, uốn nắn trực tiếp các thao tác để tạo kỹ năng trang điểm chuyên nghiệp

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- + Tổng quan về Make up nâng cao;
- + Trang điểm nền chuyên nghiệp
- + Các kiểu màu mắt trong Make up nâng cao;
- + Trang điểm cô dâu
- + Trang điểm nam giới
- + Makeup fantasy
- + Hóa trang

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình trang điểm của trường YIT Hàn Quốc xuất bản năm 2008;

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực hành nghề nghiệp 2

Mã mô đun: MD 26

Thời gian thực hiện mô đun: 180 giờ; (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 146 giờ ; Thi, Kiểm tra 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Là mô đun được thực hiện sau mô đun Massage bấm huyệt trị liệu, Make up nâng cao và thực hiện trước mô đun thực tập tốt nghiệp
- Tính chất: Là mô đun chuyên môn nghề bắt buộc, thực hành là chủ yếu

II. Mục tiêu mô đun:

** Về kiến thức:*

- Tiếp cận và làm quen với cơ sở chăm sóc sắc đẹp;
- Nhận biết được các thiết bị, nguyên vật liệu dùng trong Massage, Make up;
- Giao tiếp được với khách hàng tại cơ sở thực tập đảm bảo văn minh, lịch sự.

** Về kỹ năng:*

- Lựa chọn đúng trang thiết bị, nguyên vật liệu để Massage, Make up phù hợp với yêu cầu của khách hàng;
- Thực hành được các kỹ thuật Massage, Make up đảm bảo an toàn, hiệu quả;
- Dự báo và xử lý được các sự cố có thể xảy ra trong quá trình thực hiện;
- Thực hành quản lý được một cơ sở kinh doanh chăm sóc sắc đẹp.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
 - + Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Thi/Kiểm tra
1	Bài 1. Massage Body, Massage bấm huyệt trị liệu	90	15	73	2
2	Bài 2. Make up cơ bản, nâng cao	90	15	73	2
	Tổng cộng	180	30	146	4

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1. Massage Body, Massage bấm huyệt trị liệu

Thời gian: 90 giờ

Mục tiêu:

- Tiếp cận và làm quen với cơ sở chăm sóc sắc đẹp;
- Nhận biết được các thiết bị, nguyên vật liệu dùng trong Massage Body, Massage bấm huyệt trị liệu;
- Giao tiếp được với khách hàng tại cơ sở thực tập đảm bảo văn minh, lịch sự.
- Lựa chọn đúng trang thiết bị, nguyên vật liệu để Massage Body, Massage bấm huyệt trị liệu phù hợp với yêu cầu của khách hàng;
- Thực hành được các kỹ thuật Massage Body, Massage bấm huyệt trị liệu đảm bảo an toàn, hiệu quả;
- Dự báo và xử lý được các sự cố có thể xảy ra trong quá trình thực hiện;
- Thực hành quản lý được một cơ sở kinh doanh chăm sóc sắc đẹp.

Nội dung:

1. Tìm hiểu về nơi thực tập
2. Lập quy trình đón tiếp, tư vấn khách hàng
3. Chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu
4. Kỹ thuật Massage Body, Massage bấm huyệt trị liệu

Bài 2. Make up cơ bản, nâng cao

Thời gian: 90 giờ

Mục tiêu:

- Nhận biết được các thiết bị, nguyên vật liệu dùng trong Make up cơ bản, nâng cao;
- Giao tiếp được với khách hàng tại cơ sở thực tập đảm bảo văn minh, lịch sự.
- Lựa chọn đúng trang thiết bị, nguyên vật liệu để Make up cơ bản, nâng cao phù hợp với yêu cầu của khách hàng;

- Thực hành được các kỹ thuật Make up cơ bản, nâng cao đảm bảo an toàn, hiệu quả;
- Dự báo và xử lý được các sự cố có thể xảy ra trong quá trình thực hiện;
- Thực hành quản lý được một cơ sở kinh doanh chăm sóc sắc đẹp.

Nội dung:

1. Tìm hiểu về nơi thực tập
2. Lập quy trình đón tiếp, tư vấn khách hàng Make up cơ bản, nâng cao
3. Chuẩn bị trang thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu Make up cơ bản, nâng cao
4. Kỹ thuật Make up cơ bản, nâng cao

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:
 - + Tại cơ sở làm đẹp ngoài doanh nghiệp

2. Trang thiết bị máy móc:

- Bộ sản phẩm trang điểm chuyên nghiệp
- Bộ sản phẩm chăm sóc da
- Bộ sản phẩm điều trị bệnh lý về da
- Máy tính, máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

* Học liệu:

- Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
- Các bài tập thực hành;
- Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

* Nguyên vật liệu:

- + Bộ sản phẩm chăm sóc da
- + Bộ sản phẩm chăm sóc da tổn thương, wax lông, nguyên vật liệu, mỹ phẩm chăm sóc da.

4. Các điều kiện khác:

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Massage Body, Massage bấm huyệt trị liệu;
- Make up cơ bản, nâng cao.

2. Phương pháp:

- + Phương pháp kiểm tra trắc nghiệm
- + Phương pháp kiểm tra tự luận
- + Phương pháp thực hành kiểm tra tại chỗ

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun

- + Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ Cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp và làm tài liệu tham khảo cho các trung tâm làm đẹp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Giáo viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- + Nên áp dụng phương pháp đàm thoại để học viên ghi nhớ kỹ hơn.

- Đối với người học:

- + Chuẩn bị, nghiên cứu nội dung tự học trước ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Massage Body, Massage bấm huyết trị liệu;

- Make up cơ bản, nâng cao.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ sách của trường YIT Hàn Quốc.

- Giáo trình của Dermalogica của Mỹ.

- Giáo trình của Shisido Nhật Bản.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Set up cơ sở làm đẹp

Mã môn học: MH 27

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 42 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Là môn học được thực hiện trước mô đun thực tập tốt nghiệp
- Tính chất: Là môn học chuyên ngành bắt buộc, học lý thuyết là chủ yếu trong chương trình đào tạo Cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:
 - + Trình bày được khái quát về set up là gì;
 - + Trình bày được quy trình set up một cơ sở kinh doanh làm đẹp;
 - + Trình bày được để set up tiêu chuẩn cần những yếu tố nào.
- Kỹ năng: Xây dựng được môi trường và những điểm cần lưu ý khi setup cơ sở làm đẹp.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Thái độ học tập nghiêm túc, sôi nổi, yêu ngành, yêu nghề.
 - + Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, thao tác nhanh khi thực hiện các kỹ năng.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

Số	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng	Lý th u y ế t	Thực hà n h, bà i tậ p	Kiểm t r a
1	Chương 1. Nghiên cứu, khảo sát thị trường, định hướng kinh doanh	5	5		
2	Chương 2. Lập phương án tổ chức hoạt động, kinh doanh	20	19		1
3	Chương 3. Set up nhân sự	15	14		1
4	Chương 4. Điều hành và kiểm soát hoạt động khởi tạo	5	4		1
	Tổng	45	42	0	3

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Nghiên cứu, khảo sát thị trường, định hướng kinh doanh

Thời gian: 05 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được khái niệm setup là gì; hình thức kinh doanh, giá cả và chất lượng phục vụ, đánh giá điểm mạnh, yếu, cơ hội và thách thức của các đối thủ cùng lĩnh vực để đưa ra những dự báo chiến lược và khả năng cạnh tranh của mô hình dự án;
- Phân tích được những ảnh hưởng của các yếu tố khách quan, yếu tố chủ quan đến hoạt động của nhà hàng trong 12 tháng tiếp;
- Trình bày được quy mô kinh doanh, cách xác định thị trường và xác định đối tượng khách hàng mục tiêu.

Nội dung:

1. Khái niệm, quy trình setup cơ sở làm đẹp.
2. Nghiên cứu, khảo sát thị trường
 - 2.1. Khảo sát hiện trạng
 - 2.2. Xác định loại hình beauty
 - 2.3. Xác định đối tượng khách hàng
 - 2.4. Chuẩn bị lại nội dung, xác định lại các yêu cầu và điều khoản
 - 2.5. Nghiên cứu các hình thức kinh doanh, giá cả và chất lượng phục vụ, đánh giá điểm mạnh, yếu, cơ hội và thách thức của các đối thủ cùng lĩnh vực để đưa ra những dự báo chiến lược và khả năng cạnh tranh của mô hình dự án.
 - 2.6. Nghiên cứu, phân tích những ảnh hưởng của các yếu tố khách quan, yếu tố chủ quan đến hoạt động của nhà hàng trong 12 tháng tiếp.
3. Định hướng quy mô kinh doanh dựa trên khả năng đầu tư ban đầu và khả năng tái đầu tư trang thiết bị.
4. Định vị thị trường và xác định đối tượng khách hàng mục tiêu, từ đó đưa ra kết luận về tính khả thi của dự án nói chung và mô hình hoạt động kinh doanh nói riêng.

Chương 2: Lập phương án tổ chức hoạt động, kinh doanh

Thời gian: 20 giờ

Mục tiêu:

- Xác định được mục tiêu ngắn hạn, trung hạn, dài hạn, nguồn khách hàng mục tiêu, sản phẩm mũi nhọn, chiến lược cạnh tranh;
- Trình bày được khái niệm kế hoạch kinh doanh; vai trò của việc lập kế hoạch kinh doanh; các yếu tố của một bản kế hoạch kinh doanh; các công cụ dụng cụ sử dụng trong cơ sở; các khoản chi phí cần dự trù;
- Trình bày được các đầu mục dịch vụ, nội dung menu chi tiết các dịch vụ;

- Trình bày được khái niệm, vai trò của việc chiến lược marketing của cơ sở kinh doanh;
- Phân tích được các yếu tố của một kế hoạch marketing hiệu quả.
- Lập được một bản kế hoạch marketing.

Nội dung:

1. Lập phương án tổ chức hoạt động
 - 1.1. Xác định mục tiêu ngắn hạn, trung hạn, dài hạn
 - 1.2. Xác định nguồn khách hàng mục tiêu
 - 1.3. Xác định sản phẩm mũi nhọn
 - 1.4. Chiến lược cạnh tranh
2. Lập phương án tổ chức kinh doanh
 - 2.1. Lên ngân sách cho đề án thành lập cơ sở kinh doanh
 - 2.2. Lập bảng chi tiết cho từng hạng mục chi phí
 - 2.3. Lập dự toán chi phí cho mỗi dịch vụ
 - 2.4. Phân tích tài chính
3. Lập bảng chi tiết menu dịch vụ
 - 3.1. Xây dựng nội dung menu chi tiết các dịch vụ
 - 3.2. Xây dựng quy trình từng dịch vụ
4. Lập Kế hoạch marketing
 - 4.1. Chiến lược marketing là gì?
 - 4.2. Các loại hình marketing
 - 4.3. Xây dựng kế hoạch marketing cho cơ sở kinh doanh

Chương 3. Setup nhân sự

Thời gian: 15 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày cơ cấu nhân sự của cơ sở.
- Lập được kế hoạch nhân sự của cơ sở làm đẹp.
- Trình bày được khái niệm, vai trò quan trọng của đào tạo nhân sự;
- Mô tả được quy trình đào tạo nhân sự trong cơ sở làm đẹp.

Nội dung:

1. Setup nhân sự
 - 1.1. Xây dựng cơ cấu tổ chức nhân sự
 - 1.2. Xây dựng các quy định cho nhân sự
 - 1.2.1. Xây dựng nội quy cho nhân viên
 - 1.2.2. Xây dựng sổ tay nhân viên
 - 1.2.3. Xây dựng quyền lợi , khen thưởng, kỷ luật
 - 1.2.4. Xây dựng các quy định khác an ninh, cháy nổ, về quản lý

2. Đào tạo nhân sự

- 2.1. Lập danh mục nội dung cần đào tạo
- 2.2. Lập kế hoạch đào tạo nhân sự
- 2.3. Kiểm tra sau đào tạo

Chương 4. Điều hành và kiểm soát hoạt động khởi tạo

Thời gian: 05 giờ

Mục tiêu:

- Trình bày được ý nghĩa của việc kiểm soát
- Trình bày được quy trình kiểm soát
- Thực hiện điều hành và kiểm soát hoạt động khởi tạo của cơ sở làm đẹp.

Nội dung:

1. Chuẩn hóa quy trình vận hành
2. Thu thập thông tin phản hồi của khách
3. Giám sát chất lượng sản phẩm và tiêu hao vật tư
4. Giám sát chất lượng tay nghề nhân viên

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

- Máy móc, dụng cụ và trang thiết bị:
 - + Phòng thực hành chăm sóc da và trang thiết bị liên quan;
 - + Máy tính, máy chiếu, máy in;
 - + Camera kỹ thuật số
- Học liệu:
 - + Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
 - + Các bài tập thực hành;
 - + Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Nghiên cứu, khảo sát thị trường, định hướng kinh doanh;
- Lập phương án tổ chức hoạt động, kinh doanh;
- Setup nhân sự;
- Điều hành và kiểm soát hoạt động khởi tạo

2. Phương pháp: Trắc nghiệm và thực hành trên người mẫu.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Chương trình được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng nghề Chăm sóc sắc đẹp và làm tài liệu tham khảo cho các học sinh/sinh viên trong quá trình theo học cũng như cho các ngành khác.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.
- Nêu vấn đề, phân tích, hướng dẫn các bước.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Lập kế hoạch kinh doanh, marketing, nhân sự của một cơ sở.
- Kiểm soát hoạt động khởi tạo cơ sở làm đẹp.

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình của Bernhard Esser. Taschenbuch der medizinische Fusspflege. B & M Haug GmbH. 1994.
- Giáo trình của Birgit Kunze. Akne Behandlung. Hippokrates Verlag GmbH. 1999.
- Giáo trình của Carole McGilvery, Jimi Reed. The complete Guide to Aromatherapy. Lorenz Books. 2001.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực tập tốt nghiệp

Mã mô đun: MD 28

Thời gian thực hiện mô đun: 480 giờ (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 450 giờ; Kiểm tra: giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: là mô đun thực hành được thực hiện cuối cùng của chương trình đào tạo
- Tính chất: Là Mô đun chuyên môn nghề bắt buộc, được thực hiện tại các cơ sở chăm sóc sắc đẹp, các salon, spa, ảnh viện áo cưới.

II. Mục tiêu mô đun:

- Kiến thức:
 - + củng cố toàn bộ kiến thức về chăm sóc sắc đẹp;
 - + Tiếp cận và làm quen với cơ sở chăm sóc sắc đẹp.
- Kỹ năng:
 - + Vận dụng kiến thức đã được học vào các công việc cụ thể để chăm sóc da, làm móng, massage,...
 - + Thực hành, rèn luyện và nâng cao kiến thức, kỹ năng đã được học về chăm sóc sắc đẹp.
 - + Sử dụng thành thạo các trang thiết bị, công cụ phục vụ cho nghề chăm sóc sắc đẹp.
 - + Biết cách quản lý một cơ sở kinh doanh chăm sóc sắc đẹp;
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: hình thành ý thức kỷ luật, tác phong công việc, nâng cao trách nhiệm trong việc giữ gìn an toàn cho máy móc, con người.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1.	Bài 1. Tìm hiểu về nơi thực tập	30	15	15	
2.	Bài 2. Thực tập chuyên môn	420		420	
3.	Làm báo cáo thực tập tốt nghiệp	30	15	15	
	Tổng cộng	480	30	450	

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Tìm hiểu về nơi thực tập

Thời gian: 30 giờ

Mục tiêu của bài:

- Mô tả được cơ cấu tổ chức của nơi thực tập;
- Tìm hiểu được các dịch vụ chăm sóc sắc đẹp có tại nơi thực tập;
- Đánh giá, nhận xét được công tác quản lý của nơi thực tập.

Nội dung bài:

1. Cơ cấu tổ chức của nơi thực tập;
2. Các dịch vụ chăm sóc sắc đẹp có tại nơi thực tập;
3. Công tác quản lý của cơ sở thực tập

Bài 2: Thực tập chuyên môn

Thời gian: 420 giờ

1. Mục tiêu của bài:

- Vận dụng các kiến thức đã học vào thực tập chuyên môn tại cơ sở nơi thực tập;
- Thực hành, rèn luyện được các kỹ năng nâng cao;
- Sử dụng, bảo quản, quản lý được các thiết bị;

2. Nội dung bài:

1. Chăm sóc da
2. Vẽ móng nghệ thuật
3. Massage Body và Massage bấm huyệt trị liệu
4. Make up cơ bản và nâng cao
5. Quản lý cơ sở kinh doanh

Làm báo cáo thực tập tốt nghiệp

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

- Máy móc, dụng cụ và trang thiết bị: Tại cơ sở thực tập tại doanh nghiệp
- Học liệu;

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Chăm sóc da
- Vẽ móng nghệ thuật
- Massage Body và Massage bấm huyết trị liệu
- Make up cơ bản và nâng cao
- Quản lý cơ sở kinh doanh

2. Phương pháp: Đánh giá thông qua chất lượng của báo cáo thực tập tốt nghiệp do Giáo viên hướng dẫn tại nơi thực tập và tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp phối hợp đánh giá

- Điểm chấm báo cáo thực tập tốt nghiệp là điểm tổng kết của mô đun.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun:

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng Chăm sóc sắc đẹp và làm tài liệu tham khảo cho các trung tâm làm đẹp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

Tổ chức để học sinh luyện tập thực hành các kỹ năng nghề nghiệp.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Chú ý củng cố rèn luyện cho từng học sinh các kỹ năng cần thiết.

4. Tài liệu tham khảo: